



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

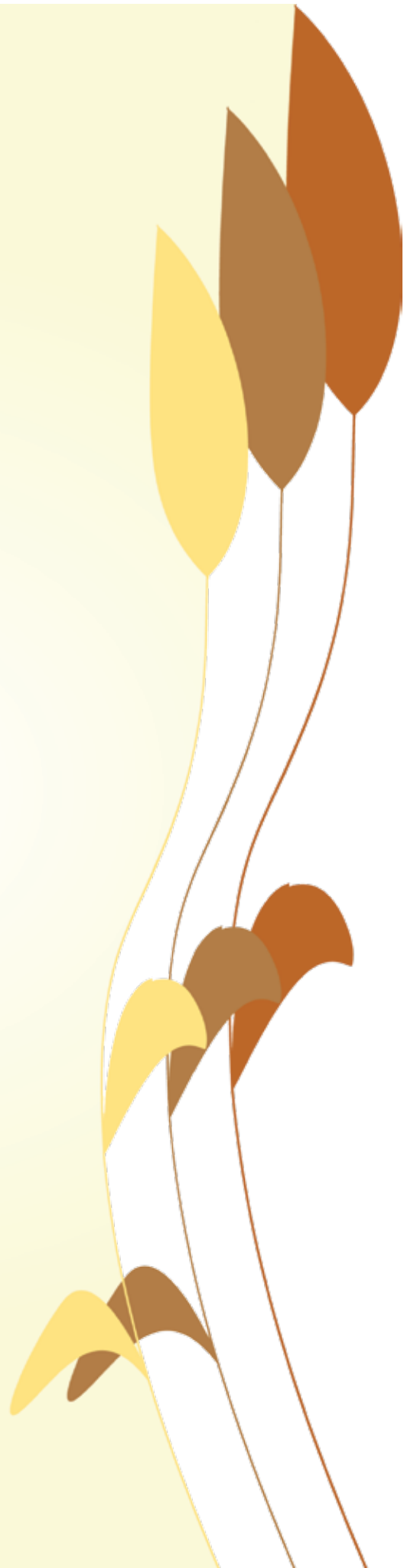
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Đức Phật Chuyển Pháp Luân



Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- An cư Kiết hạ - TK Thiện Minh
- Nghị quyết Hội nghị
- Công văn của HĐTS GHPGVN
- Tính tất yếu và thực tiễn - HT. Thích Thiện Tâm
- Phở bồng Nguyễn Sinh Sắc - TT. Thích Huệ Thông

2. KINH TẠNG

- Đại kinh Dụ dấu chân Voi - HT. Thích Minh Châu

3. LUẬT TẠNG

- Thọ giới - TK Siêu Minh

4. THIỀN HỌC

- Phương pháp đối phó với đau khổ - Lưu Ly

5. LUẬN TẠNG

- Đại cương Vi Diệu Pháp - Thích Tâm Qua

6. VĂN HÓA

- Tìm lại chiếc áo giải thoát - Thích Hạnh Thu
- Viếng thăm Myanmar - Nguyễn Mạnh Hùng

7. ĐỐI THOẠI

- Thiền sư Sayadaw U Ottamasara - Quang Duyên

8. SUY NGẪM

- Làm sao tránh được Khen chê - Thơm Nguyễn

03

06

08

09

13

16

17

20

24

26

29

31

35

9. VĂN THƠ

- Rồi có một ngày - Tâm Uyên
- Niu bóng - Trần Thị Kim Dung

36

36

10. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- GS Ngô Bảo Châu chia sẻ tại chùa Hoằng pháp
- Thực hành pháp Bồ thí - ĐĐ Chí Thâm....
- Chế độ ăn chay và vitamin B12 - Tâm Diệu
- Chất lượng cuộc sống - NSND Bạch Tuyết
- Ba điều bất hạnh - ĐĐ Thiện Minh

37

38

40

42

44

11. VĂN HỌC PALI

- Kệ ngôn của Trưởng lão Pilindavaccha - TT. Thiện Phúc

46

12. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- Ích lợi của lòng trắng trứng Gà - Tường Lam

48

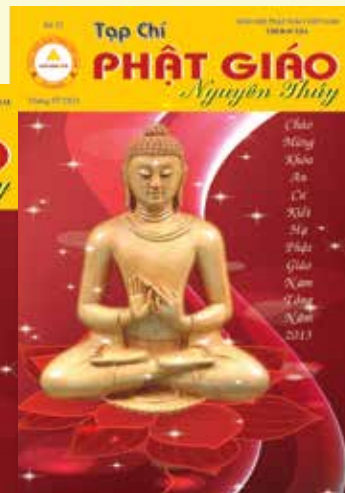
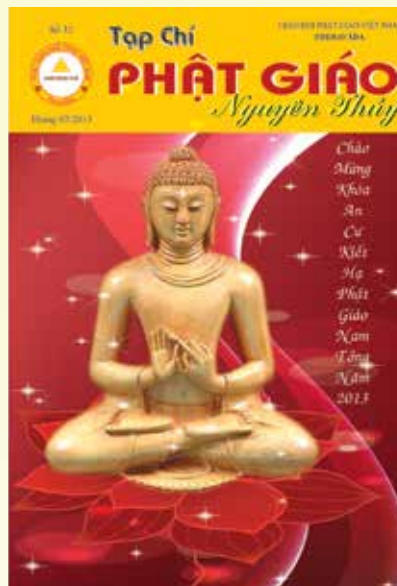
13. LUẬT PHÁP

- Nghị định 92/2012 ND-CP

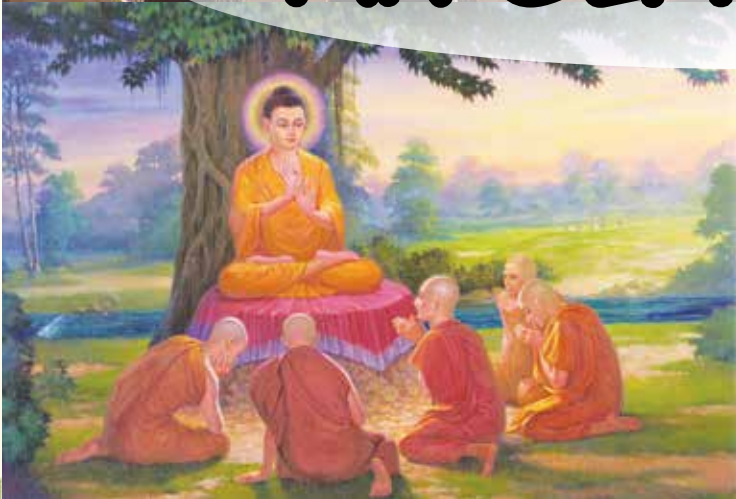
49

14. THEO DÒNG

53



AN CƯ KIẾT HẠ



Mùa an cư thứ 1 Đức Phật nhập hạ tại vườn Lộc Uyển, ở Isipattana để tiếp độ cho nhóm 5 anh em của Kiều Trần Như

HẰNG NĂM, THEO LUẬT TẠNG PĀLI PHẬT GIÁO NAM TÔNG VIỆT NAM THỜI GIAN AN CƯ BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 16-6 ĐẾN NGÀY 15-9 ÂL. NHÂN DỊP NÀY, TẠP CHÍ XIN TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU BÀI “AN CƯ MÙA MƯA” CỦA TRƯỞNG LÃO TỖ KHƯU THĀNISSARO DO TỖ KHƯU THIỀN MINH PHIÊN DỊCH ĐẾN CÁC ĐỘC GIẢ CÙNG THAM KHẢO.

Trước thời Đức Phật khá lâu tại Ấn Độ đã có một thói quen cho rằng các vị hành giả và các vị du hành khác đều lưu lại một nơi nhất định trong mùa mưa, nhằm tiện lợi cho cả hai bên – để cho các vị đó khỏi phải vượt qua những đoạn đường lầy lội – và cũng tiện lợi cho các nông dân, vì họ không muốn mùa màng của mình bị các vị hành giả giẫm đạp. Chư vị tỳ khưu vào những năm đầu sứ mạng hoằng đạo của Đức Phật đã bị chỉ trích nặng nề vì không tuân giữ thói quen này, chính vì thế Đức Phật đã cho phép chư vị tỳ khưu được ngưng

không nên du hành trong ba tháng mùa mưa. Sau này Ngài áp đặt phạt đối với những ai không tuân thủ thói quen này.

Những giai đoạn An cư mùa mưa. Bởi vì mùa mưa tại Đông Nam Á kéo dài xấp xỉ bốn tháng, chư vị tỳ khưu được phép chọn lựa giữa hai giai đoạn An cư mùa mưa: giai đoạn đầu tiên, bắt đầu vào ngày tiếp theo sau rằm tháng bảy (Asalhi); và giai đoạn thứ hai bắt đầu vào ngày rằm tháng tiếp theo. Hiện nay, giai đoạn An cư mùa mưa đầu tiên bắt đầu vào ngày rằm tháng bảy, hay giai đoạn thứ hai cũng bắt đầu vào ngày đó nếu không chia ra làm hai giai đoạn rõ ràng. Vào thời Đức Phật, việc xác định âm lịch là một trong những trọng trách của chính quyền

trong mỗi vương quốc hay mỗi nước Cộng Hòa. Như vậy, để tránh gây tranh cãi, Đức Phật đồng ý rằng ước muốn của nhà vua phải được tôn trọng trong vấn đề này. Nếu nhà vua muốn hoãn lại việc chỉ định ngày rằm tháng bảy vào một tháng khác, chư vị tỳ khưu buộc phải tuân theo (khoản luật xuất phát từ câu chuyện nguyên thủy này được khẳng định bằng những thuật ngữ chung chung “Ta đồng ý rằng các người phải tuân thủ theo ước muốn của nhà vua” cho thấy rằng chúng ta nhận thấy trong chương 7, Đức Phật đã không thiên cận đến nỗi phải cố gắng làm luật cho các vị vua đầu. Tuy nhiên, tập Chú giải cho thấy rằng nguyên tắc này chỉ áp dụng trong những vấn đề không ăn nhập với Phật pháp mà thôi). Hiện nay, chỉ có chính quyền của một số ít các quốc gia tự mình liên quan vào việc tính toán âm lịch vì lợi ích dân chúng chung chung mà thôi, trong những quốc gia khác, điểm này không phải là vấn đề, và chư vị tỳ khưu tự do được tính toán âm lịch mà không tùy thuộc vào những cách tính toán của chính quyền.

Nhập An cư mùa mưa. Ngày đầu tiên An cư mùa mưa chính là khi những nơi ở trong thiền viện được dành cho thời gian mùa mưa, chính vì thế Tập Chú giải yêu cầu rằng vị tỳ khưu đang dự tính trải qua mùa mưa tại một thiền viện khác nên bắt đầu tiến về đó một tháng trước khi mùa mưa bắt đầu để làm sao không gây phiền toái cho người chỉ định chỗ ăn ở và chư vị tỳ khưu khác ở đó. Còn đối với chư vị tỳ khưu dự định ở lại trong thiền viện là nơi họ đang an cư, họ phải trải qua một tháng trước khi mùa mưa bắt đầu để sửa soạn bất kỳ tòa nhà nào đã hư hỏng xuống cấp để cho các vị đến An cư mùa mưa trong đó sẽ học hỏi và tu luyện hành thiền được thoải mái. Người chỉ định nơi an cư nên chỉ định những chỗ ở cho mùa mưa vào buổi sáng ngày mùa mưa bắt đầu. Nếu điều đó xảy ra như vậy thời không còn chỗ sau khi những chỗ ở đã được chỉ định. Thời nếu có chư vị tỳ khưu nào đến sau trong ngày đó, vị đó phải cho họ biết là chỗ ở đã được chỉ định hết rồi, và vị đó sẽ bảo cho họ biết là nên đi đến những nơi ở khác thì hơn, như thế đến một gốc cây chẳng hạn (điều này có nghĩa lý gì, hình như là họ nên đi tới nơi nào khác cho việc An cư mùa mưa thì hơn). Vì Luật tạng có ghi lại một khoản luật nghiêm cấm việc nhập An cư mùa mưa ở bất kỳ nơi nào không thích hợp để làm nơi an cư. (xin đọc dưới đây)

Mv.III.4.2 khẳng định rằng vào ngày bắt đầu mùa mưa, ta không thể đi qua một nơi ở hay một thiền viện nào lại không muốn gia nhập mùa mưa tại đó. Điều này áp dụng cho việc bắt đầu giai đoạn mùa mưa thứ hai lại quá rõ ràng: Vị tỳ khưu phải dừng lại để nghỉ mưa vào chính ngày đó vì để bắt

đầu giai đoạn An cư mùa mưa đầu tiên, tập Chú giải đơn giản lưu ý rằng nếu có trở ngại gì (xin đọc dưới đây) ta có thể chọn gia nhập giai đoạn An cư mùa mưa thứ hai thay vào đó. Một trở ngại không được đề cập đến trong danh sách dưới đây, tuy nhiên, lại được thảo luận trong Mv.II.21.4. Đây chính là trường hợp một thiền viện trong đó có nhiều (có nghĩa là khoảng bốn hay nhiều hơn nữa) chư vị tỳ khưu trụ trì “những vị chưa trải qua kinh nghiệm và thiếu khả năng” đang qua mùa An cư mùa mưa trong đó, và không ai trong số họ biết uposatha hay biết điều hành upasatha. Patimokha hay tụng patimokha. Một trong số họ nên được gọi tới thiền viện lân cận ngay tức khắc để nắm được patimokha ngắn gọn hay chi tiết. Nếu vị đó có thể xoay sở được ngay tức khắc trong vòng bảy ngày, tốt xấu không thành vấn đề, bằng không, thời toàn bộ chư vị tỳ khưu đó nên đến trải qua mùa An cư mùa mưa tại thiền viện lân cận đó, nếu họ lưu lại chỗ cũ thời tất cả chư vị tỳ khưu đó đều phạm giới (dukkata).

Ở đây tập Chú giải ghi thêm rằng nếu một thiền viện chỉ có một vị tỳ khưu biết kinh Patimokha và vị đó lại qua đời, rời khỏi đó hay rũ áo hoàn tục vào tháng đầu tiên An cư mùa mưa, người còn lại nên đi đến đâu đó nơi nào có vị nào đó biết hành trì patimokha và lưu lại đó chờ đến An cư mùa mưa thứ hai. Nếu vị tỳ khưu đó cũng lại qua đời, rời khỏi thiền viện hay rũ áo hoàn tục vào tháng thứ hai An cư mùa mưa, vị còn lại có thể lưu lại đó cho những ngày mùa mưa kết thúc mà không phạm giới.

Tuy nhiên, ta không nên nhập An cư mùa mưa trong một thiền viện. Ta cũng có thể ở một mình hay trong nhóm nhỏ đó bao lâu ta còn lưu lại trong một nơi ở thích hợp và biết cách điều hành ngày lễ Phất lồ (uposatha) thích hợp với con số tỳ khưu trong nhóm đó (xin đọc chương 15). Nhìn chung, tập Chú giải cho rằng một nơi ở thích hợp chính là nơi ở có cửa nẻo và mái che cộng với bất kỳ chất liệu lợp mái nào trong năm loại chất liệu lợp mái cho phép (xin đọc Chương 6) những cách chuẩn bị chỗ ở không thích hợp được liệt kê trong Luật tạng bao gồm việc an cư trong một hốc cây (giống như những yêu quái) trên một chạc cây (giống như những thợ săn), sống ngoài trời, sống tại một nơi không phải là chỗ ở (theo tập Chú giải, điều này có nghĩa là một chỗ không có mái che thích hợp và cửa nẻo), sống trong ngôi nhà tại bãi tha ma (một chỗ để giữ xác chết, tập Chú giải cho biết như vậy, tập Chú giải còn cho biết thêm rằng những nơi ở thích hợp trong phần đất bãi tha ma cũng được phép), sống dưới một chiếc lọng, hay trong chiếc bình đựng nước, (xin đọc Pr 3). Tập Chú giải lưu ý rằng nếu ta chọn vị trí sống trong một hốc cây hay trên một chạc cây có mái che thích hợp, tường và cửa ra vào, cũng được



Mùa an cư thứ 2-3-4: Đức Phật nhập hạ tại ngôi Tịnh xá Trúc Lâm (Veluvanavihāra – ngôi Tịnh xá đầu tiên trong Phật Giáo) gần thành Rājagaha (Vương Xá thành).

phép sống tại đó. Cũng coi như là ổn với một chiếc lọng nếu gắn vào bức tường được đóng đinh vào bốn chiếc cọc – có nghĩa là nếu được chế tạo tương tự như một chiếc lều bạt. Những chiếc yurts cũng được phép sử dụng.

Luật tạng cũng cho phép được lưu lại trong chuồng bò, cùng với một đoàn du hành, hay trên một chiếc tàu thủy. Nếu trong mùa mưa, bất kỳ những phương tiện này đóng trại và duy chuyển, ta có thể được phép đi theo. Tập Chú giải còn cho biết thêm nếu ta dự định lưu lại với đoàn du hành, ta nên thông báo cho những người cùng đi biết ta cần một túp lều để qua mùa mưa trên những chiếc xe. Nếu họ cung cấp cho chúng ta, ta có thể coi túp lều đó làm nơi an cư cho mùa mưa. Bằng không, ta có thể chọn một nơi an cư tại một khoảng trống nào đó trên một chiếc xe cao. Nếu không thể được, ta không nên nhập An cư mùa mưa với đoàn du hành. Nếu ta có ý định theo đoàn du hành với hy vọng đến được một địa điểm nào đó, ta được phép lưu lại ở đó ngay cả nếu như đoàn du hành có đến được địa điểm đó hay không. Nếu đoàn du hành giải tán trước khi đến địa điểm đó, ta nên lưu lại tại điểm đó cho đến khi mùa mưa kết thúc. Nếu ta nhập An cư mùa mưa trên một chiếc tàu, nếu chiếc tàu đó kết thúc chuyến đi, ta nên lưu lại ngay tại điểm đó. Nếu con tàu đi xuôi theo dòng bờ sông hay bờ biển và đến được địa điểm ta đã chọn, ta có thể lưu lại ở đó nếu con tàu tiếp tục cuộc hành trình.

Hiện nay ta còn mở rộng những điều cho phép này đến cả đoàn du hành, xe kéo, nhà di chuyển có kéo theo nhà tạm và những chiếc xe tương tự như vậy.

Thất hứa (không giữ lời hứa). Nếu vị tỳ khưu đã chấp nhận lời mời lưu lại tại một địa điểm nào đó vào mùa mưa nhưng rồi lại không hoàn thành lời hứa - hoặc do không lưu lại tại địa điểm đó hay "thất hứa (xin đọc dưới đây), vị đó sẽ phạm giới (dukkata) vì đã không giữ lời hứa. Tập Chú giải lưu ý rằng nếu vị đó đã thực hiện lời hứa ngay từ lúc đầu với ý định

thất hứa như vậy, vị đó mắc lỗi phạm giới vì đã thất hứa và phạm phải tội pacittiya vì nói dối.

Việc quyết tâm. Chỉ có một thủ tục duy nhất được đề cập đến trong Luật tạng đối với việc bắt đầu nơi an cư mùa mưa đó là ta sửa soạn nơi an cư của mình, kiểm nước uống và nước rửa mặt, và quét dọn sạch sẽ địa điểm đó. Tuy nhiên, tập Chú giải yêu cầu chúng ta thực hiện một quyết tâm chính thức đó là: Sau khi kính lễ bảo tháp, v.v... ta nên đọc phát nguyện một hay hai lần câu sau đây:

"Imasmim vihāre imam te-māsam upemi" - tôi đang nhập ba tháng mùa mưa tại nơi an cư này.

Nếu an cư tại một địa điểm không được coi như là một vihāra – như thể trong một căn chòi trên chiếc xe ngựa – ta nên đọc lên ba lần câu này:

"Idha vassam upemi" – Ta nhập An cư mùa mưa tại đây.

Nếu lưu lại dưới một chiếc xe, ta chỉ cần suy nghĩ, "ta sắp sửa lưu lại tại đây để qua mùa An cư mùa mưa."

Nhiều Tăng chúng khác nhau đã thực hiện lời yêu cầu của tập Chú giải bằng nhiều cách. Trong một số Tăng chúng, câu "kính lễ bảo tháp, v.v..." đã được mở rộng tới một truyền thống trong đó chư vị tỳ khưu chính thức xin sám hối Tam bảo và sám hối lẫn nhau theo đúng thứ tự tuổi đạo. Vì hạn từ "vihāra" có thể được dịch hoặc là nơi an cư hay là thiền viện. Một số Tăng chúng đã tránh tính khó hiểu trước tiên bằng cách tuyên bố đường biên của vùng được chọn làm nơi an cư của chúng ta trong suốt ba tháng mùa mưa - thường bao gồm toàn bộ vùng đất của thiền viện và bằng cách thay đổi lòng quyết tâm bằng:

"Imasmim āvāse imam te-māsam vassam upemi" ta nhập An cư mùa mưa trong ba tháng tại thiền viện này.

Tuy nhiên, nếu vị tỳ khưu muốn giới hạn đường biên ở một vùng xung quanh chiếc chòi, vị đó được tự do thực hiện lòng quyết tâm đó theo cách của vị đó.

Khoảng thời gian an cư mùa mưa. Một khi vị tỳ khưu đã nhập An cư mùa mưa, vị đó không được tiếp tục du hành trong suốt ba tháng tiếp theo. Theo tập Chú giải, điều này có nghĩa là vị đó nên đón chào bình minh mỗi ngày trong suốt ba tháng đó nội trong vùng vị đó đã xác định làm nơi ở an cư. Nếu vị đó còn đón chào ngay cả bình minh bên ngoài vùng vị đó đã xác định, thời vị đó phá vỡ luật an cư mùa mưa đó. Trong khi phá vỡ nơi an cư mùa mưa như vậy, vị đó vừa dẫn đến phạm giới và còn trở thành không đủ tư cách để nhận những ân huệ đặc biệt mà vị đó được hưởng khi kết thúc An cư mùa mưa.

Tuy nhiên, có hai ngoại trừ đối với khoản luật này: đó là tiếp tục một cách hợp pháp thực hiện công việc trong bảy ngày và phá vỡ nơi an cư do bởi những trở lại hợp lý.

Đi công việc trong bảy ngày. Ngoại trừ đầu tiên đối với khoản luật này liên quan đến khoảng thời gian đi công việc đó là, nếu ta có công việc hợp pháp, ta được phép vắng mặt tới bảy ngày. Theo các thuật ngữ của tập Chú giải, điều này có nghĩa là ta có thể ra khỏi nơi an cư trong vòng sáu buổi sáng và phải trở về để đón chào bình minh thứ bảy ngay tại nơi An cư mùa mưa.

Tính chất hợp pháp của công việc được xác định bằng bản chất của công việc, người cần đến sự trợ giúp của ta, và liệu người đó có nhân ta đến hay không.

Nếu bất kỳ người nào trong số bảy hạng người sau đây yêu cầu ta trợ giúp đó là: Vị tỳ khưu đồng nghiệp, vị Tỳ khưu ni, người tập sự nữ giới, vị Sa-di, vị Sa-di ni giới, đạo hữu nam, đạo hữu nữ giới ta có thể lên đường trợ giúp họ nếu được yêu cầu trợ giúp, nhưng ta không thể đi nếu không được yêu cầu, nếu công việc liên quan đến ước muốn lập công phước của một người nào đó, liên quan đến ước ao lắng nghe Phật Pháp, hay để gặp một người nào đó – là người đời hay người đã thọ giới - có thể muốn một vị tỳ khưu đến thăm vì những mục tiêu vừa nêu. Danh sách những công việc này chưa kết thúc, nhưng đã cung cấp cho chúng ta một cái nhìn thật hấp dẫn về những cơ hội lập công phước vào thời đó như: thí chủ đang sắp xếp việc xây một căn nhà, hoặc sẽ dành cho Tăng chúng, dành cho một nhóm chư vị tỳ khưu, hay chỉ dành cho một vị tỳ khưu duy nhất; thí chủ đã sắp xếp việc xây dựng một căn nhà cho chính họ sử dụng. Những cơ hội khác, chỉ ghi lại trong trường hợp của một đạo hữu người đời, bao gồm những tình huống sau đây: khi có con trai hay con gái lập gia đình, khi vị đó bị ốm đau, vị đó nhớ thuộc lòng một bài thuyết pháp quan trọng và muốn truyền đạt lại để bài thuyết pháp đó không biến mất do vị đó qua đời (điều này thường dễ dàng xảy ra vào những ngày trước khi chuyển giao bản viết). Trong toàn bộ những tình huống này, tập Chú giải phụ cho rằng nếu ta ra đi và không được yêu cầu, thời ta đã phá vỡ An cư mùa mưa và điều đó khiến ta phạm giới (còn tiếp).●

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam được tiến hành vào ngày 01, 02/7/2013 tại Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội - Thiền viện Quảng Đức, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh để Sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2013 và thảo luận chương trình hoạt động Phật sự 6 tháng cuối năm 2013 của Giáo hội. Hội nghị đặt dưới sự chủ trì của Hòa thượng Chủ tịch và Quý Hòa thượng Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, chư vị Phó Chủ tịch và sự tham dự của các thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự.

Hội nghị được hân hạnh đón tiếp Ông Phạm Dũng – Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ; ông Bùi Hữu Dực – Vụ trưởng Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ đến dự và phát biểu ý kiến với Hội nghị.

Qua hai ngày làm việc trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết, sau khi nghe báo cáo sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2013, chương trình hoạt động Phật sự 6 tháng cuối năm 2013 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam do Ban Thư ký trình bày và những ý kiến phát biểu của đại diện các Ban, Viện Trung ương Giáo hội, Hội nghị đã nhất trí:

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua bản báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2013 nhiệm kỳ VII (2012 - 2017) của Giáo hội (có văn bản đính kèm).

2. Thông qua chương trình hoạt động Phật sự 6 tháng cuối năm 2013 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (có văn bản đính kèm).

3. Hội nghị góp ý tu chỉnh Quy chế Ban Thường trực Hội đồng Trị sự và thông qua Quy chế Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh, thành, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (đính kèm văn bản).

4. Hội nghị nhất trí suy cử Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS, Quyền Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự cho đến Hội nghị Thường niên Trung ương Giáo hội cuối năm nay (2013), trình Hội nghị suy cử chính thức.

5. Hội nghị nhất trí thông qua danh sách nhân sự và Nội quy do các Trưởng ban, Viện trưởng trình tại Hội nghị.

6. Việc đăng cai tổ chức Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc năm 2014 tại Việt Nam, giao Ban Phật giáo Quốc tế, Ban Thư ký, Văn phòng Trung ương Giáo hội liên hệ các cơ quan hữu quan hoàn thành các thủ tục cần thiết.

7. Việc chủ trương xây dựng Bảo tháp tôn thờ

Trái tim Bồ tát Thích Quảng Đức, giao Văn phòng Trung ương Giáo hội, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Ban Trị sự GHPGVN TP. Hồ Chí Minh phối hợp lập đề án xây dựng Bảo tháp và trao đổi ý kiến với các Cơ quan Nhà nước Trung ương trước khi báo cáo với Hội nghị Thường niên của Hội đồng Trị sự vào tháng 12/2013 để Hội nghị quyết định.

8. Có Thông tư gửi Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh, thành phố tổ chức Lễ tưởng niệm 20 năm ngày Đức Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN viên tịch; Giao Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội lên kế hoạch phối hợp với Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức Hội thảo Khoa học về cuộc đời và sự nghiệp của Đệ nhất Đức Pháp chủ GHPGVN vào cuối năm 2013.

9. Có văn thư đề nghị các cơ quan hữu trách về việc xin khắc dấu tròn cho Ban Pháp chế, Ban Kiểm soát, Ban Thông tin truyền thông Trung ương, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh và cấp huyện, Phân ban Gia đình Phật tử, Phân ban Ni giới Trung ương.

10. Ghi nhận và nhất trí với ý kiến phát biểu của Phật giáo Nam tông Khmer.

11. Ghi nhận và nghiên cứu những ý kiến phát biểu của các Trưởng ban, Viện trưởng Trung ương và Ban Kiểm soát Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

12. Giao Ban Thư ký, Văn phòng 1 Trung ương tiếp tục trao đổi, bàn bạc cùng các ngành chức năng liên quan để tiến hành Đại hội Phật giáo tỉnh Hải Dương và Đại hội thành lập Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hà Giang, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu.

13. Giao Ban Thư ký và Văn phòng Trung ương Giáo hội hoàn chỉnh các Văn bản có liên quan đến Hội nghị để phổ biến và thi hành; đồng thời, chuẩn bị các nội dung liên hệ cho Hội nghị Thường niên của Hội đồng Trị sự vào cuối năm 2013.

14. Nhất trí về báo cáo tài chính thu chi, phương hướng hoạt động về tài chánh của Ban Kinh tế Tài chánh Trung ương Giáo hội.

Hội nghị đã nhất trí thông qua Nghị quyết này vào lúc 10 giờ 30 ngày 02 tháng 7 năm 2013 trong tinh thần đoàn kết, hoan hỷ và nhất trí.

TM. CHỦ TỌA ĐOÀN

(đã ký)

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

NGÀY 15 THÁNG 7 NĂM 2013, HT. THÍCH TRÍ TỊNH – CHỦ TỊCH HĐTS GHPGVN
ĐÃ KÝ CÔNG VĂN SỐ 226 GHPGVN GỬI CÁC TỔ CHỨC, CÔNG VĂN ĐÃ NÊU RÕ:

Công văn của HĐTS GHPGVN về việc Khủng bố tại Bồ Đề Đạo Tràng

Kính gửi: - Đại diện Thường trực Ủy ban Unesco Liên Hợp Quốc
- Liên đoàn Phật giáo Thế giới tại Bồ Đề Đạo Tràng - Bihar Ấn Độ
- Ủy ban Quản trị Đại Tháp Bồ Đề tại Bihar - Ấn Độ

Vào sáng ngày 07 tháng 7 năm 2013, có 08 vụ nổ nhỏ xảy ra liên tiếp tại Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhi Gaya) thuộc bang Bihar, Cộng hòa Ấn Độ, khiến hai nhà sư (01 của Tây Tạng, 01 của Myanmar) bị thương. Sau khi vụ việc xảy ra, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử rất sững sốt, quan ngại sâu sắc về hành vi cực đoan đánh bom tại Thánh tích Bồ Đề Đạo Tràng – Di sản Văn hóa Thế giới.

Bồ Đề Đạo Tràng là một trong các Thánh tích thiêng liêng của Phật giáo đồ trên thế giới. Tại đây, vào năm 531 trước Công nguyên, Thái tử Tất Đạt Đa đã tu hành và thành đạo, thành lập ra Phật giáo và tiếp tục tồn tại, phát triển cho đến hôm nay. Những tư tưởng vì sự tiến bộ của con người, vì sự hạnh phúc của số đông, vì sự an lạc và hoà bình cho nhân loại của Đức Phật Thích Ca để lại đến nay vẫn còn nguyên giá trị và Thánh tích Bồ Đề Đạo Tràng vào năm 2002 đã được cơ quan Unesco Liên Hiệp Quốc công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.

Vụ việc tuy đã được Chính phủ Cộng hòa Ấn Độ điều tra làm rõ, nhưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong nước cũng như ngoài nước đang nóng lòng theo dõi và tin tưởng rằng với trách nhiệm của mình, Ủy ban Unesco Liên Hợp Quốc, Liên đoàn Phật giáo Thế giới tại Ấn Độ sẽ trao đổi cụ thể với Chính quyền bang Bihar và Chính phủ Cộng hòa Ấn Độ để có những giải pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ Thánh tích Bồ Đề Đạo Tràng – Di sản Văn hóa Thế giới không bị xâm hại bởi hành động cực đoan trong thời gian sắp tới.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam xin chia sẻ sự tổn thương qua vụ tấn công khủng bố vừa qua; cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho những nạn nhân sớm bình phục và trả lại sự an bình, tịnh lạc cho Thánh tích Bồ Đề Đạo Tràng - Di sản Văn hóa Thế giới của nhân loại đã có được từ hàng chục thế kỷ qua.

Trân trọng kính chào và chúc sức khỏe Quý vị.

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH



Tính tất yếu và thực tiễn của định hướng “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội” của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

HT. Thích Thiện Tâm
(tiếp theo & hết)

1.3. Tính tất yếu của Định hướng

Theo tiến trình phát triển xã hội của Chủ nghĩa Macx⁽¹⁾, xã hội loài người trải qua các hình thái từ Cộng sản nguyên thủy, Chiếm hữu nô lệ, Phong kiến, Tư bản và Cộng sản chủ nghĩa. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, giai cấp vô sản (dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và lực lượng cách mạng nông cốt là giai cấp nông dân) đã thực sự giành quyền làm chủ từ tay của giai cấp tư bản ngoại quốc. Với chiến thắng này, lịch sử xã hội Việt Nam đã bước sang một trang mới đầy hào hùng và hứa hẹn nhiều an vui, hạnh phúc cả về phương diện vật chất lẫn tinh thần cho tất cả chúng sanh. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX cũng đã xác định: *Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại⁽²⁾*. Như vậy, với thực tiễn Cách mạng dân tộc, dân chủ của Việt Nam, việc tiến lên hình thái xã hội chủ nghĩa và cao hơn nữa là xã hội cộng sản với lực lượng sản xuất,

quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng xã hội cộng sản được cho thấy là một quá trình, một yêu cầu, một sự kiện khách quan, mang tính chất quy luật, không duy ý chí, mang màu sắc bảo thủ, thủ cựu. Về điểm này Macx nói: *Tôi coi sự phát triển của các hình thái Kinh tế - Xã hội là một quá trình Lịch sử - Tự nhiên*. Lịch sử xã hội do con người làm ra, con người tạo ra các quan hệ xã hội của mình và đó là xã hội. Nhưng sự vận động của xã hội lại tuân theo quy luật khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn của con người mà nguồn gốc sâu xa của sự thay thế nhau giữa các hình thái kinh tế - xã hội nằm ở chỗ:

* Sự phát triển của lực lượng sản xuất, gây nên sự thay đổi của quan hệ sản xuất.

* Sự thay đổi của quan hệ sản xuất (với tư cách là cơ sở hạ tầng) sẽ làm cho kiến trúc thượng tầng thay đổi.

* Do vậy, từ những yếu tố cấu trúc của mỗi một hình thái Kinh tế - Xã hội thay đổi dẫn đến hình thái kinh tế - xã hội này được thay thế bằng hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn, tiến bộ hơn.

Thế giới quan Phật giáo được xây dựng trên Định luật Phát sinh duyên khởi. Nói một cách vắn tắt, Định luật này được phát biểu như sau: bản chất của mọi sự vật, hiện tượng một mặt có tính chất thay đổi không ngừng nghỉ, mặt khác lại là sự tập hợp, kết hợp của vô vàn yếu tố cấu thành. Các yếu tố đó, do sự tương tác lẫn nhau dẫn đến sự thay đổi bản thân hoặc tạo nên sự thay đổi lên nhau

1. Giáo trình Triết học Mác - Lê nin, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, năm 2006.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, năm 2001, trang 84 – 85.

dẫn đến sự thay đổi, phát triển, biến hoại của cái tổng thể. Do đó, khi liên hệ với sự phát triển xã hội theo học thuyết Macx, ta có thể nhận thấy sự tương đồng và khả năng vận dụng linh hoạt tinh thần Đạo Phật vào hoàn cảnh xã hội cụ thể ở nước ta. Đồng thời, với nguyên tắc Tùy duyên – Bất biến, sự vận dụng ấy phải luôn mang tính chất sáng tạo, nhu nhuyễn, linh hoạt tức là tùy thuộc hoàn cảnh mà có những phương tiện khác nhau nhưng lại phải không được xa rời cái gốc rễ, nguồn cội, căn cốt nhất, cứu cánh tối hậu của Phật giáo là giải thoát chúng sanh khỏi khổ đau, hướng đến hạnh phúc, an lạc tuyệt đối. Điều này không có gì khác với tinh thần “Đĩ bất biến ứng vạn biến” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn Cách mạng Việt Nam⁽³⁾.

Như đã phân tích ở trên, sự phát triển của Phật giáo, tự thân không hề tách rời khỏi sự vận hành, phát triển của môi trường, hoàn cảnh tồn tại. Phật giáo, từ buổi mới du nhập vào nước ta, đã, đang và sẽ luôn đồng hành cùng dân tộc, cùng mọi người dân trên bước đường xây dựng và bảo vệ đất nước. Yêu cầu lịch sử trong thời kỳ quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi sự đoàn kết toàn dân, sức mạnh tổng lực từ tất cả tầng lớp xã hội, tất cả tổ chức, đoàn thể, cá nhân trên mọi mặt, mọi phương diện từ chính trị đến kinh tế, xã hội, tôn giáo, v.v... Giáo hội Phật giáo Việt Nam – với tư cách là một thành viên trong Đại gia đình Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng không đứng ngoài sứ mạng chung của toàn dân tộc. Do đó, việc xác định rõ việc Phật giáo Việt Nam, tiếp tục truyền thống tốt đẹp ngàn đời, sẽ vẫn đồng hành cùng dân tộc trên con thuyền đưa đến hạnh phúc, an vui cho tất cả người dân Việt Nam cũng không nằm ngoài tinh thần đó.

Nhìn lại thực tiễn lịch sử Phật giáo Việt Nam trong mối tương quan cùng nhà nước, dân tộc, ta thấy người Phật tử Việt Nam luôn vận dụng linh hoạt tinh thần khế lý (hợp với chân lý hay bất biến), khế cơ (hợp với căn cơ), khế thời (hợp với thời đại, thời cuộc), khế xứ (hay tùy duyên như đã nói ở trên). Phật giáo ở một quốc gia chưa bao giờ tách khỏi hay đi chệch ra mô hình nhà nước của quốc gia đó trong một thời kỳ, hoàn cảnh cụ thể. Thật vậy, Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước đại diện cho nhân dân, của dân, do dân và vì dân. Cương lĩnh chính trị (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định rõ hơn mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa: “*Xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta*

3. Tháng 5 năm 1946 khi chính quyền cách mạng non trẻ vừa mới ra đời đã phải đối mặt với thù trong giặc ngoài. Trước khi lên đường sang nước Pháp để cứu vãn nền hòa bình, Người giao cho cụ Huỳnh Thúc Kháng đảm trách quyền chủ tịch nước với lời dặn dò: “Mong cụ ở nhà: đĩ bất biến, ứng vạn biến”.

xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển⁽⁴⁾....”. Phật giáo Việt Nam là nền giáo dục, là lối sống siêu việt, cao đẹp mang tính nhân văn sâu sắc. Tức là Phật giáo Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đều hướng đến đối tượng con người với mục đích dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đây, thực chất không hề khác với những giá trị cốt lõi mà đạo Phật cống hiến cho nhân loại. Vì vậy, quả không sai khi khẳng định rằng: Phật giáo Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục đồng hành cùng dân tộc, đồng hành cùng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Do vậy, lựa chọn Định hướng “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội” vừa là một yêu cầu khách quan mang tính chất lịch sử vừa là sự sáng tạo, vận dụng tinh thần, triết lý đạo Phật vào thực tiễn môi trường tồn tại của nó.

2. THỰC TIỄN TRIỂN KHAI

2.1. Thành tựu đạt được

2.1.1. Về Đạo pháp

Với định hướng đúng đắn, trải qua quá trình hình thành và phát triển trên 30 năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã gặt hái được nhiều thắng lợi trên con đường hoằng dương Phật Pháp, phổ độ chúng sinh:

a. Hệ thống tổ chức của Giáo hội từ Trung ương đến cơ sở đã được hình thành, phát triển sâu rộng ở hầu khắp các địa phương trong cả nước và ngày càng ổn định.

Đến nay, đã có 57/63 tỉnh, thành phố đã thành lập Ban Trị sự Phật giáo, và theo đó, đã có 280 ban đại diện Phật giáo từng bước được hình thành, quy tụ được gần 15.000 tự viện tham gia, trở thành đơn vị cơ sở của Giáo hội. Giáo hội Phật giáo đã và đang khẳng định là tổ chức tôn giáo, không chỉ có số lượng tín đồ nhiều nhất, số lượng chức sắc, nhà tu hành đông nhất, số lượng cơ sở thờ tự nhiều nhất, mà còn có hệ thống cơ sở rộng rãi nhất trong số các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

b. Hoạt động đào tạo tăng tài phát triển mạnh

4. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).



Tân Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Trà Vinh nhiệm kỳ V ra mắt

mẽ và có những bước đột phá quan trọng. Đó là sự tiếp nối, nâng cao và có bước nhảy vọt về chất so với phong trào Chấn hưng Phật giáo trước đây.

Hiện có 4 Học viện Phật giáo, đã đào tạo được 4.826 tăng ni sinh tốt nghiệp Cử nhân Phật học và đang đào tạo trên 2.000 tăng ni sinh; 8 lớp Cao đẳng Phật học đã đào tạo 1.506 tăng ni sinh tốt nghiệp và đang đào tạo 690 tăng, ni sinh; 31 trường trung cấp Phật học đã đào tạo 7.315 tăng, ni sinh tốt nghiệp và đang đào tạo 2.611 tăng ni sinh; 50 lớp sơ cấp Phật học đào tạo gần 1.500 tăng ni sinh. Ngoài ra, còn có gần 100 tăng ni đã tốt nghiệp Tiến sĩ, Thạc sĩ và gần 400 tăng, ni sinh học Thạc sĩ, Tiến sĩ ở nước ngoài tại các nước Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar, Sri Lanka, Nhật Bản⁽⁵⁾.... Đây chính là nguồn nhân lực quan trọng góp phần rất lớn vào sự nghiệp hoằng dương Giáo Pháp, mang hạnh phúc đến với nhân dân, giữ vững nền hòa bình đất nước.

Đặc biệt, được sự giúp đỡ, hỗ trợ kinh phí của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã biên dịch bộ Đại tạng kinh Việt Nam, ấn hành và tái bản nhiều lần tạo điều kiện cho Tăng Ni và đông bào Phật tử dễ tu học, nghiên cứu.

c. Hoạt động xây dựng, tu bổ chùa cảnh được quan tâm đặc biệt, được tập trung mạnh mẽ và đạt được những thành tựu to lớn.

Trước những năm 80, do điều kiện chiến tranh, do những khó khăn về kinh tế, do những hạn chế về nhận thức và những nguyên nhân lịch sử khác,

5. Xem Hà Văn Núi - Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 30 năm Giáo hội Phật giáo VN: Xây dựng và phát triển trong khối đại đoàn kết dân tộc, Báo điện tử Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ngày 08 tháng 11 năm 2011.

việc tu bổ, sửa chữa chùa cảnh (chưa nói đến việc xây dựng mới) hầu như chưa được quan tâm đúng mức. Vì thế, qua thời gian, phần lớn chùa cảnh đều xuống cấp, hoặc đổ nát, hoặc bị tháo dỡ.

Trong 30 năm qua, với sự kiên trì, cố gắng rất cao của đội ngũ tăng ni, Phật tử cùng sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan chính quyền, Mặt trận các cấp, hầu hết số chùa cũ còn lại đã được sửa chữa lớn, được tôn tạo, nâng cấp hoặc được xây dựng mới khang trang hơn (có nhiều ngôi chùa được hoàn thành với tổng kinh phí hàng chục tỷ đồng, cá biệt có những ngôi chùa được xây dựng với kinh phí hàng trăm tỷ đồng). Phần lớn các chùa bị tháo dỡ đã được xây dựng lại. Đó chính là cơ sở vật chất thuận lợi cho sự phát triển của Phật giáo và cho hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam⁽⁶⁾.

2.1.2. Về chính trị, xã hội



HT Viên Minh trao học bổng cho các em học sinh tại chùa Bửu Long.

Trong tổ chức GHPGVN, nhiều vị cao tăng, nhân sĩ, trí thức Phật giáo tham gia tích cực các lĩnh vực xã hội cũng như các tổ chức chính trị xã hội, nhiều vị được nhân dân tín nhiệm bầu vào đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp,... Những hoạt động tích cực ấy là những tấm gương tiêu biểu khuyến khích Tăng, Ni, Phật tử tham gia nhiều hoạt động xã hội, nêu cao tinh thần yêu nước, phát huy đạo lý từ bi, mở rộng lòng khoan dung, duy trì nếp sống lục hòa để tương trợ giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, động viên nhau hăng hái thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm và tham gia xóa đói giảm

6. Xem Nguyễn Huy – Thạc sĩ trường Chính trị Tô Hiệu Hải Phòng, 30 năm Giáo hội Phật giáo Việt Nam - những thành tựu cơ bản và những thách thức, Trường Chính trị Tô Hiệu Hải Phòng, Nội san nghiên cứu khoa học số 4/2011 và Báo cáo tóm tắt công tác Phật sự nhiệm kỳ VI GHPGVN, GHPGVN.



nghèo.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tích cực hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động như cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", cuộc vận động "Quy vờ người nghèo" và đợc sự hưởng ứng tích cực của đông đảo tăng, ni, Phật tử cả nước. Giáo hội còn tích cực tham gia thực hiện công tác từ thiện xã hội, cứu khổ độ sinh, giúp đỡ người già neo đơn, trẻ em tàn tật, mồ côi, người khó khăn, tham gia xoá đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn hoá trong cộng đồng với nhiều kết quả thiết thực đóng góp vào phong trào thi đua, yêu nước của các tầng lớp nhân dân cả nước⁽⁷⁾.

Riêng trong công tác từ thiện xã hội, GHPGVN có 126 Tuệ Tĩnh đường là nơi khám chữa bệnh cho người nghèo, người có hoàn cảnh ốm đau khó khăn, hàng trăm ngôi chùa tổ chức nuôi dạy trẻ mồ côi, trẻ tàn tật, người già không nơi nương tựa, nhiều chùa làm tốt công tác từ thiện nhân đạo. Bình quân hàng năm GHPGVN đã vận động quyên góp giúp đỡ đồng bào khó khăn hàng trăm tỉ đồng, tính riêng năm 2010 số tiền do GHPGVN vận động là 700 tỉ đồng, báo cáo tổng kết trong 30 năm GHPGVN huy động 2.020 tỉ đồng giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai, bệnh tật... Tấm lòng và hành động chia sẻ của Phật giáo Việt Nam với người khó khăn không chỉ trong nước mà còn cả với nhân dân bị thiên tai ở nước ngoài như Indonesia, Nhật Bản v.v..., sau những thảm họa sóng thần⁽⁸⁾.

7. Xem Hà Văn Núi - Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 30 năm Giáo hội Phật giáo VN: Xây dựng và phát triển trong khối đại đoàn kết dân tộc, Báo điện tử Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ngày 08 tháng 11 năm 2011.

8. Xem Bùi Hữu Dực - Vụ trưởng Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ, Phật giáo Việt Nam - truyền thống và thành tựu 30

2.2. Một số vướng mắc, khuyết điểm

Qua thực tiễn hoạt động, bên cạnh những thành tựu to lớn đạt đợc nhờ nỗ lực, trí tuệ và sức mạnh đoàn kết của toàn thể tín đồ Phật tử, cũng như từ sự giúp đỡ quý báu từ các cấp, các ngành, các đoàn thể chính trị, xã hội, vẫn còn một số khuyết điểm, vướng mắc cần phải khắc phục, giải quyết.

* Mặc dù nhân sự của Hội đồng Trị sự, các Ban, Viện Trung ương Giáo hội, Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội, Ban Đại diện Phật giáo cấp Huyện đã đợc tăng cường nhưng hoạt động chưa đồng bộ, chưa sâu sát, chưa thật sự là chất xúc tác với các cơ sở địa phương, nên một số Phật sự đợc triển khai chưa đạt yêu cầu.

* Do Giáo hội chưa có kế hoạch tạo nguồn kinh tế tài chính ổn định lâu dài và dự trữ để hoạt động, nên việc triển khai thực hiện một số công tác Phật sự trong nhiệm kỳ qua còn gặp nhiều khó khăn trên các lãnh vực như thời gian và không gian hoạt động chưa liên kết chặt chẽ với nhau⁽⁹⁾.

* Một bộ phận không nhỏ Tăng, Ni Phật tử xa rời nếp sống đạo đức, kỷ luật, giới hạnh, sa vào đời sống dung tục, từ bỏ đạo hạnh, biếng nhác trong pháp học, dễ dãi trong pháp hành, dẫn đến tình trạng mê tín dị đoan, đi ngược lại với Giáo huấn của Đức Phật.

* Nhiều hoạt động Phật sự hiện nay mang nặng tính chất hình thức, không đi sâu vào nội dung và tính thực dụng của việc làm.

3. KẾT LUẬN

Ở Việt Nam, Chính phủ đã có những chủ trương và chính sách rất rõ ràng về tôn giáo và dân tộc. Ấy vậy mà, một số người ở trong và ngoài nước vẫn cố tình xuyên tạc thực tế, gây ảnh hưởng bất lợi cho công cuộc xây dựng đất nước. Có thể nói, Việt Nam là một trong những quốc gia trong khu vực có thể mạnh về tinh thần đoàn kết dân tộc và tôn giáo. Điều này đợc thể hiện nhất quán trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước từ trước đến nay về việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân đợc Hiến pháp và pháp luật quy định cụ thể, rõ ràng nên đời sống của người dân ngày càng đợc ổn định, an tâm thực hiện nhiệm vụ tôn giáo và tín ngưỡng chính đáng của mình. Tín đồ và chức sắc các tôn giáo thường xuyên gặp gỡ, giao lưu với nhau rất tốt đẹp trong ý thức đoàn kết dân tộc, là thành viên trong ngôi nhà chung của Mặt trận Tổ quốc (xem tiếp trang 19)

năm qua, Tạp chí Văn hóa Phật giáo số 141

9. Báo cáo tóm tắt công tác Phật sự nhiệm kỳ VI GHPGVN.



ảnh trên: Lăng cụ Phó Bảng, ảnh dưới: Cổng vào khu di tích.

PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC TRONG PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO

TT. Thích Huệ Thông

Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Bình Dương
(tiếp theo & hết)

Tiếp tục truyền bá tinh thần yêu nước nhằm hỗ trợ qua lại cho phong trào chấn hưng Phật giáo, vào đầu năm 1927, cụ Phương Tiện giả danh làm vị cao tăng chùa Từ Đàm (Huế) đã vượt chặng đường dài trên cả ngàn cây số để đến chùa Tiên Linh (Mỏ Cày, Bến Tre) kết hợp cùng với ông Trần Hữu Chương, đảng viên Tân Việt được cử về xã Minh Đức gây dựng cơ sở, mở lớp học cho thanh niên và cả những người trong tổ chức hội kín Nguyễn An Ninh. Trước khi rời chùa Tiên Linh, cụ viết đôi liễn tặng Hòa thượng Khánh Hòa:

*"N hư thị N hư Lai, xuất thế khai thông, hướng dẫn mê đồ qui Phật pháp;
Trí vi Trí giả, hiện thân thuyết pháp, hô hào trí thức thượng Thiên lai".*

Tạm dịch:

*"Đích thực Như Lai, xuất thế khai thông, hướng kẻ mê quay về pháp Phật;
Thật là bậc Trí, hiện thân thuyết pháp, hô hào hàng trí đến cõi Thiên."*

Nội dung hai câu đối này một lần nữa thể hiện rõ tinh thần cổ xúy khích lệ công cuộc chấn hưng Phật giáo đương thời phát triển, đồng thời nó cũng phản ánh tâm tư nguyện vọng của chính cụ Sắc là cần phải gấp gáp hướng dẫn quần chúng Phật tử quay về Chánh pháp, phải kêu gọi đội ngũ trí thức kịp thời dẫn thân phục vụ nhân sinh để đất nước mau chóng thanh bình thịnh trị ("Hô hào trí thức thượng Thiên lai" chính là nghĩa này vậy). Theo cụ Sắc, có thực hiện được ý tưởng này thì mới "Đích thực là Như Lai", mới "Đích thực là bậc Trí".

Hành trình cũng như công trạng trong quá trình tham gia phong trào chấn hưng Phật giáo của cụ

Sắc chỉ đơn cử như vậy thiết nghĩ cũng là quá đủ trong một tham luận vốn có giới hạn. Đến đây thiết nghĩ cũng cần có đôi dòng về tâm trạng, hay nói khác hơn là nói về tinh thần giác ngộ đời sống vô thường rất thuần túy của một người Phật tử thuần thành luôn ngự trị trong tâm hồn vốn nhiều trắc ẩn và sâu kín của cụ Sắc. Thật vậy, có lẽ tư tưởng Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc trong con người của cụ, cộng với bối cảnh đau thương của đất nước, nên khi cụ viết thư về quê cho người cháu và những người thân thuộc của mình, cụ bày tỏ:

Thúc phụ Phó bảng Nguyễn thị, Nguyễn Sinh Lý thư

Nhân sanh nhược đại mộng,
Thế sự như phù vân
Uy thế bất túc thị
Xảo hiểm đồ tự hại
Giới chi! Giới chi!

Tạm dịch:

Thư chú Nguyễn Sinh Sắc gửi cháu Nguyễn Sinh Lý

*Đời người như giấc mộng lớn,
Thế sự như đám mây bay,
Quyền lực không đủ để dựa,
Giàn xảo là tự hại mình,
Rắn thay! Rắn thay!"*

Từ những ngày đầu trong chốn quan trường, cụ Sắc đã thấm nhuần tư tưởng triết lý của đạo Phật nhìn cuộc đời là vô thường, là huyễn ảo... Cụ luôn ứng dụng tinh thần nhập thế của đạo Phật để phát huy tinh thần yêu nước. Trong tình cảm sâu sắc của mình đối với đạo Phật đã được bộc lộ rất rõ khi cụ viết thư về Nghệ Tĩnh để khuyên bà con và họ hàng theo đạo Phật. Thư này lọt vào mắt thám Vinh và

chúng đã báo cho Khâm sứ Trung Kỳ: "Vinh, ngày 8-9-1927. Nguyễn Sinh Huy báo tin cho bà con họ hàng biết là ông ta đang ở tại số 225 nhà Tiến Phúc Đồng phố Thiêt Bình (ESPAGNE) khuyên bà con nên theo đạo Phật". Đặc biệt là khi nhà cách mạng Phan Trọng Bình (con của cụ Tú Cúc Phan Đình Viện hoạt động yêu nước tại chùa Hội Khánh với cụ Sắc) từ Quảng Châu về gặp cụ để hỏi tình hình đất nước và phương cách để bảo vệ đất nước, cụ dạy: "Các cháu muốn giải phóng, các cháu phải theo đạo Phật"¹).

Cái nhìn về vô thường của cụ là cái nhìn tích cực; thấy vô thường thấy giả huyền, thấy các pháp là duyên hợp không thực. Từ cái nhìn này, trong suốt cuộc đời của mình, cụ không dính mắc, không chấp trụ hay bảo thủ cái gì riêng tư cho mình. Trong thời gian ở Sài Gòn, hằng ngày cụ xem mạch, kê toa kiếm sống. Cụ rất đơn giản, chỉ có hai bộ đồ trong mình, mang guốc giông, quần xà lỏn, áo vải xanh Nam Định, ăn cơm ở vỉa hè chợ Bến Thành chung với bà con lao động lam lũ. Tới về chùa Linh Sơn, chùa Sắc tứ Từ Ân để tham cứu kinh điển. Từ cái nhìn vô thường theo chiều hướng tích cực, cụ Sắc mới có thể hy sinh tình cảm thiêng liêng cha con cho dân, cho nước. Trong cuộc chia tay của hai cha con tại Bến Nhà Rồng năm 1911, khi Nguyễn Tất Thành nhìn cha mình sức khỏe bị suy sụp quá nhiều, cha đã hy sinh nuôi dưỡng dạy dỗ chưa kịp báo đáp thâm ân quả thật là bất hiếu, ra đi con chưa yên lòng (lời tâm sự của Nguyễn Tất Thành khi nhìn cha). Cụ bảo: *"Nước mất thì lo cứu nước, con chỉ có mỗi một việc đó phải làm, cứu nước tức là hiếu với cha rồi. Con hãy mạnh dạn lên đường..."* Lời nói sắc bén nhưng chứa đầy tình cảm của cụ, đó là nguồn động viên duy nhất để Nguyễn Tất Thành yên tâm ra đi tìm đường cứu nước.

"Cứu nước tức là hiếu với cha rồi". Nếu không cảm nhận được sâu sắc triết lý vô ngã, vị tha của đạo Phật, thì khó ai có thể nói được câu này. Đức Phật có cái nhìn tuệ giác như vậy, khi Ngài quyết định bỏ ngai vàng và vua cha để tìm chân lý cứu nhân sinh tức là báo đáp nghĩa - tình.

Khoảng cuối năm 1923, do mật thám Pháp theo dõi, cụ từ Thủ Đức đi đến nhà của Gaston và từ đây cụ đến chùa Hội Khánh để gặp người đồng chí của mình là Phan Đình Viện tức Tú Cúc (quê Hà Tĩnh, tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục bị Pháp truy lùng trốn vào Nam và ở chùa Hội Khánh từ năm 1922). Cụ Sắc hội ngộ với cụ Tú Cúc và Hòa thượng Từ Văn, vị trụ trì thứ 6 chùa Hội Khánh, một nhà sư uyên thâm Phật học và có tinh thần yêu nước. Họ đã gặp nhau và cùng chung lý tưởng bảo vệ quê

1. Theo Hà Huy Giáp.



Chánh điện chùa Hội Khánh xưa

hương Tổ quốc. Cuộc hội ngộ này đã quy tụ được những nhà yêu nước tại địa phương như: Ông Khôi, ông Nhẫn, thầy Ký Cội; Giáo thọ Quới, thầy Từ Tâm... Từ đây, Hội Danh Dự Yêu Nước được thành lập tại chùa Hội Khánh. Cụ Sắc âm thầm xây dựng phong trào yêu nước nơi đây như cụ đã từng làm ở Chợ Gạo, Vĩnh Kim, Sớm Dầu (Tiền Giang), chùa Hòa Khánh, chùa Giồng Thành và nhiều nơi khác ở Campuchia. Đặc biệt là chùa Hội Khánh, do ảnh hưởng uy tín của Hòa thượng Từ Văn nên các vị đã tổ chức được Hội Danh Dự Yêu Nước. Hòa thượng Từ Văn là bậc danh tăng của Nam kỳ. Năm 16 tuổi Hòa thượng nhập chúng tu học tại chùa Huệ Nghiêm (Thủ Đức) cầu pháp Đại lão Hòa thượng Huệ Lưu. Năm 1898, Tổ Huệ Lưu viên tịch, Hòa thượng Từ Văn tiếp tục đi học đạo tại chùa Sùng Đức hạt Chợ Lớn - Gia Định. Năm 1909, Hòa thượng Từ Văn được cung thỉnh làm chứng minh trùng tu tháp Tổ Nguyên Thiều chùa Kim Cang (Đồng Nai), làm pháp sư, chánh chủ kỳ tại các trường hạ chùa Tam Bảo (Rạch Giá), chùa Giác Lâm (Gia Định). Năm 1920, Hòa thượng được Toàn quyền Đông Dương Pháp mời sang Marseille (Pháp) và cũng trong năm này Hòa thượng được phong làm Tăng thống Nam kỳ (Hòa thượng cả). Trong phong trào chấn hưng Phật giáo, Hòa thượng Từ Văn được Hòa thượng Từ Phong và quý Hòa thượng miền Tây liên hệ, trao đổi để phát triển sâu rộng phong trào chấn hưng tại vùng miền Đông. Hòa thượng tổ chức mở các lớp dạy giáo lý, chấn hưng các cơ sở chùa trong tỉnh. Đặc biệt lợi dụng uy tín của mình đối với nhà cầm quyền Pháp, Hòa thượng thành lập Hội Danh Dự Yêu Nước cùng với cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Tú Cúc Phan Đình Viện. Hội chủ yếu là truyền bá tư tưởng yêu nước, chấn hưng Phật giáo thông qua các buổi thuyết giảng giáo lý, mở lớp dạy chữ Nho, dạy bốc thuốc... Hình ảnh cụ đồ xứ Nghệ đã để lại ấn tượng tốt đẹp và tình cảm sâu sắc cho giới Phật giáo cũng như đồng bào đất Thủ trong thời gian cụ hoạt động tại chùa Hội Khánh.

Thời gian hoạt động của Hội Yêu Nước không bao lâu thì bị thực dân Pháp phát hiện. Cụ Sắc phải rời chùa Hội Khánh về khu vực miền Tây tiếp tục hoạt động và an nghỉ vào ngày 26-11-1929 (nhằm ngày 26-10 năm Kỷ Ty), thọ 67 tuổi tại chùa Hòa

Long ở Cao Lãnh, ngôi chùa mà cụ Sắc muốn gửi thân xác của mình khi qua đời.

Cụ Sắc trong suốt thời gian hoạt động truyền bá tư tưởng yêu nước, theo quan điểm của cụ là dựa vào đạo Phật trong các buổi thuyết giảng đạo pháp. Muốn làm được điều này cụ phải nghiên cứu Phật học, thâm nhập kinh điển và cả việc tu tập mới có đủ nội lực cho việc dùng đạo Phật để truyền bá yêu nước. Cụ thể là cụ thường đến các ngôi chùa để nghiên cứu Tam tạng kinh điển, đàm đạo với hầu hết các bậc danh tăng đương thời, đặc biệt là những danh tăng có tư tưởng nhập thế. Tất cả những cuộc đàm đạo, trao đổi học Phật của cụ đều được các bậc cao tăng nhận xét đánh giá trình độ học Phật uyên thâm của cụ. Cụ là một tín đồ Phật giáo không phải dựa vào bằng phái quy y của Hòa thượng Hồng Đại - Bửu Phước cấp. Bằng phái quy y chỉ là minh chứng cho một thủ tục của bất cứ ngôi chùa nào khi nhận tín đồ. Nhưng ở đây, chúng ta thấy rõ tinh thần và tư tưởng của cụ hoàn toàn mang âm hưởng của đạo Phật, ngay cả phong cách sống của cụ cũng chịu ảnh hưởng đạo Phật. Tình cảm đó đã theo cụ cho đến cuối cuộc đời khi biết mình không còn sống bao lâu nữa. Cụ khuyên những người thân hãy gấp rút chèo xuồng đưa cụ về chùa Hòa Long. Cụ nói: "Tôi biết mình không còn sống bao lâu nữa, nếu có chết trong chùa là một điều tốt cho tôi". Tư tưởng và cuộc đời của cụ Nguyễn Sinh Sắc đã cho chúng ta thấy rõ cụ là con người của tinh thần yêu nước, thương dân, biết xả thân cho đại nghĩa, lấy quốc gia làm trọng. Một nhà học Phật uyên thâm, một tín đồ đạo Phật, một nhà tư tưởng nhập thế tích cực của Phật giáo.

Nhìn lại những trang vàng của lịch sử dân tộc để thấy rằng Phật giáo luôn đồng hành, chung vai gánh trách nhiệm cùng dân tộc trong thời bình cũng như



Chùa Hội Khánh ngày nay là trụ sở của tỉnh Hội Phật giáo Bình Dương với tượng đức Bốn sư Thích Ca nhập Niết bàn cao 12m, dài 52m.

thời chiến tranh ly loạn. Đồng thời, qua đây chúng tôi muốn củng cố và tăng thêm sức thuyết phục cho ý tưởng muốn giải phóng dân tộc thì cần phải chấn hưng Phật giáo như tư tưởng và hành trạng mà cụ Nguyễn Sinh Sắc đã thể hiện.

Trong thời đất nước bị ngoại bang xâm chiếm, dân tộc bị đô hộ, nếu muốn giải phóng dân tộc thì cần phải chấn hưng Phật giáo. Cũng vậy, trong thời kỳ thanh bình, nếu muốn bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, thiết nghĩ chúng ta cũng cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc chấn hưng Phật giáo. Chấn hưng Phật giáo trong bất kỳ thời nào, định hướng đầu tiên cũng đều phải bắt đầu từ lòng tự trọng dân tộc của bản thân mỗi người con Phật. Một khi nghĩ đến đạo pháp và dân tộc chúng ta đều phải tha thiết đóng góp và vực dậy lòng tự trọng đang ngủ quên đâu đó nơi mỗi con người, có vậy chúng ta mới khơi dậy tinh thần tích cực trong đời sống tu học và khơi dậy tinh thần yêu nước thương dân bằng những hành động cụ thể và thiết thực. Hoàn thiện nhân cách và tăng nguồn Phật chất trong mỗi người con Phật đó chính là yếu tố trong công cuộc chấn hưng Phật giáo, nhờ yếu tố quyết định này mà Phật giáo sẽ hưng thịnh, cũng chính nhờ yếu tố quyết định này mà trật tự xã hội sẽ ổn định, tinh thần yêu nước của người dân nói chung và quần chúng Phật tử nói riêng sẽ được dâng cao. Tất nhiên, đất nước sẽ ngày càng hưng thịnh theo tỷ lệ thuận với phong trào chấn hưng Phật giáo. Chúng tôi chủ quan cho rằng, dù trong thời đại nào, chấn hưng Phật giáo cũng luôn là một trong những giải pháp cấp bách để xây dựng đất nước thịnh trị, nhất là đối với Phật giáo Việt Nam có một truyền thống và quá trình đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử. ●

** Tài liệu tham khảo*

- Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc do Sở Văn hóa và Thông tin Đồng Tháp cấp phép ngày 21-3-1990.
- Tư liệu Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc ở Đồng Tháp.



Chùa Hòa Long ngôi chùa đẹp nhất tỉnh Đồng Tháp

Kinh này do Tôn giả Sāriputta giảng cho các Tỷ-kheo. Tôn giả nói rằng tất cả dấu chân của mọi loài động vật đều thấm nhiếp trong dấu chân voi, vì dấu chân voi là to lớn nhất. Cũng vậy, tất cả thiện pháp đều tập trung trong bốn Thánh đế.

Rồi Sāriputta giảng về Khổ thánh đế, tức là năm thủ uẩn và tập trung sự thuyết giảng về Sắc thủ uẩn, về địa thủy hỏa phong tác thành sắc thủ uẩn. Các uẩn còn lại được kết luận tương tự như sắc thủ uẩn.

Sāriputta giải thích Sắc thủ uẩn là bốn Đại và sắc khởi lên từ bốn đại và bốn đại là địa, thủy, hỏa, phong, rồi Sāriputta phân tích rất tỉ mỉ về bốn đại này:

1. Về địa giới gồm có nội địa giới (đối với nội thân) và ngoại địa giới, tức là thành phần địa giới ngoài (nội) thân.

2. Quán sát địa giới với chánh trí tuệ: “Cái này không phải của tôi, là tôi, là tự ngã của tôi”, sanh yếm ly với địa giới và từ bỏ địa giới.

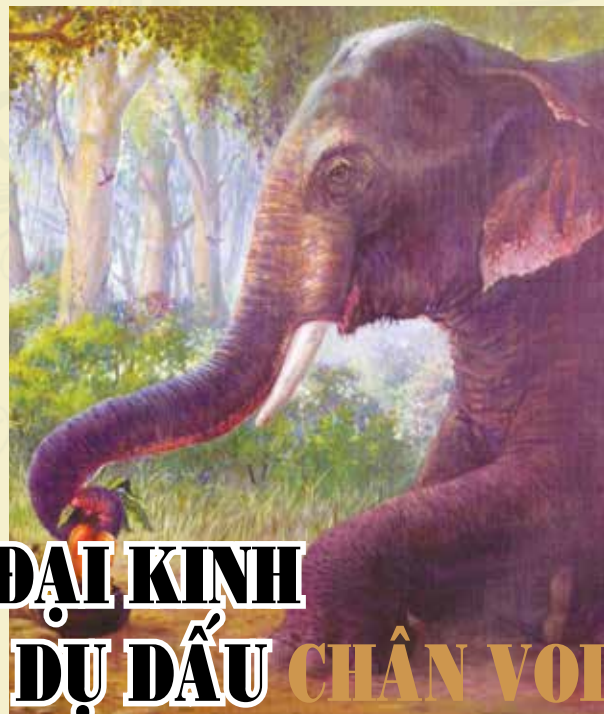
3. Khi ngoại địa giới giao động, ngoại địa giới biến mất, cần nêu rõ tánh vô thường, tánh hủy diệt, tánh đoạn diệt, tánh biến dịch của địa đại, và so sánh với cái thân yếu thọ do khát ái chấp thủ này, không có gì để gọi là “của tôi, là tôi, là tự ngã của tôi”.

4. Nếu có người mắng nhiếc Tỷ-kheo, vị ấy cần phải quán tri, sở dĩ có khổ thọ là do tai cảm xúc mà sanh, thọ ấy có nhân duyên, không phải không có nhân duyên, do nhân duyên xúc, và vị ấy thấy xúc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tâm vị ấy hoan hỷ tịnh tín, tịnh chỉ và an trú trên giới đối tượng.

5. Nếu có người đánh đập vị Tỷ-kheo với đá, gậy, gươm, Tỷ-kheo cần phải suy nghĩ: “Đã có thân thời có xúc chạm và nhớ lại lời dạy của đức Phật về ví dụ cái cửa: Nếu có ai dùng cái cửa hai lưỡi cắt đứt thân phần của mình, nếu sanh sân hận, phẫn nộ, thời như vậy không làm đúng lời Phật dạy”. Nhờ vậy, vị Tỷ-kheo được kiên nhẫn, thân được khinh an, được định tĩnh nhất tâm, làm đúng lời Phật dạy.

6. Dù niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng như vậy, xả tương ứng với thiện không an trú; vị Tỷ-kheo bị giao động mạnh như vậy là không tốt đẹp. Vậy cần phải niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng như thế nào để xả tương ứng với thiện được an trú và như vậy là vị Tỷ-kheo đã làm được nhiều.

Đối với thủy giới, hỏa giới, phong giới, vị Tỷ-kheo có một thái độ tương tự, chỉ về nội thủy giới, nội hỏa giới, nội phong giới diễn tả có sai khác, và sự hủy hoại do thủy giới, hỏa giới, phong giới tác động có sự sai khác, nhưng về mặt phân tích sáu phần đều

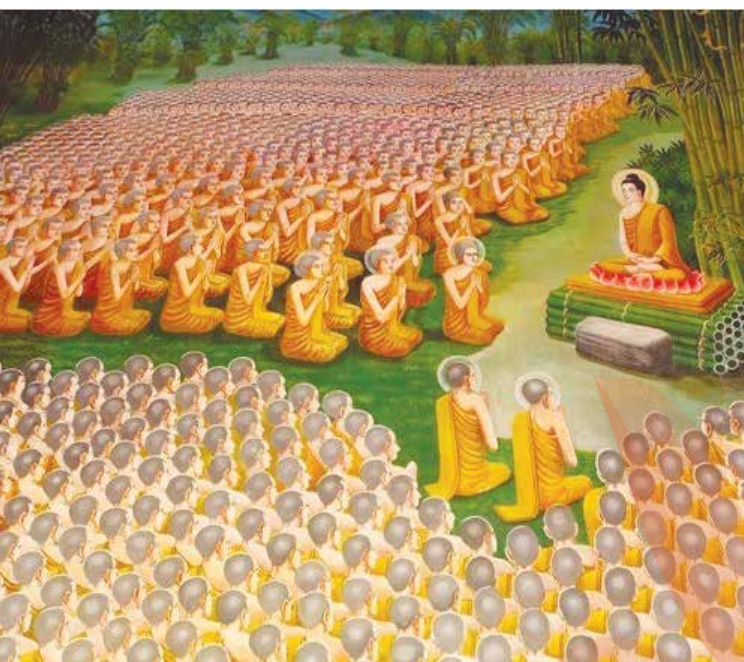


HT. Thích Minh Châu

tương tự như nhau.

Tiếp đến Sāriputta đề cập về sắc uẩn. Cái nhà được hình thành là do sự quy tụ các cây gậy, dây leo, cỏ, bùn; cũng vậy, sắc uẩn con người là sự quy tụ của xương, gân, thịt, da v.v... Nếu nội nhãn không bị hư hoại, nhưng ngoại sắc không vào trong tầm mắt, không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp thời thức phần thích hợp không hiện khởi. Nếu nội nhãn không bị hư hoại, ngoại sắc vào trong tầm mắt, nhưng không có sự quy tụ xúc chạm thích hợp thời thức phần thích hợp không hiện khởi. Chỉ khi nào nội nhãn không bị hư hoại, ngoại sắc vào trong tầm mắt, có sự quy tụ xúc chạm thích hợp thời thức phần thích hợp mới hiện khởi. Bất cứ sắc pháp gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong sắc uẩn. Bất cứ thọ gì được hiện khởi như vậy đều được quy tụ trong thọ uẩn. Bất cứ tưởng gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong tưởng uẩn. Bất cứ hành gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong hành uẩn. Bất cứ thức gì được hiện khởi như vậy đều quy tụ trong thức uẩn.

Vị ấy quán tri như sau: Như vậy có sự quy tụ, sự tập hợp, sự hòa hợp năm thủ uẩn và Thế Tôn đã nói: “Ai thấy được lý duyên khởi người ấy thấy được Pháp; ai thấy được Pháp người ấy thời được lý duyên khởi”. Những pháp này do duyên khởi lên chính là năm uẩn. Sự tham dục, chấp trước, mê say trong năm thủ uẩn là khổ tập; sự nhiếp phục, từ bỏ tham dục là khổ diệt. Cho đến mức độ này, vị Tỷ-kheo đã làm được rất nhiều. Đối với năm nội căn khác, tương tự như nội nhãn căn. ●



Thọ Giới

TK. Siêu Minh (dịch)
(tiếp theo)

(3) Những người phá rối sự an bình. Phạm trừ này bao gồm ba loại:

(a) Tên tội phạm “nhãn tiền” Tập Chú giải cho rằng, điều này có nghĩa là tên tội phạm khét tiếng. Chẳng có bản văn nào đề cập đến điểm này, nhưng điều nghiêm cấm này hình như vẫn được duy trì bất chấp liệu người đó đã trải qua án tù trong trại giam do tội phạm của mình hay chưa. Tuy nhiên, tập Chú giải có lưu ý rằng nếu sau này tên tội phạm đó được xuất gia vì đã sửa chữa cách sống của mình, thời ta có thể nhận cho xuất gia. Nếu tên tội phạm đó là con vua, và điều đó làm hài lòng nhà vua, thời vị đó có thể xuất gia. Những tên tội phạm không quan trọng – thừa nhận rằng họ đã trải qua án tù trong trại giam – không được bao gồm trong khoản luật này. Đại đức Angulumāla (M.86) là tên tội phạm khét tiếng đã trở thành A-la-hán sau khi được thọ giới, nhưng thực tế cho thấy rằng ngài đã được chính Đức Phật cho thọ giới đã được coi như là một miễn trừ rất đặc biệt trong trường hợp này. Có nhiều tình huống trong luật, Đức Phật đã hành động theo những cách chính Ngài đã nghiêm cấm các đồ đệ của mình, dựa trên cơ sở Ngài có thể nói trước những hậu quả những hành động của Ngài, ngược lại Ngài không nhất thiết phải tin tưởng các đồ đệ của Ngài một cách tuyệt đối được – ngay cả chư vị đồ đệ A-la-hán có được cùng một mức độ nhìn xa thấy trước như Ngài.

(b) Người bị tình nghi hay tội phạm đang bị truy nã. Hiện nay loại tội phạm này bao gồm cả những người đang bị quản thúc hay đang thực hiện lời cam kết để được tha tù.

(c) Tên tội phạm phá gông cùm, có nghĩa là trốn khỏi nhà tù hay trại giam khác. Tập Chú giải lưu ý rằng nếu người trốn thoát không phải là tên

tội phạm nhưng đơn giản chỉ bị giam giữ bằng sức mạnh để buộc phải tuân theo ý muốn của chính quyền thời vị đó có thể được cho xuất gia. Nếu người đó bị tố cáo oan uổng và bỏ trốn, thời người đó không được xuất gia tại quốc gia sở tại đó. Nhưng có thể làm như vậy ở nơi nào khác, thật hấp dẫn để so sánh phán quyết này với những yêu cầu của tập Chú giải liên quan đến con cái của những người nô lệ. Ở đây, tập Chú giải chỉ muốn coi thường những ứng dụng bất chính của luật dân sự, nhưng tập Chú giải không bao giờ muốn thách thức luật dân sự, cho dù có bất chính đến đâu.

(4) Những người bị điểm bằng những hình phạt nghiêm khắc. Luật tạng đề cập đến hai loại tập sinh ở đây như sau:

(a) Một người bị đánh bằng roi da hay bằng gậy như là một hình phạt. Tập Chú giải nói rằng nghiêm cấm này tới những hình thức đánh đập khác nữa – như thể bị thui bằng khướu chò, đầu, bị thương đầu gối, bị đánh bằng quả dừa, hay bằng cục đá. Tập sinh có thể được xuất gia sau khi vết thương đã lành lặn.

(b) Một người bị đóng dấu bằng sắt nung đỏ hay bị xâm trên da như là một hình phạt. Lại nữa, tập sinh có thể được nhận thọ giới sau khi vết thương đã khỏi bao lâu ta không nhìn thấy những dấu vết đó khi ta đã mặc áo cà sa song để hở vai phải. Các

tập sinh tự nguyện xâm mình không bị nghiêm cấm thọ giới.

(5) Những ai có dị tật thể lý, yếu ớt hay dị dạng, danh sách sau đây thấy ghi lại trong luật tạng với những đoạn trích từ tập Chú giải được ghi trong ngoặc [] tập sinh bị cụt tay [C: ít nhất từ bàn tay]... bị cụt chân [C: ít nhất từ bàn chân trở lên]... cụt cả tay lẫn chân...cụt tai... cụt mũi...cụt cả tai lẫn mũi [C: trong trường hợp phần tai và mũi bị cụt đó có thể gắn lại được, tập sinh có thể xuất gia] cụt một ngón tay hay một ngón chân... cụt gót chân (gót chân Achilles?) (§) vị nào có ngón tay măng [C: nếu ngón tách được tách ra bằng phẫu thuật, hay nếu ngón tay thứ sáu được cắt bỏ, Tập sinh có thể được xuất gia]... người có lưng còng [C: lưng gù ra đằng trước (người gù lưng) người có lưng võng xuống (người lưng võng), người lưng còng sang một bên]... người lùn người có chân tật bẩm sinh (§) [C: nếu chân được phẫu thuật để trở thành chân bình thường, vị đó có thể xuất gia]... vị nào gây nhọc nhằn cho Tăng chúng [C: thông qua một số dị tật; (danh sách ở đây rất dài và bao gồm nhiều đặc tính hình như vô hại như thể liên quan đến lông mi, không có râu hay ria,v.v... đây là một lãnh vực trong đó Tập Chú giải hình như đã đi quá nhiệt tình ... vị nào có mắt chột Có tứ chi cong queo... một chi = ít nhất một cánh tay, một chân hay một ngón tay] ... người bị khập khiễng....người bán thân bất toại [C: liệt một tay, một chân hay liệt một nửa người bên]... người bị què [C: vị nào cần đến cây nạng hay chiếc ghế dựa để di chuyển]... người nào yếu ớt vì tuổi già... vị nào bị mù... câm [C: không thể đọc lên tam qui y cho rõ ràng]... vị nào điếc... mù và câm... mù và điếc (§ - không đề cập đến trong BD)... câm và điếc... mù, điếc và câm.

Ở đây, một số người có nêu câu hỏi về lòng trắc ẩn đằng sau những lệnh cấm này, nhưng điểm thuộc những lệnh cấm này là để giữ cho chư vị tỳ khưu khỏi phải chịu gánh nặng để chăm sóc những kẻ nào trở thành gánh nặng hay gây bối rối cho gia đình họ. Có ít nhất một tình huống trong luật tạng về một người lùn được thọ giới và đã trở thành A-la-hán (Ud. VII.1-2) nhưng hình như vị đó, giống như tình trạng của Angulimāla, lại được chấp nhận vào Tăng đoàn do chính Đức Phật. Nếu điều này xảy ra là vị tỳ khưu phát triển bất kỳ những tật nguyên nào sau khi thọ giới, thí dụ như bị mù hay bị mất cánh tay - vị đó không nhất thiết phải giữ áo hoàn tục và chư vị tỳ khưu đồng nghiệp có bốn phận phải chăm sóc cho vị ấy (xin đọc Chương 5)

Chưa sửa soạn trước. Luật tạng cho rằng những tập sinh sau đây không được chấp nhận thọ giới đầy đủ. Vì khoản luật Mukha chỉ ra, họ không nên được xuất gia nữa. Mặc dù luật tạng không nói – nếu vị đó có được chấp nhận đi chăng nữa – việc chấp nhận thọ giới của chư vị đó có hiệu lực, tập Chú giải khẳng định việc này. Vì những điều làm cho không đủ tư cách (disqualifications) là chính thức và rất dễ được sửa lại, ta không có lý do gì để bỏ qua những điều này. Bất kỳ vị nào tham gia vào việc chấp nhận cho tập sinh thọ giới thuộc loại này: là phạm giới.

Một người không có bát khất thực hay không có đầy đủ bộ tam y.

Vị nào đi mượn bát khất thực hay đi mượn đủ bộ tam y.

Vị nào không có bốn sư thích hợp. Vị bốn sư phải là một cá nhân (Tăng chúng hay một nhóm người sẽ không hoàn thành nhiệm vụ này) là tỳ khưu thực thụ. Những phẩm chất khác đã được ghi lại trong tập I, Chương 2.

Những Tình Huống Đặc Biệt. Việc đình chỉ trước đó. Nếu tập sinh đã nhận thọ giới trước đó, Tăng chúng nên kiểm tra xem nếu trong thời điểm trước đó, vị này có bị đình chỉ vì không nhận ra lỗi phạm của mình chẳng, vì không sửa chữa lỗi phạm đó, hay vì đã có tà kiến nào hay không. Nếu sự việc xảy ra như vậy, thời vị đó phải bị xử lý như sau (phải bị đình chỉ vì đã không nhận ra lỗi phạm làm ví dụ cho những người khác):

Vừa khi xin được thọ giới vị đó phải được báo cho biết: “Liệu ngài có nhận ra lỗi phạm này hay không?” Nếu vị đó trả lời là có, thời sẽ được cho phép xuất gia. Nếu vị đó trả lời là phủ định, vị đó sẽ không được chấp nhận cho thọ giới. Sau khi đã được chấp nhận, Tăng chúng sẽ hỏi vị đó: “Ngài sẽ nhận ra lỗi phạm này chứ?”. Nếu vị đó trả lời xác định, vị đó có cơ may được phục hồi, nếu vị đó trả lời phủ định, vị đó sẽ không được phục hồi đầu. Sau khi đã được phục hồi. Tăng chúng sẽ hỏi vị đó, “Ngài có nhận ra lỗi phạm đó hay không?”. Nếu vị đó trả lời khẳng định, đó là điều tốt đẹp. Nếu vị đó trả lời phủ định, thế rồi nếu không có sự nhất trí cao, vị đó được chấp nhận thọ giới, vị đó phải bị đình chỉ lại một lần nữa. Nếu không có được nhất trí cao vị đó không thể được thọ giới, sẽ dẫn đến Phạm giới nếu kết thân hay tham gia Tăng chúng với vị đó (xin đọc khoản Pc 69)

Thử thách. Một tình huống đặc biệt khác nữa, chính là một tập sinh đã được thọ giới trước đó rồi theo một giáo phái khác. Khoản Mv. I. 38.1 khẳng định rằng vị đó trước tiên được ban cho bốn tháng thử thách. Tập Chú giải khẳng định rằng việc thử thách này chỉ áp dụng đối với các vị sống theo hạnh lửa thể, nhưng chính luật tạng lại đưa ra một ngoại lệ chỉ dành riêng cho những ai có thuyết giảng học thuyết nghiệp chướng thuộc giáo phái trước đó. Chính vì thế việc thử thách nên áp dụng cho bất kỳ tôn giáo nào chối bỏ học thuyết nghiệp chướng (nói rằng, thí dụ như Kinh nghiệm của ta chính là công việc của thần linh sáng tạo) hay có thể thuyết giảng những phân chia (dispensations) đặc biệt xuất phát từ nghiệp chướng (như là những nhánh của Phật giáo giảng những nghi thức đi ngược lại với nhân quả nghiệp báo).

Việc thử thách được cho phép như sau: Tập sinh được nhận lệnh xuất gia (xin đọc dưới đây) và rồi sau đó yêu cầu nhận thử thách đến ba lần. Nếu đó là điều thích hợp Tăng chúng sẽ cho phép vị đó được nhận thử thách sử dụng một kiến nghị và một lời tuyên bố. Lời yêu cầu và lời tuyên bố được ghi lại trong bản phụ lục II.

Trong thời gian thử thách, nếu tập sinh ứng xử theo bất kỳ cách nào được liệt kê dưới đây, thời tập sinh thất bại trong thời gian thử thách và sẽ không được chấp nhận xuất gia. Tập Chú giải ghi thêm rằng nếu tập sinh yêu cầu được chấp nhận thời gian thử thách của vị đó tự động bắt đầu trở lại vào thời điểm đó trong thời gian bốn tháng nữa "Ngay cả khi vị đó không thành công ngay tại sảnh thọ giới, ngay cả nếu vị đó chứng đạt tám đạo quả". Tuy nhiên tập Chú giải có ghi thêm rằng nếu vị đó chứng Nhập lưu thời người ta phải chấp nhận vị đó và cho nhận thọ giới ngay trong ngày đó. Tuy nhiên, giả sử rằng những truyền thống hành thiền hiện đại không thể đồng ý về điều gì tạo nên chứng đắc Nhập lưu, một lời yêu cầu như vậy luôn luôn trở thành vấn đề gây tranh cãi. Và cách giải quyết khôn ngoan có thể là để cho tập sinh hoàn thành giai đoạn thử thách trước đó. Nếu vị đó chứng Nhập lưu thực sự thời vị đó sẽ không thắc mắc gì cả (còn tiếp).●

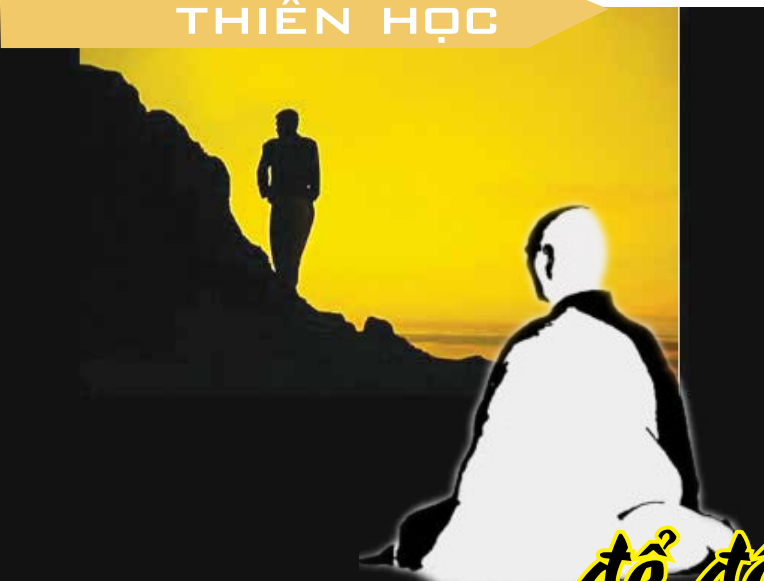


Lễ tốt nghiệp cử nhân Phật học khóa VII Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM.

(tiếp theo trang 12)

Việt Nam, hầu như tất cả mọi hoạt động Tôn giáo đều dựa trên nguyên tắc tốt đời đẹp đạo, nên đã góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Riêng đối với Phật giáo – một Tôn giáo lớn của dân tộc, với lịch sử trên 2000 năm có mặt, đã hình thành nên truyền thống phụng đạo yêu nước của Phật giáo Việt Nam - đỉnh cao là sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (năm 1981 tại thủ đô Hà Nội) – hiện nay đang nỗ lực thực hiện phương châm hoạt động của Giáo hội: "Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội". Với truyền thống và đạo lý của dân tộc hòa quyện với đời sống tín ngưỡng của nhân dân, không hề có sự kỳ thị, phân biệt và xung đột căng thẳng xảy ra giữa các Tôn giáo, tín ngưỡng và sắc tộc dị biệt, nếu có chăng thì chỉ vì quyền lợi cục bộ nhỏ nhen không đáng kể. Nói chung, tất cả đều phấn đấu vì mục tiêu phát triển đạo pháp trong xu thế phát triển của đất nước, dân tộc và thời đại, luôn đề cao cảnh giác và ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tôn trọng và tăng cường sức mạnh đoàn kết Tôn giáo trong sức mạnh đoàn kết dân tộc, giữ vững độc lập chủ quyền của đất nước, đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc tế vì hòa bình, thịnh vượng và phát triển chung, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng dân chủ, văn minh mà nhân dân Việt Nam đang hướng đến.

Truyền thống yêu nước "Hộ quốc Dân an", "Phụng sự đạo pháp - phục vụ dân tộc"... , hòa quyện với nhau như nước với sữa, vốn là một dòng chảy xuyên suốt chiều dài lịch sử của Phật giáo Việt Nam; Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc trên 2000 năm tồn tại. Ngày nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam hội đủ cơ duyên để phát huy truyền thống cao quý ấy, bằng việc xác lập cho mình định hướng hoạt động theo phương châm: "Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội". Theo tôi, đây là định hướng vô cùng đúng đắn và quan trọng cho hướng phát triển hiện tại và tương lai của Phật giáo Việt Nam, phù hợp với định hướng xây dựng và phát triển đất nước của dân tộc và thời đại.●



PHƯƠNG TIỆN để đối phó với những ĐAU KHỔ

Lưu Ly*

Đại sư Ajahn Chah, có lối giảng dạy thật giản dị, chân thực đã nói chuyện với một nữ đệ tử già yếu đang sắp chết. Bằng một giọng trầm tĩnh sâu xa, đại sư nhắc lại cho bà nghe về lý vô thường, và dạy những phương tiện để đối phó với những đau khổ: "Thở một hơi dài và tập trung tư tưởng nơi câu niệm Phật. Hãy tập làm điều này cho thành thói quen", dùng những câu nói có năng lực tốt lành diệu dụng để bảo vệ tâm trí khỏi những khởi niệm về trạng thái đau khổ của một người đang nằm trên giường bệnh. Đức Phật đã thường xuyên nhắc nhở các đệ tử rằng: "Tất cả những gì theo duyên khởi cũng đều theo duyên diệt". Hôm nay thầy không đem đến những gì về vật chất cho con, mà chỉ đem đến những lời dạy của Đức Phật. Con phải hiểu rằng ngay Đức Phật với phước huệ vô biên cũng không thể tránh được cái chết. Khi Phật đến tuổi già Ngài đã buông bỏ cái

xác thân già yếu và những gánh nặng của nó. Bây giờ con cũng phải tập bằng lòng với những tháng năm con đã ở trong thân xác này. Con phải cảm thấy rằng như vậy là cũng đủ rồi. Con có thể so sánh thân như những vật gia dụng đã dùng đến lâu năm... những ly tách, đĩa bàn v.v... Khi con mới có chúng, trông chúng thật là sạch sẽ và bóng láng, nhưng bây giờ, sau một thời gian dài đã dùng lâu, chúng bắt đầu mờ xấu đi. Có cái đã vỡ rồi, có cái thì mất đi, và những cái còn lại cũng tàn tạ dần, chúng không giữ mãi được hình dạng cũ, và đó là bản chất của chúng. Thân của con cũng như vậy nó thường xuyên thay đổi ngay từ ngày con chào đời, trải qua tuổi thơ ấu và thiếu niên, cho đến tuổi già hiện nay. Con phải chấp nhận điều đó. Phật đã nói rằng

những duyên hợp, dù là duyên hợp trong tâm thân hay ở ngoài, đều là vô ngã, bản chất của nó là luôn luôn thay đổi. Khổ thật đang nằm đây suy hoại chính là sự thật. Phật dạy rằng bản chất của thân là như vậy, sanh ra, già yếu đi, mang bệnh rồi chết, không thể nào khác hơn được. Đó là một sự thật lớn mà con đang gặp phải đây. Hãy nhìn thân xác mình với trí tuệ và nhận thức được sự thật đó. Ngay cả khi nhà con đang bị đe dọa bởi bão lụt hay lửa cháy, dù hiểm nguy ấy có đến cỡ nào, cũng chỉ cho nó ảnh hưởng đến cái nhà thôi. Nếu có bão lụt, đừng để nó ngập lụt tâm mình. Nếu có lửa cháy, đừng để cho lửa cháy tâm mình, mà chỉ cháy nhà thôi, chỉ những gì bên ngoài mình mới bị ngập lụt và cháy thôi. Hãy để tâm buông xả khỏi những ràng buộc. Thời điểm đã đến rồi. Con đã sống một thời

gian lâu dài. Mắt con đã thấy được nhiều hình sắc, tai con đã nghe bao nhiêu là âm thanh, con đã có bao nhiêu là kinh nghiệm trong đời. Và chúng chỉ là thể thôi - chỉ là những kinh nghiệm. Con đã ăn biết bao nhiêu của ngon vật lạ, và tất cả những vị ngon đó chỉ là vị ngon, thể thôi. Những vị dở cũng chỉ là những vị dở, thể thôi. Nếu mắt có thấy một bóng hình đẹp, thì đó cũng chỉ là một bóng hình đẹp, thể thôi. Một hình dạng xấu cũng chỉ là một hình dạng xấu. Tai có nghe những âm thanh hấp dẫn, du dương thì cũng chỉ là như thế, không có gì hơn. Một âm thanh khúc mắc, chói tai thì cũng chỉ là một âm thanh thể thôi. Đức Phật dạy rằng mọi chúng sinh dù là người hay là thú, dù giàu hay nghèo, già hay trẻ, không ai là có thể tồn tại lâu dài mãi mãi trong một tình trạng, mọi thứ đều sẽ phải thay đổi và xa rời đi. Đó là một sự thật sống mà chúng ta chẳng thể nào sửa đổi được. Nhưng điều chúng ta có thể làm được là quán tưởng về tâm và thân này để thấy sự vô ngã của nó, để thấy rằng chúng không phải là "ta" hay "của ta". Chúng chỉ là những thực tại tạm thời. Cũng như cái nhà này, nó là chỉ của con trên danh nghĩa, con không thể đem nó theo đi đâu được. Cũng như những tài sản, những của cải này và gia đình thân quyến - tất cả cũng chỉ là của con trên danh nghĩa, họ không thực sự thuộc về con, họ thuộc về thiên nhiên. Chân lý này không phải chỉ áp dụng cho riêng con, tất cả mọi người đều phải chịu như vậy, kể cả Phật và những vị đệ tử đã giác ngộ của Ngài. Nhưng họ khác biệt chúng ta ở một điểm, đó là họ nhìn mọi việc theo đúng sự thực của chúng, họ thấy rằng nó là như vậy, và không thể nào khác hơn được. Như vậy, chúng ta phải quán chiếu trên thân này,

từ gót chân lên đến đỉnh đầu và rồi lại trở xuống chân. Hãy nhìn lại thân mình xem, ta thấy những gì? Có cái gì tự nó là thanh tịnh không? Có thấy có chất gì trường tồn không? Thân xác này thường xuyên suy hoại dần và Phật dạy rằng nó không thuộc về chúng ta. Nhưng đó là cái lẽ tự nhiên, vì tất cả mọi hiện tượng do duyên hợp đều phải thay đổi. Điều làm ta đau khổ không phải là thân này, mà chính là sự suy nghĩ sai lầm. Khi ta nhìn điều phải một cách sai trái, thế nào cũng có sự lầm lạc. Xem như nước trên dòng sông. Nước chảy xuôi xuống từ nguồn, nó không bao giờ chảy ngược, bản chất nó là như vậy. Nếu có một người nào đó đứng trên bờ sông nhìn dòng nước chảy mà lại điên rồ muốn nó chảy ngược lại, thì hẳn sẽ phải chịu đau khổ. Có làm gì đi nữa, tâm hẳn cũng phải khó chịu vì sự suy nghĩ sai lầm này. Hẳn sẽ cảm thấy không vui vì quan niệm muốn nước chảy ngược lại của hẳn. Nếu có chánh kiến, hẳn sẽ thấy là nước tất yếu sẽ phải chảy xuôi từ nguồn và khi hẳn không nhận thức và chấp nhận được điều đó, hẳn sẽ còn phải chịu những bức bối và bất an. Dòng nước chảy xuôi từ nguồn cũng ví như thân xác. Thân xác con đã có thời trẻ trung, bây giờ nó già đi và đang tiến dần đến cái chết. Đừng mơ ước điều gì khác hơn. Đó không phải là điều chúng ta có khả năng sửa đổi được. Đức Phật dạy chúng ta phải thấy rõ như vậy và xả bỏ đi những ràng buộc. Hãy an trú nơi tâm niệm buông xả này dù cho con có cảm thấy mệt mỏi, kiệt sức. Thở một hơi dài và tập trung tư tưởng nơi câu niệm Phật. Hãy tập làm điều này cho thành thói quen. Càng mệt mỏi lại càng phải chuyên chú tập trung tư tưởng để có thể đương đầu với những cảm giác đau đớn dâng lên. Khi bắt đầu thấy mệt, hãy ngừng ngay những vọng tưởng, để tâm trí tập trung

vào hơi thở. Hãy chuyên chú niệm Phật trong tâm. Xả bỏ đi những vấn đề bên ngoài. Đừng vướng mắc vào những suy tư về con cái, bà con thân thuộc, đừng bám víu vào bất cứ một cái gì. Hãy buông xả, nhiếp tâm theo dõi vào hơi thở cho đến khi tâm càng lúc càng trở nên tinh tế hơn, những cảm thọ mờ dần và chỉ còn lại một trạng thái tỉnh thức và sáng suốt. Khi đó những cảm giác đau đớn dâng lên sẽ tự lắng xuống dần. Khi tiễn biệt một người thân, chúng ta đi ra nhìn theo cho đến khi khuất bóng rồi mới trở vào trong nhà. Chúng ta cũng theo dõi hơi thở như vậy, Nếu hơi thở thô phù, ta biết đó là thô phù, hơi thở vi tế, ta biết đó là vi tế. Cho đến lúc hơi thở càng ngày càng nhẹ đi, chúng ta vẫn tiếp tục theo dõi trong khi giữ cho tâm mình được tỉnh táo. Dần dần tâm sẽ không nhận thức về hơi thở nữa mà ở trong một trạng thái tỉnh thức hoàn toàn. Cái đó gọi là "tri kiến Phật". Sự tỉnh thức và sáng suốt trong tâm ta ấy gọi là "Phật", chỉ cho tính giác ngộ, linh mẫn, trí huệ. Khi chúng ta đạt tới đó, ta sẽ thấy rằng tâm và Phật cũng là một. Vậy con hãy buông xả, quên đi hết mọi sự để chỉ còn sự hiểu biết sáng suốt trong tâm. Đừng bị mê hoặc nếu có những ảo giác hay âm thanh. Hãy xả bỏ chúng đi, đừng ôm ấp bất cứ điều gì. Đừng lo lắng về quá khứ hay tương lai, hãy để tâm tĩnh lặng và con sẽ đạt được trạng thái của tính "Không" trong đó không có tiến hay thoái, không có sự ngừng lại, không có gì để bám víu hay ràng buộc vào. Tại sao? Vì không còn có bản ngã, không còn cái "tôi" hay "của tôi". Tất cả đều đã tan biến đi rồi. Thực

hiện được Pháp, con đường đưa đến sự giải thoát khỏi vòng sanh tử, là một việc chúng ta phải tự mình làm. Vậy hãy tiếp tục buông xả và tìm hiểu được lý Đạo. Đừng lo lắng gì về gia đình của con nữa. Bây giờ họ đang như thế, nhưng tương lai rồi họ cũng như con thôi. Không ai trên thế giới này là có thể trốn thoát được số phận đó. Đức Phật đã dạy chúng ta là phải buông bỏ hết mọi sự giả hợp không thật trên thế gian này. Nếu con buông bỏ được, con sẽ thấy được chân lý. Ngay cả khi con đang thấy mình suy nghĩ cũng không sao cả, miễn sao con biết suy nghĩ với trí tuệ, đừng có những ý tưởng si mê. Nếu nghĩ về con cái hãy nghĩ đến chúng trong sự hiểu biết, không phải trong sự mù quáng ngu si. Tâm con hướng về đâu, hãy nghĩ đến điều đó và hiểu rõ nó, biết rõ thực chất của nó như thế nào. Nếu con có trí tuệ hiểu biết về một điều gì con có thể buông bỏ một cách dễ dàng và không còn đau khổ. Tâm của con sẽ trong sáng, an lạc, và vững chắc vì không bị phân tán. Còn ngay bây giờ thì con phải nương về hơi thở để làm phương tiện trợ giúp cho con. Đây là việc con phải làm, không ai khác làm thể được. Để người khác làm những việc của họ. Con có những việc và trách nhiệm của riêng con và con không cần ôm lấy những trách nhiệm của người khác. Buông bỏ được, tâm trí con sẽ được yên ổn. Trách nhiệm duy nhất mà con bây giờ là chuyên chú vào tâm mình và tìm cách làm cho nó được an bình. Hãy để những việc khác cho người khác lo. Sắc, thanh, hương, vị để lại cho người khác lo. Nếu có bất cứ cái gì khởi lên, lo sợ hay đau đớn hay sự lo lắng về

một điều gì đó, hãy nói với nó rằng: "Đừng có làm rộn tôi. Tôi không còn can dự gì nữa." Hãy tự nhủ như vậy cho đến khi con thấy được Pháp. Pháp có nghĩa là gì? Tất cả mọi sự đều có thể gọi là pháp. Không có cái gì mà không có pháp trong đó cả. Như vậy, cái gì là "thế gian"? Thế gian chính là trạng thái tinh thần bị kích động. "Người này sẽ làm gì? Người kia sẽ làm gì? Họ sẽ xoay xử như thế nào đây?" Tất cả những điều đó là "thế gian". Ngay cả một khởi niệm lo sợ về cái chết hay sự đau đớn cũng là thế gian. Hãy buông bỏ thế gian đi! Thế gian chỉ là thế gian vậy thôi. Nếu để nó xâm chiếm vào trong ý thức, tâm trí con sẽ trở nên tối tăm và không còn nhận thấy được chính nó nữa. Vì vậy, mỗi khi có khởi niệm, hãy nói rằng: "Đây không phải là việc để tôi phải bận tâm. Nó là vô thường, không đem lại sự thỏa mãn và trống rỗng". Nghĩ rằng mình muốn được sống lâu dài sẽ làm cho ta đau khổ. Nhưng nghĩ rằng mình muốn chết thật mau chóng, đó cũng là sự đau khổ. Những nhân duyên không thuộc về chúng ta, chúng đi theo những luật lệ tự nhiên của chúng. Ta không thể làm được gì với tình trạng thân thể của mình. Ta có thể làm đẹp nó một chút, làm cho nó sạch sẽ và trông hấp dẫn trong một thời gian, như những cô gái môi son má phấn và chải chuốt móng tay, nhưng khi tuổi già đến, tất cả mọi người đều ở trong một tình trạng như nhau. Đó là điều ta phải chấp nhận với thân vô thường này, ta không thể làm gì khác được. Nhưng đối với tâm trí, ta có thể cải thiện và đưa nó đến chân mỹ được. Ai cũng có thể xây được một căn nhà bằng gạch đá và gỗ, nhưng Đức Phật dạy rằng ngôi nhà như vậy không phải là nhà đích thực của ta, nó

chỉ là của ta trên danh nghĩa. Nó là căn nhà thế gian và nó sẽ đi theo con đường của thế gian. Ngôi nhà đích thực của ta là sự an bình trong tâm. Một ngôi nhà bằng vật liệu vật chất ở ngoài có thể đẹp để đẩy nhưng không đem lại sự an bình. Ta phải lo âu nhiều thứ về nó, hết việc này đến việc kia phải nghĩ đến. Vì thế ta nói rằng đó không phải là mái nhà đích thực của ta, nó ở ngoài ta, sớm muộn gì ta cũng sẽ phải bỏ nó lại. Đó không phải là một nơi ta có thể ở mãi được vì nó không thực sự thuộc về ta, nó là một phần của thế gian này. Thân của ta cũng như vậy, ta tưởng rằng nó là ta, là "tôi" và "của tôi", nhưng thực sự nó không phải như vậy, nó cũng chỉ là một ngôi nhà thế gian khác mà thôi. Thân của con đã trải qua diễn tiến tự nhiên của nó từ lúc mới sanh ra cho đến bây giờ, nay nó đã già và bệnh hoạn, con không thể ngăn cấm điều đó được, đó là cái lẽ tự nhiên phải như vậy. Khi con nhận thấy thân con người phải già đi và chết, con sẽ tìm được sức mạnh và nghị lực. Dù con có muốn thân này tiếp tục sống và kéo dài tuổi thọ đến đâu, nó cũng không làm như vậy được. Đức Phật nói: Anicca vata sankhara Uppadavayadhammino Upajjhita nirujjhanti Tesam vupasamo sukho. Chữ sankhara (samskara) tiếng Phạn nói đến cái thân ngũ uẩn này. Thân ngũ uẩn là vô thường và bất định, vừa được hình thành xong chúng lại biến đi, vừa khởi lên chúng đã qua mất. Xem như hơi



thở, chúng vừa vào, lại phải ra ngay, đó là cái lẽ tự nhiên phải như vậy. Hít vào và thở ra là phải luân phiên với nhau, phải có sự thay đổi như vậy. Thân ngũ uẩn tồn tại qua sự thay đổi. Thử nghĩ xem, ta có thể thở ra mà không thở vào được không?. Nếu như vậy ta có thấy tốt hơn gì không?. Hay ta có thể nào chỉ có hít vào được không?. Chúng ta muốn mọi vật đều thường tồn nhưng không thể nào như thế được. Một khi hơi thở đã vào trong, nó lại phải ra ngay, và khi nó ra rồi nó lại phải trở vào và đó là điều tự nhiên thôi, có phải không?. Một khi đã sinh ra chúng ta sẽ phải già đi, phải mang bệnh tật và rồi chết đi, đó cũng là điều hoàn toàn tự nhiên bình thường. Đó là bởi vì thân ngũ uẩn đã làm xong việc của nó, bởi vì hơi thở ra thở vào phải luân phiên như vậy, nên nhân loại mới còn tồn tại đến ngày nay. Ngay khi chúng ta vừa sinh ra, chúng ta đã bắt đầu chết. Sự sinh và tử của chúng ta chỉ là một. Cũng giống như cái cây: khi có rễ, tức phải có cành. Khi có cành lá, tức phải có rễ. Không thể nào có cái này mà không có cái kia. Thật là khôi hài khi con người ta mỗi khi đối diện với cái chết là đau đớn khổ sở đến mất hồn và sợ hãi, buồn rầu, trong khi lại sung sướng vui mừng khi có người được sinh ra. Tôi nghĩ là nếu chúng ta muốn khóc, hãy khóc khi có người sinh ra. Vì thực sự sinh ra tức là tử, mà tử tức là sinh, rễ là cành, mà cành cũng là rễ. Nếu ta cần phải khóc, hãy khóc ngay cái rễ, khóc ở nơi sự sinh ra. Hãy nhìn kỹ xem: Nếu không có sinh, làm sao có tử. Con có hiểu được điều này không? Đừng nghĩ ngợi gì nhiều. Chỉ biết là, "Mọi sự đều phải như vậy". Hiện tại không ai có thể giúp

được con, gia đình con hay của cải của con không có thể làm cho con được. Chỉ có chánh niệm, sự tỉnh thức mới có thể giúp con được lúc này. Vậy đừng có ngần ngại gì nữa. Hãy buông bỏ hết đi. Dù cho con có không buông bỏ, mọi sự cũng bỏ con mà đi. Con không thấy sao, trên thân thể con những bộ phận khác nhau đang dần dần suy thoái đi. Tóc con ngày nào còn đen nhánh và dày, nay đã rụng đi. Nó đang bỏ con đi. Mắt con khi xưa sáng và mạnh mẽ, bây giờ mờ yếu đi. Khi những bộ phận đã kiệt lực rồi, chúng sẽ rời bỏ đi; đây không phải là nhà của chúng. Khi con còn là một đứa trẻ, rằng con chắc và khỏe; giờ đây chúng lung lay; có thể con còn có răng giả nữa. Mắt, tai, mũi, lưỡi - tất cả mọi thứ đều sẵn sàng ra đi bởi vì đây không phải là nhà của chúng. Con không thể xem thân ngũ uẩn này như nhà của con mãi mãi được, con chỉ có thể ở trong đó một thời gian ngắn và rồi lại ra đi. Cũng giống như một người ở thuê đang cố canh giữ ngôi nhà bé nhỏ của mình với con mắt đang mờ yếu dần. Rằng hẳn không còn tốt nữa, tai hẳn cũng lảng đi, thân hẳn không còn mạnh khỏe, và mọi thứ đang xa rời đi dần. Vậy con không cần phải lo lắng gì hết bởi vì đây không phải là nhà thật của con, đây chỉ là chỗ trú ẩn tạm thời. Tất cả những gì đang hiện hữu đây rồi sẽ không còn nữa. Nhìn thân thể của con xem. Có cái gì là còn được hình dạng xưa của nó không? Da con có mịn như ngày nào, tóc con có xanh như thời ấy không? Không có gì còn nguyên như xưa cả. Nhưng bản chất của mọi sự là phải như vậy. Khi đã đến lúc chung cuộc, những duyên hợp phải tan rã đi. Ta không thể nào tin cậy vào thế giới này được - đó chỉ là một vòng xoay vô tận của những xao động và phiền não, của lạc thú và niềm đau. An lạc không có ở nơi đây. Khi chúng ta không có ngôi nhà đích thực, chúng ta là những lữ khách

lang thang không mục đích, nay đây mai đó, dừng chân một nơi được ít lâu rồi lại ra đi. Khi ta còn chưa trở về nhà thực sự của mình, chúng ta sẽ còn cảm thấy bất an dù ta có đang làm gì chẳng nữa, cũng như một người rời bỏ quê hương làng xóm để tha phương cầu thực. Chỉ khi nào hẳn ta trở về lại nhà rồi mới có thể thành thoi và yên tâm được. Trên thế giới này không đâu là có sự an bình thực sự. Người nghèo không được yên ổn, kẻ giàu sang cũng vậy. Người lớn không thấy an lạc, trẻ con cũng không an tâm, người ít học không thấy sung sướng, người học nhiều cũng vậy. Không có sự an lạc ở đâu cả. Và đó là bản chất của thế giới này. Người không có tiền của đau khổ, nhưng người nhiều tiền cũng vậy. Trẻ con, người lớn, người già, tất cả đều đau khổ. Cái khổ của tuổi già, cái khổ của tuổi trẻ, cái khổ của sự giàu sang, và cái khổ của sự nghèo khó - nơi đâu cũng chỉ có sự đau khổ. Cái thân của con đang nằm đây đau yếu và cái tâm đang biết đến sự đau yếu đó của con đều gọi là pháp (dhamma). Những gì không hình tướng như tư tưởng, cảm thọ, được gọi là namadhamma. Cái thân đang đau yếu bệnh hoạn được gọi là rupadhamma. Cái vật chất là pháp và cái không vật chất cũng là pháp. Như vậy, chúng ta sống với pháp, sống trong pháp, và chính chúng ta là pháp. Thật sự ra không có một bản thể nào ở đâu cả, mà chỉ có những pháp liên tục khởi lên rồi diệt đi, vì bản chất chúng là như vậy. Trong mỗi giây mỗi phút chúng ta đều đang trải qua sự sanh và tử của mình. Mọi sự đều phải là như vậy. ●

(* Dịch từ *Introduction to The Buddha and his Teachings*).

ĐẠI CƯƠNG VỀ VI DIỆU PHÁP

Thích Tâm Quang (dịch)

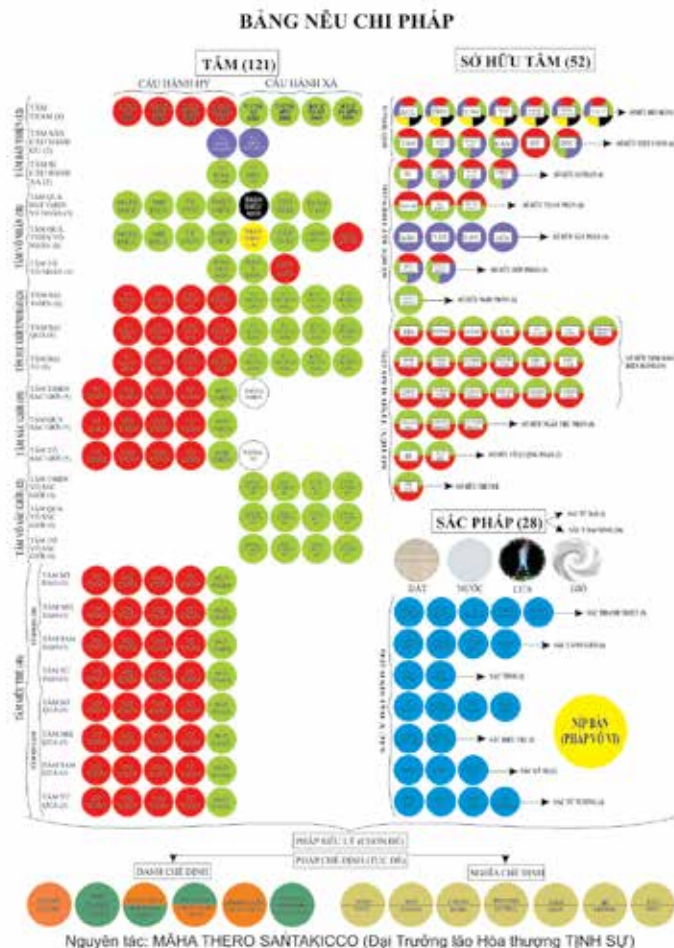
I. NHẬP MÔN VỀ VI DIỆU PHÁP

Tôi sẽ bàn luận những phương diện triết lý và tâm lý của Phật giáo đã được trình bày trong bảy cuốn sách về Tạng Vi Diệu Pháp (Luận) trong kinh điển tiếng Pāli.

Tôi không nhìn chi tiết vào những bảng liệt kê các yếu tố hay Pháp, có trong nhiều sách có thẩm quyền về Vi Diệu Pháp. Thay vào đó, tôi có ba mục tiêu: (1) phác họa đại cương và mô tả những phương pháp chính và những đặc tính của Vi Diệu Pháp, (2) liên hệ Vi Diệu Pháp với điều mà chúng ta thường biết về giáo lý của Đức Phật, và (3) liên hệ triết lý Vi Diệu Pháp với tình trạng của chúng ta là người cư sĩ Phật tử.

Trong suốt lịch sử Phật giáo, Vi Diệu Pháp đã được gìn giữ trong niềm kính trọng rất cao. Chẳng hạn, trong những cuốn sách kinh điển Pāli, Vi Diệu Pháp được nói đến bằng sự tán dương và coi trọng đặc biệt. Ở đây Vi Diệu Pháp là một lãnh vực đặc biệt cho những tu sĩ trưởng lão; hạng sa di không được ngắt lời các trưởng lão khi những vị này đang thảo luận về Vi Diệu Pháp. Chúng ta cũng thấy Vi Diệu Pháp được dặn bảo chỉ để cho những ai thành thật cố gắng nhận thức mục tiêu tu tập Phật giáo, và kiến thức đó được phó thác cho các vị thầy dạy Pháp.

Sự quan tâm truyền thống đối với Vi Diệu Pháp không những thấy có trong truyền thống Nguyên thủy mà còn thấy trong tất cả những truyền thống Phật giáo lớn. Chẳng hạn, Ngài Cưu Ma La Thập, nhà dịch giả lớn tại Trung Á nổi tiếng về phiên dịch những tác phẩm Trung Luận ra tiếng Trung Hoa, được biết là Ngài vững tin rằng phải giới thiệu Vi



Diệu Pháp cho người Trung Hoa nếu Ngài muốn dạy họ triết lý Phật giáo. Trong truyền thống Tây Tạng, Vi Diệu Pháp cũng là một phần quan trọng trong việc huấn luyện của tu viện.

Tại sao Vi Diệu Pháp được coi cao trọng như thế? Lý do căn bản là kiến thức về Vi Diệu Pháp, theo nghĩa chung về sự hiểu biết giáo lý chủ yếu, tuyệt đối cần thiết để đạt trí tuệ, rồi trí tuệ trở thành cần thiết cho việc đạt được giải thoát. Dù thiền bao lâu như thế nào hay dù sống cuộc đời đức hạnh như thế nào, nếu không có tuệ giác về bản chất thực sự của mọi sự, ta không thể đạt được giải thoát.

Kiến thức về Vi Diệu Pháp là cần thiết nhằm hiểu thấu bản chất vô thường, vô nhân tính, và tính bất thực mà ta có được từ việc tụng đọc Tạng Kinh đối với từng kinh nghiệm trong đời sống hàng ngày. Tất cả chúng ta đều thoáng thấy vô thường, vô nhân tính và tính bất thực do tụng đọc Kinh Tạng nhưng chúng ta có hay áp dụng chân lý trí tuệ thoáng qua này vào cuộc sống hàng ngày của chúng ta không? Phương pháp giáo lý Vi Diệu Pháp cung cấp một cơ chế để làm như vậy. Cho nên, sự nghiên cứu Vi Diệu Pháp cực kỳ hữu ích cho việc tu tập của chúng ta.

Chúng ta hãy xét đến nguồn gốc và tính xác thực của Vi Diệu Pháp. Trường phái Nguyên thủy cho rằng Đức Phật là nguồn gốc của triết lý Vi Diệu Pháp và chính Đức Phật là vị tổ đầu tiên của Vi Diệu Pháp vì vào đêm giác ngộ, Ngài thâm nhập cốt lõi của Vi Diệu Pháp. Theo sự mô tả truyền thống, Đức Phật đã dành tuần thứ tư sau khi giác ngộ để thiền về Vi Diệu Pháp. Đó là tuần lễ được gọi là "Ngọc Viên". Sau này trong sự nghiệp của Ngài, người ta nói rằng Đức Phật đi thăm tầng trời thứ Ba Mười Ba khi mẹ Ngài ở đó và Ngài đã dạy Vi Diệu Pháp cho mẹ Ngài và chư thiên. Được biết khi trở về trái đất, Ngài đã truyền trao cho ngài Xá Lợi Phất những điều thiết yếu mà Ngài đã dạy hầu như không phải là trùng hợp ngẫu nhiên vì Xá Lợi Phất là vị đại đệ tử của Ngài nổi tiếng về trí tuệ.

Bởi vậy, nói chung chính Đức Phật là người mà chúng ta mang ơn về nguồn cảm hứng của giáo lý Vi Diệu Pháp. Nguồn cảm hứng này được truyền thừa cho các đệ tử của Ngài là những người thông thái như Xá Lợi Phất, và bởi những cố gắng của các đệ tử có tài này mà những nét đại cương và nội dung triết lý Vi Diệu Pháp được thiết lập.

Chúng ta tiếp tục xem xét nghĩa của thuật ngữ Vi Diệu Pháp. Nếu chúng ta nhìn kỹ vào Tạng Kinh, chúng ta thấy thuật ngữ này thường xuất hiện theo nghĩa thông thường "thiền về Pháp", "chỉ dẫn về Pháp" hay "luận về Pháp". Theo ý nghĩa đặc biệt hơn, Vi Diệu Pháp có nghĩa "Pháp Đặc Biệt", "Thượng Pháp" hay "Viễn Pháp". Nơi đây, đương nhiên chúng ta dùng Pháp theo học thuyết hay giáo lý, không theo nghĩa hiện tượng hay nhân tố kinh nghiệm (trong trường hợp nó không được viết hoa).

Có một ý nghĩa kỹ thuật hơn, trong đó thuật ngữ vi diệu pháp được sử dụng trong Tạng Kinh và trong phạm vi pháp không còn ý nghĩa học thuyết nói chung mà đúng hơn là hiện tượng. Cách dùng kỹ thuật này liên quan đến một chức năng khác tức là tạo khác biệt. Cách dùng thuật ngữ vi diệu pháp kỹ thuật nhất có năm khía cạnh hay ý nghĩa: (a) để định nghĩa pháp; (b) để xác nhận sự tương quan giữa pháp; (c) để lý giải pháp; (d) để sắp xếp pháp; và (e) để xếp pháp theo thứ tự.

Kinh điển Phật giáo được chia thành ba tạng (theo nghĩa đen là "những cái giỏ"): Kinh Tạng, Luật Tạng, và Luận Tạng (Vi Diệu Pháp Tạng). Kinh Tạng thường là những bài thuyết giảng, Luật Tạng chứa đựng những phép tắc cho cộng đồng Tăng đoàn, và Luận Tạng thường được nói đến là những sách về triết lý và tâm lý Phật giáo. Nơi đây tôi muốn nhìn vào một quan hệ giữa Luận Tạng (Vi

Diệu Pháp) và Kinh Tạng. Có một số lớn tài liệu của Luận Tạng trong Kinh Tạng. Hãy nhớ lại định nghĩa kỹ thuật về Vi Diệu Pháp mà ta vừa xét lúc nãy. Đừng quên rằng, chúng ta tìm thấy trong Kinh Tạng một số các bài thuyết giảng có đặc tính là luận: Tăng Nhứt Tập Kinh trình bày sự giải thích giáo lý được sắp xếp theo thứ tự; Kinh Sangiti và Kinh Dasuttara được Xá Lợi Phất dẫn giải các mục của giáo lý được sắp xếp theo thứ tự; và Kinh Anupada, một bài giảng mà ngài Xá Lợi Phất phân tích kinh nghiệm thiền định của ngài trong ngôn ngữ Vi Diệu Pháp.

Rồi làm sao ta có thể đi tới chỗ phân biệt giữa Vi Diệu Pháp và Kinh? Muốn làm việc này, chúng ta phải nhìn vào nghĩa thứ hai của Vi Diệu Pháp, ấy là dùng nghĩa của "Thượng Pháp" Trong các Kinh, Đức Phật nói từ hai quan điểm. Quan điểm thứ nhất, Ngài nói về các sinh thể, đối tượng, các thuộc tính và những sự thụ đắc của các sinh thể, thể giới và những thứ tương tự, và thường thấy Ngài tuyên bố là "Chính tự ta sẽ đi Uruvela". Quan điểm thứ hai Ngài tuyên bố rõ ràng là không có cái "Tôi" và tất cả mọi sự đều trống rỗng không có cá tính, thực chất, và v.v...

Hiển nhiên hai quan điểm đang hoạt động ở đây là quan điểm qui ước (vohara) và quan điểm tối thượng (paramattha). Chúng ta có ngôn ngữ hàng ngày như "anh" và "tôi" và chúng ta cũng có ngôn ngữ triết lý chuyên môn không thừa nhận cá tính, đối tượng v.v... Đó là sự khác biệt giữa nội dung kinh và nội dung luận (vi diệu pháp) về giáo lý của Đức Phật. Nói chung, kinh sử dụng quan điểm qui ước trong khi luận (vi diệu pháp) sử dụng quan điểm tối thượng (đệ nhất nghĩa đế). Tuy thế có những đoạn kinh mô tả vô thường, vô nhân tính hay không thực chất, các thành phần và uẩn, và vì thế phản ánh quan điểm tối thượng. Trong phạm vi này, cũng có sự phân chia những kinh điển thành những kinh có ý nghĩa dứt khoát rõ ràng và trực tiếp, và những kinh có ý nghĩa ẩn tàng và không trực tiếp.

Tại sao Đức Phật lại dùng đến hai quan điểm, qui ước và tối thượng? Để trả lời chúng ta cần phải nhìn vào phẩm tính tuyệt vời của Ngài với tư cách là một đạo sư và kỹ năng của Ngài trong việc chọn các phương pháp để dạy. Nếu Đức Phật chỉ nói với tất cả những thánh giả của Ngài về vô thường, không thực chất, các thành phần, và uẩn, tôi không nghĩ rằng cộng đồng Phật giáo có thể phát triển nhanh trong thế kỷ thứ VI trước Công Nguyên. Cũng vào thời gian này, Đức Phật biết quan điểm tối thượng rất cần thiết có một sự hiểu biết sâu xa về Pháp, vậy nên giáo lý của Ngài chứa đựng ngôn ngữ đặc biệt để diễn tả quan điểm tối thượng (còn tiếp).●



Tìm lại chiếc áo giải thoát

Thích Hạnh Thu

Ngày nay có nhiều người cảm thấy khó chịu khi nhìn thấy có vị tu sĩ mang giày da, mặc áo đời thường, thậm chí ra vào chùa ngang nhiên, tăng tục khó phân. Lại nữa, y phục trong chùa lại lấm màu lấm vè, chất liệu thì mỏng dính, thướt tha chảy dài, gấm vóc lụa là thay nhau trình diễn. Nhìn ra có vẻ mất trang nghiêm, xuất gia lánh xa bụi trần chỉ cần 3 y và 1 bình bát sao đành chịu vui vào thế tục. Khiến người than trách.

Người xuất gia tu hành ăn mặc giản dị, sống cuộc sống bình thường, tuy Đức Phật vì phương tiện mà mùa đông cho thêm áo, nhưng không phải là lý do để mưu cầu tích trữ. Đức Phật và chúng tăng ngày xưa chỉ mặc y phẩn tảo. Y phẩn tảo là sự tượng trưng của đời sống thanh đạm không tham cầu của một người tu học. Càng về sau Đức Phật tuy cho phép Tăng sĩ nhận đồ cúng dường của tín chủ, nhưng xác định rõ ràng không được mặc đồ xa hoa trân quý.

Có một lần, Đức Phật đi từ thành Xá Vệ đến thành Vê Xa Ly, trên đường Ngài nhìn thấy một số đệ tử vác từng bao áo quần y hậu, Ngài bèn nghĩ: "Những người vô minh này dùng hết sức lực chỉ cho việc mặc". Do vậy, Đức Phật cấm chỉ tỳ kheo tích trữ nhiều y áo, và quy định mỗi người chỉ có thể giữ 3 y, nếu có Phật tử nào cúng thêm, thì vị tỳ kheo đó phải đem cúng dường lại cho vị khác có y bị rách hoặc chưa đủ y.

Lần kết tập kinh điển thứ nhất, khi tôn giả A Nan thay mặt 500 vị tỳ kheo tiếp nhận 500 bộ y do những cung nữ của vua Ưu Điền thành tâm cúng dường. Vua Ưu Điền sau nghe sự việc này cảm thấy lạ, thế nhưng vẫn nói đùa: "Nhận nhiều y như thế tôn giả A Nan không phải thành một người buôn áo quần sao." Thấy hiểu kỳ, nhà vua bèn đến gặp tôn giả A Nan, đồng thời thị sát xem 500 bộ y chạy đi đâu. Sau đây là cuộc đối thoại giữa vua và tôn giả A Nan.

Tôn giả A Nan nói:

"Tâu Đại Vương, 500 bộ y đã chuyển đến cho 500 vị tỳ kheo có y bị rách."

Vua: "Vậy thì, thưa Tôn giả A Nan, còn 500 bộ y rách kia làm thế nào?"

Tôn giả A Nan: "Tâu Đại vương, dùng để làm ra trải giường."

Vua: "Vậy thì, thưa Tôn giả A Nan, còn những ra trải giường cũ thì làm thế nào?"

Tôn giả A Nan: "Tâu Đại vương, dùng để làm gối."

Vua: "Vậy thì, thưa Tôn giả A Nan, những chiếc gối cũ kia làm thế nào?"

Tôn giả A Nan: "Tâu Đại vương, dùng để làm đệm ngồi."

Vua: "Vậy thì, thưa Tôn giả A Nan, còn những

đệm ngồi cũ thì làm thế nào?"

Tôn giả A Nan: "Tâu Đại vương, dùng để làm khăn lau chân."

Vua: "Vậy thì, thưa Tôn giả A Nan, còn những khăn lau chân cũ thì làm thế nào?"

Tôn giả A Nan: "Tâu Đại vương, dùng để làm khăn lau nhà."

Vua: "Vậy thì, thưa Tôn giả A Nan, còn những khăn lau nhà cũ thì làm thế nào?"

Tôn giả A Nan: "Tâu Đại vương, những chiếc khăn lau nhà sau khi đã hư mục thì dùng để trộn với đất bùn làm nền nhà".

Vua Ưu Điền sau khi nhận thấy các tỷ kheo không lãng phí đồ vật, nhà vua không những lấy làm kính phục mà còn phát tâm cúng thêm 500 bộ y nữa cho tôn giả A Nan và Tăng chúng.

Sự tôn quý của Tăng chúng đó là khi họ có thể như pháp, như luật thực hành lời Đức Phật đã dạy, do đó mà tỏa ra cái đức của người tu hành. Thử nghĩ xem một người xuất gia mặc một bộ y có chất liệu sang trọng làm hoa mắt người đời, lời nói thì thô tháo, nhiễm thói đời thường, thích thú hư vinh, những người như thế thì nên xem như thế nào? Còn khi nhìn thấy những bức tranh ngày xưa của các vị cao Tăng với y áo giản dị, nhưng toát lên thiện vị giải thoát, chỉ cần nhìn thôi cũng thấy an lạc. Nhìn những hình ảnh đó của những vị cao Tăng chỉ mới gần đây thôi khiến cho chúng ta cảm thấy thân thiết tôn kính. Tại sao nhìn thấy những vị Tăng ngày nay mặc những bộ y phục với chất liệu xa hoa, ngược lại nhìn thấy giả tạo khó coi.

Là bậc xuất trần thượng sĩ luôn tự xem mình là người thiếu dục tri túc, không màng danh lợi, chuyên tâm tu học thì càng phải ít vật chất bên ngoài mà cần tầm cầu quán sát nội tâm bên trong. Tăng sĩ cần phải có khí chất chứ không cần vật chất để trau chuốt, thích y áo và sự xa hoa bên ngoài làm sao mà khai mở cho được vô minh. Y áo mũ mào đi với má phấn hài son cũng không thể nào che đậy được thân uế bản, làm sao xả bỏ các duyên, để đạt đến an tường tự tại.

Có một người bạn (vong viên chi hữu) nói với tôi rằng: "Tôi có một tình cảm tốt với Phật giáo là từ lúc mà tôi trông thấy một vị tu sĩ với khí chất khác thường, lúc đó chỉ đứng xa mà nhìn vị ấy mặc trên mình một chiếc áo nhà chùa bằng vải thô, nhưng cái thần tình an nhiên tự tại, trang nghiêm đỉnh đạc khiến tôi lấy làm mến mộ. Khí chất siêu thoát đó thì người hiện đại không so sánh được, chỉ thấy tính tháo động, hoang hốt, bất an hiện rõ. Thế rồi từ đó

tôi càng tiếp xúc với Phật giáo, càng học càng thấy sáng. Phật giáo làm cho đời sống của tôi có nhiều thay đổi tốt đẹp." Người ấy vừa nói vừa biểu hiện những cử chỉ của một bậc cao sĩ, nhìn thấy đáng diệu chân thành thật đáng kính trọng.

Đúng như thế, thấy được thân giáo cũng có thể cho thấy điều này, ngày xưa khi tôn giả Xá Lợi Phất là một ngoại đạo hiểu nhiều biết rộng, nhưng khi nhìn thấy tỷ kheo Mã Thắng với phong cách uy nghi đỉnh đạc mà phát tâm quy y Phật. Có rất nhiều người phát tâm quy y với Phật giáo không phải ban đầu tiếp xúc với sự đỉnh đạc đó hay sao? Nhưng nay nhìn vào cái xa hoa lộ liễu, hài đỏ mũ hoa thì lại như bị chọc tròng mắt.

Người đời tiếp nhận người xuất gia cũng không phải qua áo quần quý giá, mà chỉ là qua cung cách siêu phàm thoát tục. Các vị cao Tăng xưa nay đều biểu hiện cung cách không hèn không ngạo, không sợ sệt khiến cho các vua chúa và cả người bất lương quy kính. Một hành giả với cốt cách thanh cao, tuy chỉ mang giày cỏ, mặc áo vải thô cũng có thể toả ra sự tôn quý.

Người tu hành mặc y phục vải thô càng dễ chịu, thể hiện tính thiếu dục và đơn giản, vải thô dễ thoáng khí và mát, có lợi cho việc ngồi thiền tụng kinh. Ngoài ra áo quần được may bằng vải sợi, khi nhìn thấy gần gũi với tự nhiên và thanh thoát.

Hoặc mang một đôi dép mộc cũng là một phong thái nhẹ nhàng, vừa gần gũi với cây cỏ và cũng là một cách bình dị để thương.

Những nhà tạo mẫu hiện nay cho rằng nghệ thuật thẩm mỹ cũng phải gần gũi với tự nhiên và tôn trọng tính tự nhiên. Ví như một cái túi xách thời trang có thể làm từ cỏ tự nhiên, nhưng nhờ vào bàn tay con người mà nó trở thành sản phẩm vừa thời trang vừa thẩm mỹ. Một chiếc áo với chất liệu vải thô cũng làm cho con người dễ chịu tao nhã. Đó là nói đến cái đẹp của thể gian. Còn người xuất thế thì sao?

Y phục của người xuất gia cũng gây nhiều sự chú ý của giới nghệ thuật, chiếc áo cà sa đã đi vào văn học dân gian, im đậm vào văn hoá và tư tưởng con người. Người xuất gia mặc áo nhà chùa trông trang nghiêm và dễ mến, kể cả nếp nhăn hoặc nếp rũ trên cà sa. Xin hãy biết tôn trọng đừng làm cho hoen ố và biến tướng. Có người bảo tại sao y phục nhà chùa mặc vào trang nghiêm và thanh thoát? Đúng vậy vì hình thức và nội dung hài hoà một mực. Đó là thẩm mỹ, không đúng sao?

Đúng thế, hài hoà là đẹp, một trang phục đẹp phải hài hoà từ màu sắc cho đến kiểu dáng, tránh

chối nhau. Còn người xuất gia tìm cầu đạo giải thoát thanh tịnh thì phù hợp với mặc tự nhiên, ngược lại gấm vóc lụa là không hợp với người xuất gia. Có truyền thống và trang phục truyền thống làm người khác dễ mến và dễ chấp nhận. Nếu một người xuất gia tham sắc cầu danh, thích xa hoa lộng lẫy, ăn mặc sang trọng không những là cho người khác mất tín tâm mà còn bị cười

chê, không hổ thẹn sao! Nếu đem chuyện một người xuất gia chuyên lo tú áo quần, y hậu gấm vóc, trang sức chuỗi ngọc có phải làm cho người nghe choáng váng. Bạn là người xuất gia, có thể bạn không quan tâm, nhưng lương tri của bạn đang lên tiếng đó!

Nhìn xem hình ảnh của các sư Tăng Phật giáo Nguyên thủy cho đến nay vẫn mặc bộ cà sa do Đức Phật chế ra, đang khoan thai bước nhẹ trên phố phường hiện đại khiến người khác kính ngưỡng và phát khởi tín tâm.

Phật giáo ở các nước bắc truyền màu sắc vừa thiếu thống nhất, nhiều loại y phục khác nhau, nếu mỗi người tự tiện chọn màu, tự tiện tạo mẫu, thì không biết bao lâu nữa y phục truyền thống biến dạng và loạn xạ. Từ chỗ biến dạng đó mà Tăng chúng trở nên ô hợp. Nếu người xuất gia không tự giác thì tự đánh mất mình, tự đào thải mình, tích tập các ác hạnh, thiếu qui củ và dễ bề cho ma chướng ngoại đạo phá hoại. Chắc chắn trong sự bê bối này tăng ni không có lợi ích gì trong việc tu học nhưng các cơ sở may mặc tăng phục thì càng khoét rộng kiếm tiền.

Người xuất gia mặc y phục truyền thống giản dị, đầu tròn áo vuông, phong thái thoát tục, tại sao lại phải nhờ vào vật chất để nâng cao sở đắc của mình. Người xuất gia sống trong thời hiện đại, vật chất sung mãn cảm dỗ mà nhận chân được sự lợi hại của vật chất, chuyên tâm cầu chân lý giải thoát, trang nghiêm thể giới bằng hương giới định huệ, bước qua cuộc đời bằng niềm tin bất hoại.

Y áo xa hoa chỉ làm cho người khác mất đi tín tâm, mà còn tạo cho người khác sự phản cảm;



người xuất gia cần thiết nhất là trau dồi giới định huệ để trang sức cho giới thân huệ mạng. Như trong kinh Di giáo Đức Phật dạy: “Hổ thẹn là trang phục đẹp nhất trong tất cả các trang phục”. Chúng ta đừng nghĩ rằng sự xa hoa, lộng lẫy trong trang phục và vật chất là chỗ bù đắp và che giấu sự yếu kém phẩm chất của mình, mà ngược lại chỉ làm cho người khác thêm khó chịu.

Người xuất gia phải mặc cho mình chiếc áo trung thực, đừng lơ lửng chánh niệm với vật chất bên ngoài, mà phải luôn gìn giữ mỗi đạo và giải thoát.

Tại sao chúng ta phải nhờ đến sự xa hoa và vật chất bên ngoài để thể hiện bản sắc của mình, không phải thế, chúng ta phải biết cái đẹp của nhân cách, đức hạnh mới là lâu dài và chân thật. Sự thanh thoát khiến người đời tín mộ của một tu sĩ là thân khẩu ý tương ưng, nghĩa là thân làm, miệng nói và ý nghĩ không trái nghịch nhau, chỉ có thân làm việc đúng đắn, miệng nói lời chân chính thì mới khế hợp với tâm giải thoát, từ đó mới làm cho phẩm hạnh của người tu toả sáng, nếu không thì miệng nói thao thao nhưng nội tâm rối loạn, làm cho phẩm hạnh khiếm khuyết không toả sáng lên được.

Người đời nay bỏ gốc tìm ngọn, bỏ trong tìm ngoài cho nên khó tránh được vật chất tiền tài làm cho mê hoặc. Nếu người xuất gia hiểu được mục đích và giá trị của việc tu hành, soi chiếu nội tâm, tu dưỡng đức hạnh, thì cho dù mang dép cỏ áo thô cũng toả sáng thanh thoát, cần gì phải đua tranh thói đời, chạy theo phù hoa vinh nhục, tránh được gièm pha, tạo thêm công đức và tín tâm của quần chúng Phật tử.

Hãy tìm lại cho mình chiếc áo giải thoát!..●

Viếng thăm Myanmar xứ sở của xá lợi Phật



Hang Mahapasana

Thiện Đức Nguyễn Mạnh Hùng
(tiếp theo)

Biết và nghe những tích này, chúng tôi thấy mình vô cùng may mắn được có mặt tại đây. 2 vị thương gia Đế Lẽ Phú Sa (Tapassu) và Bạt Lẽ Ca (Bhallika) như hiện trước mặt tôi, một bản nhân hậu thể phước còn mỏng, căn cơ tu tập còn quá thấp. Tôi như thấy chùa Vàng quá linh thiêng và năng lượng từ tóc Phật lan tỏa quanh mình. Tôi mãi mê chiêm bái các tháp. Tôi thỉnh chuông, thành tâm lễ tại Ngõi Sao linh thiêng, tham quan bảo tàng xây dựng bảo tháp. Mỗi bước chân của tôi thấy an lạc vô cùng.

Tôi dành thời gian ngắm nhìn các đỉnh chóp được dát vàng lấp lánh như thể thấy ánh sáng của Đức Phật từ đó chiếu ra.

Chúng tôi cũng may mắn được biết rằng tại chính ngôi chùa Shwedagon (Shwedagon Zedi Daw) hay chùa Vàng linh thiêng này, ngoài 8 sợi tóc của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn lưu giữ 3 báu vật thiêng liêng khác của Phật giáo là chiếc gậy của Phật Câu Lưu Tôn, chiếc đũa lọc nước của Phật Câu Na Hàm và mảnh y của Phật Ca Diếp. Về những tích này chắc phải viết cả 1 cuốn sách mới nói hết ra được.

ĐẾN VỚI HANG MAHAPASANA THE GREAT SĪMA VÀ TƯỢNG PHẬT NẪM KHÔNG LỒ

Là người đã lang thang tại hơn bốn mươi quốc gia trên thế giới nhưng tôi quả thật vẫn bị choáng ngợp bởi số lượng chùa rất nhiều của Myanmar. Mà chùa nào cũng nguy nga, lộng lẫy. Đâu đâu cũng thấy dát vàng. Các chùa đều vào tự do, miễn phí.



Tượng Phật nằm khổng lồ tại chùa Chauk Htat Gyi.

Anh bạn người địa phương mà tôi mới quen cho biết dân Myanmar kiếm được tiền chỉ giữ lại 1 phần nhỏ cho cuộc sống giản dị của gia đình. Số tiền còn lại mang cúng vào chùa để xây chùa, vào các thiền viện để duy trì Tăng thân. Tôi bái phục. Và từ khi biết tin này hầu như gặp người Myanmar nào cũng muốn xá lạy.

Tôi mê đất nước và con người Myanmar với 7 bang và 7 vùng hành chính từ ngày đầu khi đặt chân đến đây. Tôi nhận ngay ra rằng, dù có nhiều nền văn hóa bản xứ tồn tại ở Myanmar, văn hóa chiếm vị trí trọng yếu là Phật giáo. Cũng cần nhớ rằng Phật giáo ở Myanmar là Thượng Tọa bộ, hay tên khác là Phật giáo Nguyên thủy.

Chúng tôi bất ngờ khi được có mặt tại hang

Mahapasana The Great Sima. Hang này còn có tên là hang Đá Lớn (tiếng anh là Great Stone Cave). Hang được xây dựng giống như phiên bản chính của hang Satta Panni bên xứ Ấn Độ (Tôi sẽ viết 1 bài khác về hang bên xứ Ấn Độ này sau). Hang được sử dụng cho các đại hội Phật giáo lớn, nhất là đại hội đầu tiên của Phật giáo Myanmar. Cũng không mấy ai biết rằng hang Mahapasana có vinh dự là nơi diễn ra đại hội kết tập kinh điển thế giới lần thứ 6 kéo dài 2 năm, từ 1954 đến 1956, nhân dịp kỷ niệm 2.500 năm Đức Phật thành đạo. Tại đại hội này, hơn 2.500 nhà sư đã tham dự. Quá tuyệt vời!

Có mặt tại đây, tôi thấy rõ sự linh thiêng của hang. Tôi như cảm nhận rõ những lời kinh linh thiêng và quý giá của Đức Phật. Tôi như thấy quanh mình là những người con của Phật, những người đang trên con đường giác ngộ và giải thoát. Tôi chậm rãi bước từng bước. Tôi thở nhẹ từng hơi để cảm nhận năng lượng và lòng từ bi của chư Phật và các vị Thánh Tăng. Bởi tôi biết rất rõ rằng hang Mahapasana vẫn được sử dụng cho các nghi lễ thiêng liêng, các hội nghị quốc tế lớn về Phật giáo, rằng hang cũng là 1 trong những Thánh tích của bất cứ cuộc hành hương nào.

Tôi may mắn chụp ngay được 8 bức ảnh với 8 triết lý – kỳ quan của Đạo Phật. Đây như là 8 lời dạy quý giá nhất của Đức Thế Tôn được đúc kết lại, được chắt lọc lại. Tôi hiểu rằng, các nhà sư đứng đầu Phật giáo đã chọn ra những lời dạy vàng này để lưu lại. Chữ được làm bằng vàng, treo trang trọng trong khung với cả 2 thứ tiếng Myanmar và Anh. Tôi nghĩ, nhất định mình sẽ viết 1 bài riêng, dịch và nhờ quý Thầy bình và phân tích giúp những kỳ quan bằng lời này của Đức Phật.

Bạn có biết rằng, trong khắp mọi miền quê của đất nước Myanmar, chùa chiền luôn là trung tâm của đời sống văn hóa. Các nhà sư được sùng kính và người dân luôn quỳ trước mặt để tỏ lòng tôn trọng. Lễ nhập tu được gọi là shinbyu là lễ đánh dấu sự trưởng thành quan trọng nhất của một chú bé khi vào chùa tu trong một khoảng thời gian ngắn. Theo Phật giáo Nam Tông (Nguyên thủy) ai cũng có thể xuất gia gieo duyên và thành nhà sư sống trong chùa 1 thời gian từ 1 tuần đến vài năm để tu tập. Bản thân tôi cũng đã 2 lần xuất gia như vậy, 1 lần 7 ngày và 1 lần 8 ngày. Lần đầu năm 2010, tôi xuất gia gieo duyên với vị sư nổi tiếng Myanmar, Thiền sư Ashin Tejaniya, viện Trưởng của Thiền viện Shwe Oo Min Dhammasukha. Ngài trực tiếp thọ giới cho tôi. (Tôi đã viết trong bài "Doanh nhân làm nhà sư 7 ngày"). Lần thứ 2 tôi xuất gia gieo duyên 8 ngày tại Ấn Độ và Nepal nơi Đức Phật sinh ra và thành

đạo. Tôi được đắp y và có mặt tại Tứ Động Tâm linh thiêng với những ngày khó quên. Quý giá và cảm động biết bao!!!

Song song với hang đá nổi tiếng và linh thiêng Mahapasana The Great Sima, chúng tôi đến thăm chùa Chauk Htat Gyi với pho tượng Phật nằm khổng lồ. Pho tượng Phật khổng lồ tôi thật sự thấy Ngài rất đẹp. Nhất là nụ cười. Mắt Ngài như nhìn tôi tràn ngập tình yêu thương Ngài như truyền năng lượng và lòng từ bi đến cho tôi, 1 Phật tử sơ cơ, kém duyên, thiếu phước. Tôi ngồi thiền khá lâu trước tôn tượng của Phật.

Cũng tại đây, Đại đức Thích Minh Đồng cũng hướng dẫn cả đoàn (16 tăng ni và 16 Phật tử) làm lễ rất trang nghiêm. Chúng tôi cúng dàng hoa tươi, dâng lễ Ngài rất thành kính. Thầy Minh Đồng không quên cho chúng tôi đi nhiễu quanh Ngài và niệm danh hiệu của Đức Bổn Sư.

Nếu bạn có cơ hội đi Myanmar, bạn có thể tìm chùa Chauk Htat Gyi nơi có bức tượng Phật nằm lớn này trên phố Shwe Gon Taing, của thành phố Yangon. Ở thành phố này còn có 2 bức tượng khác tương tự, một ở chùa Ngaz Htat Gyi Buddha cao 5 tầng, một tại chùa Koe Htat Gyi cao 9 tầng. Còn pho tượng chúng tôi được chiêm bái tại chùa Chauk Htat Gyi cao 6 tầng.

Trước chuyến đi tôi cũng đã đọc về chùa Chauk Htat Gyi và biết rằng pho tượng Phật nằm được xây dựng năm 1966 thay cho bức tượng cũ được xây năm 1907 bởi Ngài Hpo Thar nhưng đã bị xuống cấp và hư hỏng nặng vì lý do khí hậu trong suốt hàng chục năm. Nhưng đến đây mới biết thêm rằng người có công xây bức tượng quý hiếm và lớn này lại là một... thương gia. Ngài chuyên kinh doanh các mặt hàng nông sản thực phẩm thời đó. Tại ngôi chùa còn ghi rõ rằng năm 1957, bức tượng Phật nằm cũ được tháo dỡ để năm 1966 được tái xây dựng. Chiều dài chính xác của tượng Phật là 65 mét. Cũng cần nói thêm rằng, toàn bộ tiền tái xây dựng bức tượng vĩ đại này là do sự đóng góp thiện nguyện của người dân địa phương.

Đọc và tìm hiểu xong, tôi lặng người đi và dành thêm thời gian ngồi thiền và đi nhiễu quanh Ngài. Trời khi đó mưa khá to. Tôi như thấy rằng Đức Phật linh thiêng đang rửa bụi trần.

Kết thúc chương trình chiêm bái Phật, tôi ra ngoài và trời vẫn mưa. Tôi để đầu trần để nước mưa ngấm vào người. Hình như, tôi đang được Ngài cho thanh lọc thân tâm. Hình như Đức Phật đang nhắc tôi cần tinh tấn hơn nữa, tránh tham sân si hơn nữa. Tôi biết, Đức Phật đã quanh tôi, bên tôi và trong tôi (còn tiếp). ●



Thiền sư SAYADAW U OTTAMASARA

Vừa qua, Thiền Sư Sayadaw U Ottamasara (Miến Điện) đã có chuyến viếng thăm chùa Bửu Quang (TP. HCM) nhân dịp Thiền sư sang Việt Nam hướng dẫn thiền Vipassana và thuyết pháp tại Thiền viện Phước Sơn (Đồng Nai) và chùa Thiền Trúc (Hà Tiên). Trước khi xuất gia, Thiền sư Sayadaw U Ottamasara là một doanh nhân. Các Trung tâm Thiền Natural, Trung Tâm Phật giáo ThaBarWa tại Yangon, Miến Điện do Thiền Sư Sayadaw U Ottamasara làm Viện chủ đã thu hút gần 2.000 người cư trú và hành thiền Tứ Niệm Xứ. Những bài giảng dạy của Thiền sư Sayadaw U Ottamasara chú trọng hướng dẫn hành giả quán Pháp của thiền Tứ Niệm Xứ, hiểu biết mục đích của việc hành thiền là để hiểu được về sự thật gốc mà bản chất thực của sự thật gốc là tính chất luôn luôn vô thường.

Dịp này, P/V Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy đã có buổi phỏng vấn Thiền sư Sayadaw U Ottamasara.

P/V Quang Duyên: Kính thưa Thiền sư, xin Ngài vui lòng cho biết vài nét về tiểu sử bản thân?

Sayadaw: Tôi sinh vào ngày chủ nhật 26 tháng 10 năm 1969 tại Katha, thuộc khu hành chính ở Sagaing. Là con út trong gia đình có 3 anh em. Cha tôi là ông U Tin Maung, là Kỹ sư khai thác mỏ than và mẹ là bà Daw Khin Khin Myint.

Từ thuở ấu thơ, tôi đã thừa hưởng các giá trị từ nền tảng giáo dục tốt của gia đình. Năm 1986, tôi trúng tuyển vào trường Đại học Yangon, khoa Nghệ thuật cùng với những giải thưởng tiếng Anh vinh dự trong suốt khoảng thời gian sinh viên của mình. Năm 1992, tôi tốt nghiệp với tấm bằng cử nhân nghệ thuật.

Ấp ủ ước mơ trở thành một nhà quản trị tự quản lý các dự án kinh doanh của chính mình, năm 23 tuổi, tôi quyết định rời quê hương và tự thành lập

một siêu thị cỡ nhỏ với duy nhất một nhân viên bán hàng cho cửa hàng.

Suốt 7 năm, sau những nếm trải các khó khăn và cả sự mệt mỏi trong việc điều hành phức tạp của việc kinh doanh, vào năm 1999, tôi đã tìm kiếm và trú ẩn an toàn nơi Đức Phật và Giáo Pháp của Ngài.

Với sự giúp đỡ của một người bạn trong giáo hội, năm 1999, tôi gia nhập vào Trung tâm Mogok tại tu viện Insein, một nơi mà người ta đến để tìm sự thanh tịnh. Suốt 5 ngày ở đó tôi đã tập những bài học thiền đạo. Đó là cách tôi bắt đầu vào giáo pháp, chiêm niệm và thực hành thiền.

Trong thời gian 3 năm (2/1999 – 1/2002) tôi tập trung sâu vào thiền và các giáo pháp đã cuốn hút

tôi. Lúc đó tôi gần như cứng đường thọ mạng của tôi cho Giáo pháp. Vì vậy, những khao khát trong các kế hoạch kinh doanh của tôi cũng giảm dần đi và tôi cũng rất trầm tĩnh không còn những dính mắc về nó. Tôi đã hiến tặng toàn bộ tài sản tích lũy được trong 6 năm tạo dựng sự nghiệp của mình để phục vụ cho việc truyền bá giáo pháp.

Kể từ sau đó, tôi chỉ chú tâm vào việc làm từ thiện, hướng tới giá trị đạo đức, chiêm nghiệm để tìm kiếm Sự Thật Gốc (sự thật hoàn hảo). Trong 3 năm chiêm nghiệm, tôi đã hành thiền 6 khóa, mỗi khóa 5 ngày, khóa 10 ngày ở Trung tâm Thiền định quốc tế Sayagi U Bakhin, khóa 10 ngày ở Trung tâm Thiền GoenKa, khóa 10 ngày ở Trung tâm thiền ở Natmauk Mogok Vipassana v.v...

Ngày trăng tròn 21/10/2002, buổi sáng lúc 8 giờ 30 phút, tôi được tiến cử chức Upasampada chính thức Bhikkhu theo mệnh lệnh của Sanghas.

Vào tháng 6/2000, tôi đã sáng lập một tổ chức mang tên Wisdom Sharing "From Avijja to Vijja" (từ nhận thức sai lệch đi đến nhận thức đúng đắn). Sau này, nó đã trở thành một trung tâm nguồn dữ liệu bậc nhất (về sách, mp3 CD, VCD, băng cátset) của Vipassana Insight Meditation.

Tháng 6/2007, tại Yangon, tôi đã thành lập trung tâm thiền Downtown Thabarwa (45 đường ThaBarWa Center), đây cũng là nơi thiền đạo đầu tiên tại thị trấn này.

Tháng 7/2008, tôi ra mắt Trung tâm thiền Thabarwa (Thanlyin) với diện tích ban đầu do U Kyaw Aye và Daw Khin Swe Oo đóng góp chỉ có 3 mẫu Anh, và hiện nay, tổng số diện tích đã lên tới 80 mẫu.

Tháng 10/2012, tôi tiếp tục cho khai trương Trung tâm Shwe Chaung Thabarwa ở PyinOoLwin (MayMyo) Township, Mandalay.

P/V: Xin Thiền sư nói rõ hơn về các hoạt động, các dự án dành cho cộng đồng, cho người dân Miến Điện mà Ngài đang thực hiện?.

Sayadaw: Tôi thành lập Trung tâm Thabarwa với định hướng cho lợi ích chung. Thời gian mở cửa của trung tâm: 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần, không có ngày nghỉ.

Từ khi thành lập, trung tâm đã tiếp nhận tất cả mọi đối tượng; không kể tuổi tác, chủng tộc, tầng lớp xã hội, điều kiện sức khỏe, tình trạng thể lực, thể trí. Họ đều được cung cấp cơ sở vật chất cần thiết, sự chăm sóc y tế, và đều được trung tâm chi trả viện phí. Ngay cả trường hợp tử vong, trung tâm cũng hỗ trợ việc mai táng.



Người già tại Trung tâm Thabarwa

Gần đây, có hơn 2.000 người thực hành thiền tìm đến trung tâm như một nhu cầu tìm đến sự yên tĩnh, bình yên trong thiền đạo, bao gồm trẻ em, người lớn ở mọi độ tuổi, người có thể trạng yếu, người bệnh do tuổi tác; các bệnh nhân AIDS đang trong giai đoạn cuối, người khuyết tật, bệnh nhân về thần kinh, người vô gia cư; không thân nhân cũng như không nơi nương náu.

Kể từ trước năm 2012, tôi cũng đã khánh thành Trung tâm cộng đồng Setana gần trung tâm Thalyin ThaBarWa dành cho những cá nhân vô gia cư, những gia đình không nơi nương tựa.

Tôi đã tặng 15 ft diện tích đất để có thể giúp những người nghèo tái ổn định chỗ ở, điều này giúp cho những gia đình không có điều kiện trang trải cho căn nhà đẹp, rộng rãi thì cũng có thể xây dựng mái ấm nhỏ hơn. Phần tôi, tôi cũng hướng dẫn cho họ về việc cảm nhận thiền đạo của Giáo pháp và Vipassana, cũng như giá trị của những hành động tốt họ có thể thực hiện trong cuộc sống này.

Cuộc sống của người dân ở đây rất tiện nghi; có giảng đường thuyết pháp, chợ, trạm xá, trường học, các cơ sở vật chất thiết yếu. Hơn 2.300 hộ gia đình sinh sống tại đây. Các con suối được khai thông từ sự giúp đỡ của các tổ chức tình nguyện. Đây cũng là việc làm xuất phát với tâm từ mà những người tình nguyện muốn làm cho mỗi gia đình của làng Setana. Đây là ngôi làng Setana - ngôi làng của lòng từ bi.

Do sự gia tăng số lượng người lớn tuổi, người bệnh tại Trung tâm mà khả năng cung ứng của Trung tâm cũng gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, ngay bây giờ đây tôi đã lên kế hoạch xây dựng Dự án bệnh viện Dhamma với tổng diện tích 80 mẫu Anh, với tiêu chí sau đây:

- Tạo ra một nơi an toàn và bình yên cho người lớn tuổi, với mục tiêu phát triển số người lớn tuổi duy trì thói quen hành thiền, tinh tâm. Điều này góp

phần làm giảm tỉ lệ mắc bệnh cho họ.

- Tạo ra một nơi bình yên, thoải mái tinh thần cho người lớn tuổi, người bệnh để họ có cuộc sống bình yên với thiền đạo cho đến cuối đời, không lo lắng cuộc sống bên ngoài.

- Tạo cơ hội cho các nhà tình nguyện, các bác sĩ, y tá có một nơi vừa thực hành thiền, vừa có thể chăm sóc cho bệnh nhân của mình.

- Đây cũng là nơi tiếp nhận các bạn trẻ, người cao tuổi, người khỏe mạnh, người bệnh tật, người địa phương, người nước ngoài, các nhà tình nguyện đều có thể hòa mình vào không gian yên bình, thư giãn của thiền đạo để cùng nhau cảm nhận những điều tốt đẹp mà mỗi người chúng ta mang lại cho nhau.

P/V: *Thưa Thiền sư, những công việc như vậy, thực sự mang lại những cảm nhận nơi Ngài như thế nào?*

Sayadaw: Mọi người trong chúng ta ai cũng có một khả năng để thực hiện mọi thứ mà chúng ta muốn, bao gồm cả việc hành thiền với những dính mắc, cũng như những giới hạn, những quy luật mà chúng ta phải tuân theo. Không có kết thúc hay hoàn thành trong việc thực hiện điều này điều nọ với sự dính mắc và hạn chế.

Chúng ta phải cố gắng loại bỏ quan điểm "*Những hành vi mang tính tích cực luôn gắn với các giới hạn và sự tác động từ bên ngoài*". Và chúng ta còn có thể làm tốt hơn cho đời, vượt qua những giới hạn và hạn chế từ bên ngoài tác động vào. Đó là chân lý với ý nghĩa đầy đủ nhất cho hành vi hướng thiện của con người một cách hoàn hảo nhất, cũng là thực hiện hoàn hảo Ba La mật.

Giải tỏa vấn đề của người khác, đó cũng là hình thức cho việc hướng thiện. Tiếp tục việc gỡ bỏ phiền toái cho mọi người cũng chính là làm thiện. Chúng ta sẽ gạt hái những kết quả từ những hành vi mà chúng ta gieo xuống. Vì thế, sẽ không có sự khác nhau giữa vấn đề của tôi và của bạn, chúng ta cần phải thực hiện công việc của mình trên mọi vắn đề.

Tất cả mọi khó khăn của chúng ta sẽ được giải quyết ngay khi chúng ta cố gắng giải quyết chúng. Hay thậm chí mọi khó khăn, trở ngại cho việc hướng thiện của chúng ta cũng sẽ tự động hóa giải bởi tính tiếp nối những hành vi hướng thiện của chúng ta đã thực hiện.

Không chỉ dừng lại ở việc luyện tập khi thở mà tất cả mọi người phải nên thực hiện phước thiện mỗi ngày bởi lý do tính nối tiếp của nó hiện hữu

trong cuộc sống chúng ta.

Đó là lý do tại sao tôi luôn khuyến khích mọi người làm phước thiện bằng cách sử dụng các khả năng tối đa của mình mà không cần bất kỳ sự dính mắc nào. Như vậy, không có sức mạnh bên ngoài nào có thể ngăn cản được ta. Thật, không biết thế nào gọi là đủ khi làm phước thiện với khả năng hạn chế và còn dính mắc của mình.

Càng cố gắng tích tụ công đức, làm phước thiện mà không có giới hạn và dính mắc thì chúng ta càng có thêm sức mạnh về sinh học cũng như về trí tuệ con người. Chỉ khi đó, chúng ta mới đạt được những khả năng vượt lên trên khả năng bình thường của con người mình để đạt đến cuộc sống đích thực.

P/V: *Như vậy, thưa Thiền sư, xin Ngài hãy nói về phương pháp truyền đạt tư duy và trực quan cho thiền sinh như thế nào?*

Sayadaw: Phương pháp truyền đạt của tôi dựa trên những mong mỏi của các hành giả.

Kể từ khi có những thành tựu nhất định trong phân môn thiền, thì từ đó những phương pháp về việc vận dụng khi thở được tôi hướng dẫn trong đại đa số những người được tôi hướng dẫn.

Lúc tôi vẫn còn là người chưa có một định hướng cụ thể nào cho việc luyện tập thiền tư duy, và tôi biết trong vốn kinh nghiệm của mình, thì có rất ít những người có chuyên môn hay giáo viên có thể hướng dẫn và giúp bạn phát hiện ra những thiếu sót trong quá trình tập luyện.

Cho nên, tôi đã phải luyện tập với những cách rất khắc nghiệt. Ví dụ như: Tập nghe những bản thu âm của các bài giảng về thiền và sau đó thử tập luyện theo như hướng dẫn, và phát hiện liệu mình có hiểu như trong bài học không.

Tôi thử nghiệm đánh giá phần hiểu biết của chính mình có được từ việc lắng nghe bản thu thanh các bài giảng, rồi thực tập chúng. Từ đó xác định câu trả lời trên là đúng. Điều này dễ dàng cho việc tiếp thu nguồn kiến thức tổng quát và tập luyện một cách phổ thông. Tuy vậy, nó trở nên khó khăn cho quá trình tiếp thu vốn kiến thức uyên thâm và bài tập thực hành mang tính chất đào sâu.

Với mục tiêu là cầu nối cho các nhà chuyên môn nắm được nguồn tri thức uyên thâm của môn học này và cùng với những bài tập chuyên sâu, tôi sẽ phải lập ra những phương pháp truyền đạt sâu và khó cho chuyên môn này.

Ngay khi các nhà chuyên môn thực hiện đúng

công tác của mình, điều họ cần làm là càng thực hiện đúng và nhân đôi quy trình đó thì họ càng đạt được những kết quả như mong muốn. Điều quan trọng đối với họ là việc tiếp tục kế thừa trên sự nỗ lực phát triển.

Các phương pháp truyền đạt của tôi đều dựa trên những tri thức đã được thực tiễn chứng minh trong nhiều năm qua. Bạn có thể phát hiện chúng ở mức độ uyên sâu và khó hơn để có thể nắm bắt hết ý tưởng, miễn sao bạn đang cần nó khắc phục những yếu điểm trong thực hành mà bạn cần gạt bỏ nó như: lòng tham, cơn giận dữ, sự lạc lối, bị quan trọng trong cuộc sống này.

Các phương pháp truyền đạt của tôi không phải là công cụ truyền đạt của Giáo Pháp hay đơn giản chỉ trình bày những kỹ thuật thiền mà thôi.

Phương pháp truyền đạt của tôi như là sự kết hợp phương pháp giữa Giáo pháp và thiền tư duy trong từng buổi luyện tập. Tôi đã và đang áp dụng phương pháp này để hướng dẫn trong nhiều buổi truyền đạt của mình suốt hơn 10 năm qua tại nhiều quốc gia và nhiều địa phương.

Các phương pháp truyền đạt của tôi đã tạo nhiều cơ hội cho các nhà chuyên môn phân ngành thiền rèn luyện tư duy trực quan. Trong khi việc nghe các bài giảng pháp cũng trở nên phổ biến và chính vì vậy số lượng người cảm thấy thích cách truyền đạt của tôi và cũng như cách thực hành tư duy trực quan dưới sự hướng dẫn của tôi cũng tăng dần.

Như kết quả cho thấy, tôi phải thành lập thêm một trung tâm thiền khác cách đây khoảng 6 tháng. Với việc mở rộng nhiều trung tâm tại nhiều khu vực như hiện nay, tôi cũng cần sự hỗ trợ rất nhiều từ phía các nhà tình nguyện, các thành viên sẽ tham gia và hỗ trợ trong việc quản lý dữ liệu và các chuyển đi làm công đức.

Hiện tôi có hai trung tâm chính yếu, một trung tâm vẫn còn đang trong giai đoạn hoàn thiện, bốn trung tâm gần đây được thành lập dưới hình thức phụ do trung tâm ThaBarWa điều hành.

Tại cùng thời điểm, tôi đang gánh vác trọng trách với hàng ngàn vấn đề trên phương diện gia đình, xã hội, tài chính, chỗ ở, sức khỏe, giáo dục của các giáo viên dạy thiền hiện tại. Ngoài ra, nhu cầu cá nhân, gia đình khác cũng mong muốn tìm cho mình một điểm dừng an toàn tại trung tâm ThaBarWa.

Gần đây, số lượng cá nhân, tổ chức đang hướng tới con đường mà tôi đã đi; đó là công tác công đức không giới hạn ngày càng nhiều. Cho nên, với

những đóng góp hào phóng cho những cá nhân cũng như các gia đình khó khăn trên con đường tìm đến sự an bình tại trung tâm ThaBarWa đang được thực hiện thành công.

Đối với con đường này sẽ có rất nhiều người tìm đến nhau trên những điểm tương đồng là không giới hạn. Điều này khiến mỗi chúng ta dễ dàng mở lòng giúp đỡ lẫn nhau hơn.

Chúng ta càng làm nhiều điều tốt với hết khả năng của mình thì càng làm giảm đi lòng tham, sự giận dữ và sự bị quan trọng trong cuộc sống.

Với kết quả ấy, bạn sẽ trang bị cho mình một sự thấu hiểu sâu sắc, phát triển tri thức sâu rộng. Nó sẽ trở nên dễ dàng hơn cho bạn nắm bắt và kết hợp các phương pháp truyền đạt của tôi cũng như các phương pháp của Lord Buddha.

Các phương pháp hiện tại của tôi được nhắm đến thời điểm hiện tại. Vì vậy, ngay cả người trẻ lẫn người lớn tuổi đang sở hữu nguồn tri thức và sự hoàn hảo đều cũng có thể hiểu và thực tập mà không có trở ngại gì cả.

***P/V:** Kính thưa Thiền sư, Ngài nghĩ gì về những người theo thiền đạo ở Việt Nam?*

Sayadaw: Tôi thấy rất vui khi khám phá được văn hóa thiền của người Việt. Nhìn chung, sự sắp xếp tư duy rất hay, sự am hiểu về giáo pháp rất tốt. Vì vậy, tôi có thể thấy được một khía cạnh tốt cho tương lai hành thiền ở Việt Nam.

Miễn sao mỗi bài tập thiền có sự hợp tác và nhất quán, nhằm nâng cao khả năng duy trì tinh thần theo hướng tích cực; đồng thời bài tập tư duy là bằng chứng cho thấy công dụng của nó đối với người tập luyện. Những ai thực sự có được sự thấu hiểu tốt cho bài tập tư duy thì nên giúp đỡ những ai còn yếu ở bài tập này.

Cảm giác ở Việt Nam cũng như được gặp các giáo viên thiền Việt Nam đối với tôi, cũng giống như một chuyến đi đoàn tụ với họ hàng thân thích, các thành viên gia đình và những người bạn của tôi vậy. Tôi tin rằng tại Việt Nam ngày càng có nhiều người quan tâm và có thể tập luyện và thấu hiểu các bài tập tư duy trực quan. Và họ cũng có thể làm những việc không bao giờ có giới hạn mặc cho sự tác động bên ngoài.

***P/V:** Xin cảm ơn Thiền sư đã dành cho Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy thời gian vô cùng quý báu của Ngài để chia sẻ một cách sâu sắc về phương pháp Thiền Tứ Niệm Xứ cũng như về việc làm phước thiện. Kính chúc Ngài luôn an lạc. ●*

Làm sao tránh được những KHEN CHÊ?

Thơm Nguyễn

Trong một buổi nhàn hạ, vua Đường Thái Tông hỏi chuyện với vị quan cận thần là Hứa Kính Tôn rằng:

- Trẫm thấy khanh phẩm cách cũng không phải là phường sơ bạc. Sao lại có nhiều tiếng thị phi chê ghét như thế?

Hứa Kính Tôn trả lời:

- Tâu bệ hạ. Mưa mùa Xuân tầm tã như dầu, người nông phu mừng cho ruộng đất được thấm nhuần, kẻ bộ hành lại ghét vì đường đi trơn trượt. Trăng mùa thu sáng vằng vặc như gương treo trên bầu trời đêm, hàng thi nhân vui mừng gặp dịp thưởng du ngâm vịnh, nhưng bọn đạo chích lại ghét vì ánh trăng quá sáng tỏ. Trời đất kia vốn vô tư không thiên vị, mà cơn nắng mưa thời tiết vẫn bị thế gian trách hận ghét thương. Còn hạ thần đâu phải một người vẹn toàn thì làm sao tránh khỏi tiếng chê bai chỉ trích. Cho nên, ngu thần trộm nghĩ: Đối với tiếng thị phi trong thế gian nên bình tâm suy xét, đừng nên vội tin nghe. Vua tin nghe lời thị phi thì quan thần bị hại. Cha mẹ tin nghe lời thị phi thì con cái bị ruồng bỏ. Vợ chồng tin nghe lời thị phi thì gia đình ly tán. Tiếng thị phi của thế gian nọc độc còn hơn rắn rết, bèn hơn gươm đao, giết người không thấy máu. Đang để cho chúng ta phải suy ngẫm.

P/s. Cuộc sống vốn dĩ không bao giờ cho phép con người được đi theo một đường thẳng cố định, cuộc sống là con đường vòng vèo, lên xuống buộc chúng ta phải vượt qua để có thể đi được đến đích, hạnh phúc trong tâm hồn và an lạc trong cuộc sống. Những thứ vòng vèo lên xuống kia đôi khi là do tự bản thân mình mà ra, hoặc lại do những tiếng điều mà ngoại nhân mang đến.

Nếu ở tự bản thân mình thì có thể nản lại để

tiếp tục đi nhưng những thứ do người ngoài đưa lại, dù vô tình hay cố tình, dù một người nói hay nhiều người đồn thì nó cũng không khác gì nọc độc của rắn rết, bèn sắc tựa gươm đao, nó có thể giết người không thấy máu. Và thứ chùng chình kia của đời nhiều khi bỗng chốc biến thành ngỗ cụt với người mà không thể tìm thấy đường ra.

Lời thị phi – nó nguy hiểm và đáng sợ là thể đẩy sao vẫn cứ như nọc độc lây lan mà năm này qua năm khác, tháng nọ qua tháng kia nó vẫn cứ mãi tiếp diễn không thôi.

Sống trên đời ai cũng gặp phải những lời thị phi, không ai là tránh khỏi. "Trời đất kia vốn vô tư không thiên vị, mà cơn nắng mưa thời tiết vẫn bị thế gian trách hận ghét thương" thì thử hỏi người phạm nhân như chúng ta thì làm sao tránh? Chỉ mong rằng con người ta được sinh ra trong cuộc sống này, có quyền được nói, được nghĩ và được phán xét về người khác thì hãy suy ngẫm cho kỹ thứ mình đang nói ra ngoài đời có phải là nọc độc hay là gươm mác đối với người khác hay không và hãy thử đặt mình vào họ thì sẽ như thế nào? Sống là để nhìn đời, để ngẫm mình chứ không phải là để biến những lời mình nói thành nọc độc với người. Qua cuộc đối thoại trên giữa Vua và vị Hạ thần đáng để cho chúng ta suy ngẫm biết đường nào?..

Rồi Có Một Ngày

Tâm Uyên

Kính dâng giác linh Sư Thích Giác Khang khóa III
Học viện PGVN nhân ngày chung thất (07/7/2013)

Mừng mười, tháng tư
Trăng đầu đã tròn
Thế mà sư lại bỏ con đi rồi
Trên trời một ánh sao rơi
Là ngày cõi thế vạn loài bỏ ăn
Đã đành một hạt vi trần
Mãn phần nên phải chuyển thân luân hồi
Giờ thì Sư đã đến nơi
Còn con rong ruổi bên đời bơ vơ
Vời tay mà nếu hư vô
Chỉ là một nắm cỏ khô hong chùa
Tình thầy núi biển còn thua
Đổi cả trần thế không mua được lòng
Cõi không ngà nay trả về không
Còn đem nước mắt mà đóng đêm chầy
Hai tay con níu bóng thầy
Trụ chi rồi có một ngày hoại không
Thương mình phận khách má hồng
Chút tình sao đủ đo lòng trọng phụ.

Níu bóng

Trần Thị Kim Dung

Nhân ngày Húy kỵ tặng nhà thơ Tâm Uyên

Tinh cầu vụn vỡ ánh sao
Tiễn biệt người đi chốn vĩnh hằng
Cánh cổng vô thường vừa khép lại
Vạn niềm thương tiếc lệ trào dâng.
Thấp thoáng đường trưa vạt áo nâu
Am tranh trầm mặc những canh đầu
Soi trong tâm thức khơi nguồn sáng
Nở đóa vô ưu ý nhiệm mầu.
Lặng lẽ người xa khuất thật rồi?
Tình còn trải rộng khắp muôn nơi
Bước chân sỏi đá chừng in dấu
Níu bóng y loang sẫm đất trời!
Hương trầm phảng phất đêm thiền tự
Có nghĩa gì đâu một kiếp người
Như cõi đi về, như cát bụi!
Nguyện hồn thiêng hóa cánh sen tươi.



GIÁO SƯ NGÔ BẢO CHÂU Chia sẻ tại chùa Hoằng Pháp

Bài, ảnh: **Chùa Hoằng Pháp**



Toàn cảnh buổi tọa đàm

Chiều ngày 5-7-2013 (nhằm ngày 28-5 năm Quý Tỵ), BTC Khóa tu mùa hè lần 9 - năm 2013 (chùa Hoằng Pháp, H. Hóc Môn, TP. HCM) đã thực hiện buổi tọa đàm "Suy nghĩ về việc học".

TT. Thích Chân Tính, trụ trì chùa Hoằng Pháp, Trưởng BTC khóa tu chứng minh buổi tọa đàm. GS. Ngô Bảo Châu là vị khách mời đặc biệt, cũng là người chia sẻ tại buổi trò chuyện. Ngoài ra, còn có PGS TS Trần Lưu Vân Hiến - thân mẫu của giáo sư Ngô Bảo Châu, các vị khách quý và hơn 3.100 các bạn trẻ đến từ khắp mọi miền trong và ngoài nước đang tham gia khóa tu.

Là một tài năng toán học trẻ vang danh khắp trong và ngoài nước, GS Ngô Bảo Châu có một phong thái đặc biệt chân thật, giản dị và khiêm hạ. Ông không thích nói nhiều về những thành công của mình, mà lại chú trọng nhấn mạnh đến đạo tâm của người trí thức.

Tại buổi chia sẻ, ông nói, học là con đường tất yếu để đi đến Chân - Thiện - Mỹ; sự trung thực với chính mình và mọi người chính là yếu tố quan trọng nhất dẫn đến thành công. "Trung thực nghĩa là khi mình làm sai, mình phải nhận cái sai của mình, không tìm cách đổ lỗi cho hoàn cảnh hay cho người

khác; có như thế, chúng ta mới thấy mình còn ngu dốt, còn thiếu sót mà nỗ lực học thêm", GS Ngô Bảo Châu bộc bạch.

Đồng thời, Giáo sư cũng chia sẻ những cảm nhận về giá trị sâu sắc của lời Phật dạy. Giáo sư nói: "Năm giới Phật dạy giúp Phật tử tại gia phòng hộ được thân mình; nhờ thân an, chúng ta mới lắng tâm để lắng nghe lời người khác, từ đó mới thông hiểu và học thêm được một điều mới mẻ".

Ông chân thành truyền đạt cho các bạn trẻ những kinh nghiệm học tập của bản thân mình: "Ngoài kiến thức tiếp thu ở nhà trường, chúng ta còn phải phấn đấu tự học thêm; việc học đi cùng ta đến trọn cuộc đời; hãy biết lắng nghe những ý kiến, đánh giá, nhận xét của mọi người xung quanh; dù họ đúng hay sai, chúng ta cũng rút ra được những bài học hữu ích cho bản thân mình".

Giáo sư Châu cho rằng, các học sinh - sinh viên hiện nay nên học càng nhiều càng tốt, tiếp xúc với các lĩnh vực khoa học - xã hội - đời sống càng nhiều càng tốt để phát hiện đâu là tiềm năng, là hướng đi đích thực của cuộc đời mình; từ đó, chúng ta mới vun bồi, nuôi dưỡng và phát triển hạt giống tri thức và định hướng thích hợp cho tương lai của riêng mình.

Giáo sư Ngô Bảo Châu đã chân thành tâm sự rằng: Trong cuộc đời, thất bại nhiều hơn thành công. Có những khi thất bại dẫn đến sự tuyệt vọng, ông phải kiên trì vượt qua nhờ sự rèn luyện ý chí và sự động viên, ủng hộ của người thân. Có những khi sự thử thách quá lớn, suốt 2-3 năm trời ông đã nỗ lực không mệt mỏi, thử tất cả phương án khả thi mà vẫn không hiệu quả; sức mạnh tinh thần và trí tuệ của ông không đủ sức vượt qua thất bại. Đến lúc đó, thì "tùy duyên", ông cho rằng "có phước đức thì mình vượt qua chướng ngại và đứng vững trong

cuộc đời".

Nói về thành công, ông cho rằng đó là kết quả tốt đẹp của sự nỗ lực và phấn đấu không ngừng. "Hơn thế nữa, Phật tử chúng ta cần phải vun trồng nhiều phước báu nhờ vào sự tu tập đạo đức của tự thân cùng với việc làm lợi ích cho mọi người. Khi phát khởi những tâm nguyện tốt đẹp như thế và hành trì những hạnh nguyện tốt đẹp như thế, chúng ta đã vun trồng vô số cội phúc tốt đẹp làm lợi ích cho bản thân mình".

Sau buổi tọa đàm là phần giao lưu của giáo sư Ngô Bảo Châu với các bạn trẻ tham dự khóa tu. Giáo sư đã chia sẻ kinh nghiệm học tập để các bạn trẻ thấu hiểu và yêu thích môn toán hiện đại đồng thời xác định lại vai trò chủ đạo của hệ thống giáo dục đào tạo là: Nhà trường không phải là nơi cung cấp tất cả các kỹ năng cần thiết cho công việc sau này, mà chỉ là phương tiện chuẩn bị cho mỗi người tự điều chỉnh kiến thức mình, nỗ lực tự học thêm, tự tìm ra ý nghĩa và phương hướng cho cuộc đời mình.

Ông cũng nói, một người chưa thành công trong sự nghiệp vẫn có thể có được một gia đình hạnh phúc ấm êm. Hãy nghĩ đến người thân của mình và dành thời gian cho con cái để làm tròn trách nhiệm trong gia đình.

Các bạn trẻ cũng dành nhiều câu hỏi cho PGS Tiến sĩ Trần Lưu Vân Hiến. Bà bày tỏ rất cảm động trước cảm tình ưu ái của đông đảo bạn trẻ dành cho con trai của mình; đồng thời, chia sẻ với mọi người kinh nghiệm dạy con và dạy học của mình. Bà nói: "Hãy làm việc thiện, không làm việc ác, luôn đối xử tốt và giúp đỡ mọi người, khơi dậy lòng ham học và ý thức đạo đức cho học sinh; dạy các em tin vào luật nhân quả và làm nhiều việc tốt để nhận được quả tốt".

Kết thúc buổi tọa đàm, TT. Thích Chân Tính đã gửi gắm đến các bạn trẻ điều cốt lõi của đạo Phật là: "Mỗi người chúng ta đều có Phật tánh. Nếu thực hành đúng như lời Phật dạy, chúng ta sẽ thành Phật. Còn nếu muốn trở thành một nhà toán học nổi tiếng thế giới, chúng ta hãy học tập và noi theo tấm gương của giáo sư Ngô Bảo Châu. Mỗi khi nghe được một lời dạy tốt đẹp (văn), Phật tử chúng ta nên suy nghĩ cho thấu đáo (tu) để hiểu và nắm vững vấn đề, rồi mới thực hành điều lợi ích đó (tu)".

Thượng tọa thay mặt BTC chân thành cảm ơn giáo sư Ngô Bảo Châu đã dành thời gian quý báu chia sẻ kinh nghiệm học tập cho các bạn trẻ tham dự khóa tu và gửi lời cảm ơn đó bằng những đóa hoa tươi thắm và quà lưu niệm cho giáo sư và thân mẫu.

Được biết, Khóa tu mùa hè 2013 do chùa Hoằng Pháp tổ chức đã khép lại vào ngày 7-7. ●

Thực hành

Dāna từ ngữ căn là Dā nghĩa là cho, dâng hiến.

Ngày nay, người Phật tử đã hiểu biết nhiều về "sự đem cho", ý nghĩa "đem cho" trở nên quen thuộc và rất bình thường.

Nhưng nếu ngược dòng lịch sử, trở về thời cổ đại, chúng ta thấy rằng: "Đây là nét độc đáo của người Ấn cổ và pháp môn bố thí được hoàn chỉnh từ Đức Phật". Đức Phật xác nhận rằng:

"Bồ thí, này các tỳ khưu, được bậc hiền trí tuyên bố (paṇḍitapaññattāni), được bậc chân nhân tuyên bố (sappurisapaññattāni)."

Các tôn giáo khác như Khổng, Lão, Hồi, Thiên chúa giáo v.v... ít đề cao, phân tích, hay tìm hiểu sâu sắc về "pháp đem cho" như Phật giáo.

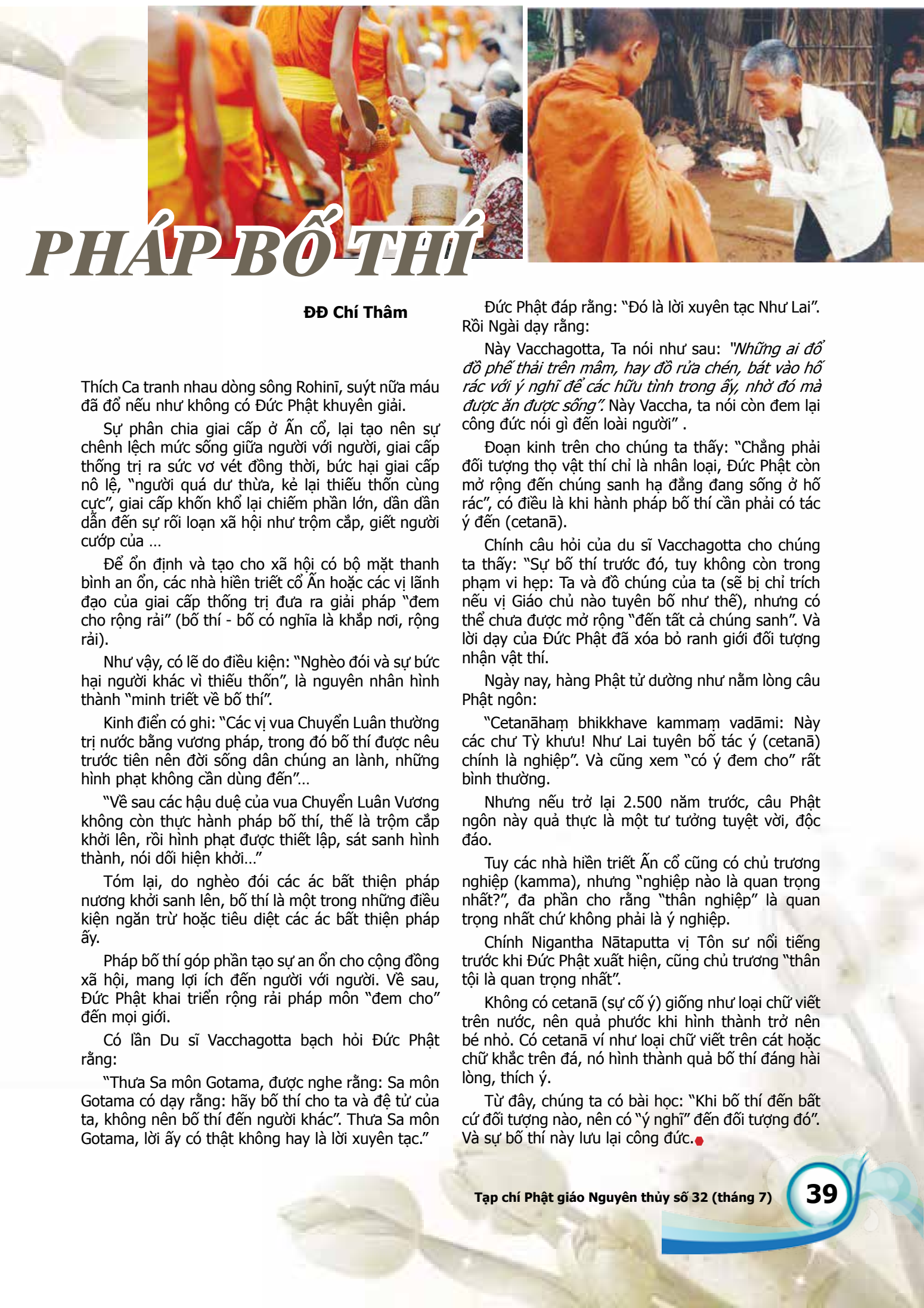
Trước thời Đức Phật đã có pháp bố thí (dāna dhamma), nhưng hình thành từ bao giờ? Do nhân nào? Hẳn rất khó tìm ra câu trả lời chính xác.

Trên phương diện lịch sử cổ Ấn, có thể hiểu "sự đem cho" ban đầu chỉ là sự tương trợ vật chất giữa người với người.

Người Ấn cổ đa phần sống về nghề nông, nhưng bối cảnh xã hội Ấn cổ là một chuỗi dài khắc nghiệt của thiên nhiên, điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên làm cho mùa màng bị thất thu dẫn đến nghèo đói, bệnh tật, chết chóc cùng các tệ nạn cướp bóc, trộm cắp ... làm rối loạn sinh hoạt xã hội đương thời.

Chính vùng đất trù phú Đông Ấn, cũng không thoát khỏi sự khắc nghiệt của thiên nhiên. Vào thời Đức Phật, vẫn có nạn đói ở ngay kinh thành Vesālī, Đức Phật cùng chư Tỳ khưu cũng bị nạn đói ở xứ Verañja ...

Thậm chí, do nhu cầu nước để sử dụng trong nông vụ, cả hai họ nội - ngoại dòng



PHÁP BỐ THÍ

ĐD Chí Thâm

Thích Ca tranh nhau dòng sông Rohinī, suýt nữa máu đã đổ nếu như không có Đức Phật khuyên giải.

Sự phân chia giai cấp ở Ấn cổ, lại tạo nên sự chênh lệch mức sống giữa người với người, giai cấp thống trị ra sức vơ vét đồng thời, bức hại giai cấp nô lệ, "người quá dư thừa, kẻ lại thiếu thốn cùng cực", giai cấp khốn khổ lại chiếm phần lớn, dần dần dẫn đến sự rối loạn xã hội như trộm cắp, giết người cướp của ...

Để ổn định và tạo cho xã hội có bộ mặt thanh bình an ổn, các nhà hiền triết cổ Ấn hoặc các vị lãnh đạo của giai cấp thống trị đưa ra giải pháp "đem cho rộng rãi" (bố thí - bố có nghĩa là khắp nơi, rộng rãi).

Như vậy, có lẽ do điều kiện: "Nghèo đói và sự bức hại người khác vì thiếu thốn", là nguyên nhân hình thành "minh triết về bố thí".

Kinh điển có ghi: "Các vị vua Chuyển Luân thường trị nước bằng vương pháp, trong đó bố thí được nêu trước tiên nên đời sống dân chúng an lành, những hình phạt không cần dùng đến..."

"Về sau các hậu duệ của vua Chuyển Luân Vương không còn thực hành pháp bố thí, thế là trộm cắp khởi lên, rồi hình phạt được thiết lập, sát sanh hình thành, nói dối hiện khởi..."

Tóm lại, do nghèo đói các ác bất thiện pháp nường khởi sanh lên, bố thí là một trong những điều kiện ngăn trừ hoặc tiêu diệt các ác bất thiện pháp ấy.

Pháp bố thí góp phần tạo sự an ổn cho cộng đồng xã hội, mang lợi ích đến người với người. Về sau, Đức Phật khai triển rộng rãi pháp môn "đem cho" đến mọi giới.

Có lần Du sĩ Vacchagotta bạch hỏi Đức Phật rằng:

"Thưa Sa môn Gotama, được nghe rằng: Sa môn Gotama có dạy rằng: hãy bố thí cho ta và đệ tử của ta, không nên bố thí đến người khác". Thưa Sa môn Gotama, lời ấy có thật không hay là lời xuyên tạc."



Đức Phật đáp rằng: "Đó là lời xuyên tạc Như Lai". Rồi Ngài dạy rằng:

Này Vacchagotta, Ta nói như sau: "*Những ai đổ đồ phế thải trên mâm, hay đồ rửa chén, bát vào hố rác với ý nghĩ để các hữu tình trong ấy, nhờ đó mà được ăn được sống*". Này Vaccha, ta nói còn đem lại công đức nói gì đến loài người".

Đoạn kinh trên cho chúng ta thấy: "Chẳng phải đối tượng thọ vật thí chỉ là nhân loại, Đức Phật còn mở rộng đến chúng sanh hạ đẳng đang sống ở hố rác", có điều là khi hành pháp bố thí cần phải có tác ý đến (cetanā).

Chính câu hỏi của du sĩ Vacchagotta cho chúng ta thấy: "Sự bố thí trước đó, tuy không còn trong phạm vi hẹp: Ta và đồ của ta (sẽ bị chỉ trích nếu vị Giáo chủ nào tuyên bố như thế), nhưng có thể chưa được mở rộng "đến tất cả chúng sanh". Và lời dạy của Đức Phật đã xóa bỏ ranh giới đối tượng nhận vật thí.

Ngày nay, hàng Phật tử dường như nằm lòng câu Phật ngôn:

"Cetanāham bhikkhave kammaṃ vadāmi: Này các chư Tỳ khưu! Như Lai tuyên bố tác ý (cetanā) chính là nghiệp". Và cũng xem "có ý đem cho" rất bình thường.

Nhưng nếu trở lại 2.500 năm trước, câu Phật ngôn này quả thực là một tư tưởng tuyệt vời, độc đáo.

Tuy các nhà hiền triết Ấn cổ cũng có chủ trương nghiệp (kamma), nhưng "nghiệp nào là quan trọng nhất?", đa phần cho rằng "thân nghiệp" là quan trọng nhất chứ không phải là ý nghiệp.

Chính Nigantha Nātaputta vị Tôn sư nổi tiếng trước khi Đức Phật xuất hiện, cũng chủ trương "thân tội là quan trọng nhất".

Không có cetanā (sự cố ý) giống như loại chữ viết trên nước, nên quả phước khi hình thành trở nên bé nhỏ. Có cetanā ví như loại chữ viết trên cát hoặc chữ khắc trên đá, nó hình thành quả bố thí đáng hài lòng, thích ý.

Từ đây, chúng ta có bài học: "Khi bố thí đến bất cứ đối tượng nào, nên có "ý nghĩ" đến đối tượng đó". Và sự bố thí này lưu lại công đức.●

Lời người biên soạn: Có một số nghiên cứu đo lượng vitamin B-12 và chỉ số homocysteine (tHcy) trong máu nơi những nhóm người ăn chay từ nhiều vùng khác nhau trên thế giới, trong đó có những người theo Ấn Độ giáo và Kỳ Na giáo ở Ấn Độ. Họ thấy những nhóm người ăn chay có lượng vitamin B-12 thấp. Mặc dầu sự liên hệ giữa hàm lượng vitamin B-12 và chỉ số homocysteine (tHcy) chưa được hiểu hết hoàn toàn nhưng kết quả cho biết những người có lượng vitamin B-12 thấp lại có chỉ số homocysteine (tHcy) cao và một khi chỉ số tHcy cao là chỉ dấu báo hiệu yếu tố nguy cơ có thể gây ra chứng suy tim. Bài viết dưới đây nhằm giúp những người ăn chay trường loại thuần chay (vegan), nhất là các tu sĩ Phật giáo trong các cộng đồng Phật giáo Bắc truyền (Bắc tông hay Đại thừa Phật giáo) nên lưu ý đến vấn đề ăn chay cho đúng phương pháp và cần bổ sung thêm thuốc bổ đa năng (multivitamins) và vitamin loại methylcobalamin B-12.

Chế độ ăn chay và Vitamin B12

Hiện nay chế độ ăn chay được phân làm hai loại chính, trong tiếng Anh gọi là vegetarian và vegan. Theo thống kê năm 2011 của Harris Interactivenước Mỹ có 2.5% dân số là vegan và 2.5% dân số là vegetarian.

Vegetarian dùng để chỉ những người không ăn thịt các loài động vật. Nhưng họ có thể ăn trứng và uống sữa. Thịt động vật được định nghĩa là thịt các loài sinh vật có cảm giác và tự cử động được, tức là các sinh vật biết đi, biết bò, biết cọ quậy, biết bay và biết bơi. Vegetarian lại được phân chia làm ba loại tùy theo sở thích (1) Lacto Vegetarians (ăn chay có sữa): Những người này không ăn thịt động vật và trứng, nhưng dùng thêm sữa và các phó sản của sữa như bơ, phó mát. (2) Ovo Vegetarians (ăn chay có trứng): Những người này không ăn thịt động vật và không uống sữa, nhưng có dùng thêm

trứng. (3) Lacto-Ovo Vegetarians (ăn chay có trứng và sữa): Những người này không ăn thịt động vật, nhưng ăn trứng, uống sữa và các phó sản của sữa như bơ, phó mát. Loại này phổ thông nhất.

Vegan (ăn chay thuần): Những người này không ăn các thực phẩm có nguồn gốc từ các loài động vật, tức là không ăn bất cứ loại thịt động vật nào, không ăn trứng, không uống sữa và không ăn các sản phẩm của sữa, không ăn mật ong, cũng như không tiêu dùng các vật dụng có liên hệ tới sự sống của con vật như mặc áo lụa dệt bằng tơ, áo len dệt bằng lông cừu, áo lông thú, mang giày, bóp, ví bằng da cá sấu, hoặc da bò.

Nhiều nghiên cứu khoa học cho biết những người ăn chay dù ăn theo bất cứ loại nào nếu có kế hoạch

Tâm Diệu

đều đạt được nhiều lợi ích đáng kể và chỉ ra rằng chế độ ăn dựa trên thực phẩm có nguồn gốc thực vật có liên quan với giảm nguy cơ bệnh tim mạch, một số loại ung thư và một số bệnh thoái hóa mạn tính khác^(1,2). Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy người ăn chay thuần (vegan), có hàm lượng vitamin B-12 thấp hơn và chỉ số homocysteine (tHcy) cao hơn so với những người không ăn chay, điều này cho thấy tiềm năng thiếu hụt một số chất dinh dưỡng.

Mặc dù các triệu chứng đáng chú ý đầu tiên của tình trạng thiếu vitamin B-12 không có chỉ dấu đặc biệt như mệt mỏi bất thường hay có vấn đề tiêu hóa. Tuy nhiên, những triệu chứng lâm sàng xuất hiện từ từ và kín đáo trong nhiều tuần, đôi khi trong nhiều tháng. Chúng có biểu hiện đầu tiên là mệt mỏi tăng dần, chán ăn, gầy sút rồi sau đó xuất hiện thiếu máu, tổn thương hệ thần kinh, da và niêm mạc.

Có hai nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng thiếu vitamin B-12 là (1) không cung ứng đủ cho cơ thể thực phẩm có chứa vitamin B-12 (như nghèo đói và ăn chay thuần (vegan), và (2) hấp thụ kém vitamin B-12. Phần lớn những người thiếu vitamin B-12 do bởi nguyên nhân thứ hai. Sự hấp thụ vitamin B12 cần có yếu tố nội tại (một protein do tế bào thành của niêm mạc dạ dày tiết ra) và enzyme phân hủy protein của tụy. Vitamin B12 được hấp thụ bởi đoạn cuối ruột non. Theo thống kê năm 2010 nước Mỹ có 16% dân số tức khoảng 48 triệu người Mỹ bị rối loạn dinh dưỡng do thiếu vitamin B12 nhưng không được các bác sĩ chẩn đoán và điều trị đúng, gây ra rất nhiều chứng bệnh.

Vitamin B-12 thường không có ở những thực phẩm chay, chỉ có ở các sản phẩm chế biến từ thịt động vật và một số ít có trong trứng và bơ sữa. Vì thế với những người ăn chay loại thuần chay và trường chay, phải có kế hoạch cẩn thận cho một chế độ ăn uống, cần thử máu theo dõi tình trạng vitamin B-12 và chỉ số tHcy (total homocysteine) trên cơ sở thường xuyên để có thể phát hiện sớm tình trạng thiếu vitamin B-12, và nên sử dụng hàng ngày các loại thực phẩm như thức ăn sáng cereals, sữa đậu nành có pha trộn thêm vitamin B-12 hay

uống thêm thuốc bổ sung loại đa năng (multivitamins), hoặc dùng thuốc vitamin B-12 bổ sung.

Có một số nghiên cứu đo lượng vitamin B-12 và chỉ số homocysteine (tHcy) nơi những nhóm người ăn chay từ nhiều vùng khác nhau trên thế giới. Mặc dầu sự liên hệ giữa hàm lượng vitamin B-12 và chỉ số homocysteine (tHcy) chưa được hiểu hết hoàn toàn nhưng kết quả cho biết những người có lượng vitamin B-12 thấp lại có chỉ số tHcy cao³.

Homocysteine (Hcy) là amino acid. Khi cơ thể chuyển hóa amino acid methionine, homocysteine được hình thành như một sản phẩm của quá trình này. Thông thường, hầu hết các homocysteine được tái chế như amino acid khác. Tuy nhiên, cơ thể cần đủ lượng vitamin B12 và folic acid trong chế độ ăn uống để làm điều này. Nếu không có đủ vitamin B12 và folic acid, quá trình tái chế trở nên bị trục trặc, gây ra mức độ homocysteine trong máu tăng lên. Tổng số homocysteine (tHcy) cao trong máu thường chỉ ra rằng cơ thể không nhận được đủ folic acid hoặc vitamin B12 từ thực phẩm hay thuốc bổ sung.

Theo một công trình nghiên cứu của Mỹ đã được công bố, chỉ số homocysteine (tHcy) cao trong máu là một yếu tố nguy cơ gây ra chứng suy tim (congestive heart failure). Nhiều nghiên cứu khác của Austria, Đức và Đài Loan cũng khẳng định sự liên quan giữa chỉ số homocysteine (tHcy) trong máu và nguy cơ phát sinh các cơn đau tim, đột quỵ, thậm chí cả chứng viêm tĩnh mạch^(4,5).

Theo tiêu chuẩn của nhiều phòng xét nghiệm trên thế giới, chỉ số homocysteine (tHcy) được coi là bình thường nếu nằm trong giới hạn: 6–12 µmol/L.

Theo lời khuyên của các chuyên gia y tế, mọi người đều nên làm xét nghiệm chỉ số homocysteine (tHcy) để có cách xử trí kịp thời nếu mức homocysteine trong máu lên cao bất thường; vì tình trạng này có thể dẫn đến chứng mất trí nhớ và nhiều bệnh tim mạch. Nếu chỉ số tHcy cao, có thể khắc phục bằng cách uống vitamin B6, vitamin B12⁽⁶⁾ và folic acid B-9 (xem tiếp trang 55)

1. Sabaté. The contribution of vegetarian diets to health and disease: a paradigm shift? *Am J Clin Nutr* 2003;78(suppl):502S–7S.

[http://ajcn.nutrition.org/content/78/3/502S.abstract?ijkey=dcbb971e905279f3baeb6df83e652ff723e3ed56&keytype2=tf_ipsecsha]

02. Appleby PN, Key TJ, Davey GK, Appleby PN. Health benefits of a vegetarian diet. *Proc Nutr Soc* 1999;58:271–5.

[<http://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed/10466166?dopt=Abstract>].

3. Vitamin B-12 and homocysteine status among vegetarians: a global perspective *Am J Clin Nutr* 2009 89: 1693S–1698S Abstract/Full Text/ Full Text (PDF).

4. The American Journal of Clinical Nutrition <http://ajcn.nutrition.org/content/89/5/1693S.full>

5 The Journal of the American Medical Association March 12, 2003, Vol 289, No. 10

6. Methylcobalamin được nhiều nhà nghiên cứu cho là loại hoạt động mạnh nhất của vitamin B12. Methylcobalamin bảo vệ tế bào thần kinh vỏ não chống NMDA và thúc đẩy việc tái tạo tế



Chất Lượng Cuộc Sống: Như Nó Đang Là

Diễn giả: **TS. NSND. Bạch Tuyết**
Phiên bản: **Cát Tường**
(tiếp theo)

Cẩn Trọng Từ Những Điều Nhỏ Nhặt

Khi đọc bài kinh Đức Phật nói đến cơn giận, tôi thầm nghĩ: "Trời! Chuyện có gì đâu mà Đức Phật nói bảo tố triển miên, thấy nghiêm trọng quá!". Khi quan sát, nghiền ngẫm thì tôi lại thấy Đức Phật dạy đúng. Cho nên, đừng thấy việc ác nhỏ mà không tránh, đừng thấy chuyện thương nhỏ mà không thương, đừng thấy chuyện dối nhỏ mà dối trá... Nói tóm lại, một chuyện nhỏ mà xem thường, như một chiếc tàu lớn bị bão tố đánh chìm là chuyện lâu lâu mới xảy ra, nhưng một lỗ thủng nhỏ dưới đáy tàu có thể làm cho chiếc tàu đó chìm dần dần. Vì nó chìm dần dần nên người ta khó thấy, đến khi thấy thì coi như là hết cứu rồi.

Đó là nói đến chiếc tàu, còn đối với con người thì sao? Trong xã hội hiện nay phổ biến nhiều thứ bệnh: tiểu đường, ung thư, nhồi máu cơ tim, cao huyết áp... Quý vị có biết nguyên nhân của các bệnh này là từ đâu không? Nguyên nhân của các căn bệnh thời đại ấy đa phần là do bị ức chế về tinh thần, ức chế về tình dục, ức chế về tiền bạc, ức chế về tình cảm, ức chế về quyền lực, tích lũy độc tố hàng ngày qua ăn uống và sinh hoạt...

Thế giới này có một quy luật: Cái gì nhanh đến thì sẽ nhanh đi. Như chúng ta bị cảm cúm chẳng hạn, nào là sổ mũi, hắt hơi, sốt, nhức đầu đủ thứ chuyện, nhưng mà thực ra nó đến nhanh như cơn bão thì nó cũng sẽ rút đi nhanh như thế. Còn với những nguyên nhân như chúng ta lo lắng, hay như ăn cái này một chút, ăn cái kia một chút, độc tố tích tụ lại, vì thức ăn bây giờ chứa rất nhiều độc tố do người ta lạm dụng các hóa chất, đến 20 năm sau độc tố mới bộc phát, tạo thành những chứng bệnh, thì việc trị căn bệnh đó cũng dài như 20 năm, thậm

chí như 30 năm chúng ta tích lũy nó vào cơ thể mình. Cho nên không có gì phải ngạc nhiên cả.

Nếu trong cơ thể, trong suy nghĩ của chúng ta luôn phải bức bối, bức xúc như thế thì sớm muộn gì những căn bệnh đó cũng xảy ra.

Đức Phật có dạy: "Dầu là Chánh pháp cũng đợi hồi mới nói". Công việc người ta giao cho mình làm gì thì mình cứ chu toàn công việc đó. Giao cho mình làm vệ sinh thì làm vệ sinh đàng hoàng. Khi mình chu toàn công việc thì người khác thấy vậy sẽ kính nể, có cảm tình với mình. Người ta sẽ khen: "Trời ơi! Anh này hay quá, anh làm vệ sinh sạch sẽ quá chừng!". Hay "Chú ơi! Con chào chú!". Ngay cả một việc mà mọi người cho rằng việc đó không sang trọng gì cả, nhưng nếu việc nhỏ mà chúng ta chu toàn thì đó cũng là chánh nghiệp.

Tuy nhiên, có nhiều người hay nói rằng: "Tôi mà ở chỗ này tôi sẽ không làm như anh đâu". Đây là một câu nói trên cửa miệng mà lại là câu nói tự hại mình. Không những tự làm cho mình bị bệnh sau này mà còn có thể ảnh hưởng đến công việc. Nhiều việc diễn ra như thế mà mình đâu có để ý, đến khi hậu quả xảy ra thì ta mới giật mình. Đức Phật nói rằng: "Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả". Trí tuệ giúp mình tránh được nhiều việc để đến khi xảy ra mình không hối hận, còn khi thiếu trí tuệ, gặp chuyện gì mình cũng đổp chát, để rồi khổ đau.

Tôi tới gần ai mà nghe người ta nói: "Trời ơi! Chị thấy không, việc này chỉ có tôi làm được chứ không ai làm được hết". Gặp những người đó là tôi sẽ tránh né, tôi sợ mình nhiễm, mà nhiễm thì sẽ bệnh. Trong cuộc đời này, ở đâu mà có núi cao thì sẽ có hồ sâu, ở đâu sông cạn thì ở đó có núi thấp. Quả đất này có bao nhiêu đó đất, bấy nhiêu đó nước

thôi, cứ chuyển qua, chuyển lại.

Đức Khổng Tử cũng đã từng khuyên: "Tiên trách kỷ, hậu trách nhân". Có việc gì xảy ra thì nên trách mình trước, không nên vội trách người. Tại sao như thế? Có nhiều người nói: "Sống như vậy thì tiêu cực quá!". Sự việc đâu có vậy, không trách người là vì mình chưa biết sự việc đó xảy ra như thế nào. Cho nên cái gì chưa biết thì khoan nói, thậm chí là biết rồi cũng hãy từ từ, xem sự việc ra sao rồi hãy nói. Hai vợ chồng chung sống với nhau, người chồng nói: "Trời ơi! Tôi mà không biết bà thì còn ai nữa!". Vợ nói: "Tánh ông mà tôi không biết à!". Thưa quý vị, khi mình đã học Phật rồi thì chúng ta đừng nên nói những từ đó. Những câu nói đó là những câu nói không thông minh, không có trí tuệ. Trong cuộc sống của chúng ta, qua mỗi sát-na là đã khác rồi. Tôi thí dụ:

Vợ chồng đầu ấp tay gối, một hôm nọ đang nằm ngủ, tự nhiên giật mình nửa đêm nghe chồng ngáy, mình không biết suốt ngày chồng đối phó với điều gì trong sở, làm gì trong công ty để mà tồn tại một ngày, để có tiền bạc lo cho gia đình đầm ấm... Mình gọi chồng: "Dậy đi! Trời ơi! Ngáy thấy gớm! Không cho ai ngủ được hết trơn". Thay vì vậy, mình nằm đó và lặng lẽ xem tivi, kiểm sách báo gì đó đọc,... mình canh giấc ngủ cho chồng. Vì bình thường mình thấy chồng ngáy nhỏ nhẹ, sao hôm nay chồng lại ngáy lớn tiếng như thế, thì mình phải biết là công việc của chồng chắc có cái gì đó. Nếu chúng ta không làm được điều đó thì chúng ta không thể nào trở thành Bồ-tát được.

Thường thì khi một con quỷ giả làm Bồ-tát, nó còn đẹp hơn cả Bồ-tát, nhưng nếu ai nói nó là "Quỷ" thì nó giết liền. Còn đã là Bồ-tát rồi thì ai nói mình "Quỷ" cũng không sao. Tại Bồ-tát biết mình không phải "Quỷ" thì đâu có chuyện gì để mà giận.

Nếu quý vị đang có con, con chưa đói mà mình bắt nó ăn, mình nói: "Trưa giờ sao mà không chịu ăn, làm mệt muốn chết, đi về còn không chịu ăn nữa. Này ăn đi!". Như vậy thì đứa con có ăn cũng là ăn trong sự sợ hãi, mà sợ hãi thì sẽ sinh bệnh tật.

Có nhiều bà mẹ chữ con: "Đồ yêu! Đồ quỷ! Tao đẻ ra mày thì tao đẻ ra cái trứng hột gà, hột vịt tao đem ra ngoài chợ tao bán còn hơn. Tao đẻ ra mày làm chi cho phá làng phá xóm!". Chính bà đang là quỷ cho nên bà mới thấy quỷ, chứ đang là người thì đâu có thấy quỷ. Nhìn thấy quỷ xuất hiện nghĩa là mình đang làm quỷ, chỉ có con quỷ mới hiểu được ngôn ngữ của loài quỷ.

Tu Tập Ngay Trong Cuộc Sống Thường Nhật

Chúng ta tu theo Phật, đừng có nghĩ là phải làm gì to tát, xa xôi cả. Có những việc đơn giản trong đời sống hằng ngày, như người vợ thích đi chùa, nhưng khi về rủ chồng, chồng mình không đi, rồi mình nói: "Anh không biết tu, không chịu tu gì hết trơn, anh phải tu chứ!". Mình quên mất một điều mà Đức Phật đã dạy, rằng người nữ phải tu nhiều kiếp mới thành người nam, cho nên người chồng đã tu từ lâu rồi. Bây giờ người ta không theo mình đi chùa không có nghĩa là người ta không có tu. Vậy làm sao để chồng cùng đi chùa? Thấy khó nhưng thực chất không khó. Trước đây, sống trong nhà mình thường la hét, bực bội, xúy mặt..., bây giờ đi chùa rồi mình không làm như thế nữa thì chồng sẽ đi chùa theo mình. Chồng thấy vợ mình đi chùa có sự thay đổi nhiều, vợ dễ thương hơn, để khuyến khích vợ đi chùa thì mình cùng đi chùa với vợ. Như vậy là cả hai vợ chồng đều vui vẻ đi chùa mà không ai méch lòng ai cả. Ngay bản thân tôi, thú thật với quý vị, tôi cũng hay sám hối lắm, vì với chồng mà nhiều khi tôi xem chồng giống như con vậy. Do hoàn cảnh cá nhân nên chức năng làm mẹ của tôi nó lấn lướt, lấn lướt mãi thành ra quy luật.

Khi tôi viết tuồng, có những tuồng tôi để cho nhân vật nói lên tâm sự của họ. Trong thực tế cuộc sống, có những con đường không có bảng cấm nhưng lại không được đi, còn có những con đường cấm đầy bảng cấm nhưng đôi khi phải lén lút mà đi. Và đó chính là tu. Khi mà chúng ta biết tu rồi thì trong cơn giận chúng ta cũng phải có chánh niệm, chứ không phải nói tu rồi là chúng ta hoàn toàn không còn giận nữa. Chẳng hạn như khi chúng ta giận chồng, chồng hỏi:

- Em giận anh hả?
- Có, em có giận, cho em giận anh nửa tiếng đi.

Nếu khi chúng ta giận mà trả lời như thế thì làm sao chúng ta giận quá nửa tiếng, thậm chí là khi buông câu nói ấy mình đã hết giận rồi. Mình thông minh, mình có thể hóa giải nhiều thứ trong cuộc sống của mình, vậy sao mà không hóa giải để khi nào mình sống trong gia đình, ở cơ quan hay bất cứ nơi đâu, đều có được thiên đường của mình. Không có thiên đường nào chung cho tất cả mọi người, tự mình tạo ra thiên đường riêng cho chính mình thôi.

Đức Phật dạy rồi, khi tâm ta nghi ngờ, độc ác thì mọi thứ địa ngục sẽ hiện lên, (xem tiếp trang 59)

Ba Điều Bất Hạnh

ĐD Thiện Minh

Trong kinh, một hôm Đại đức Ānanda gặp Đức Thế Tôn hỏi rằng: Bạch Đức Thế Tôn, bạn hữu là bán phần của phạm hạnh hay là toàn phần của phạm hạnh?. Đức Phật trả lời: Này Ānanda, bạn hữu là toàn phần của phạm hạnh chứ không phải bán phần của phạm hạnh. Tại sao vậy? Vì nếu chúng ta gần gũi một người bạn tốt có hạnh kiểm, có đạo đức, có khả năng tu chứng thì đời sống, đạo đức và con đường giác ngộ của chúng ta có thể được chuyển hóa. Vì vậy, Đức Phật mới nói rằng bạn hữu là toàn phần của phạm hạnh. Angulimāla - Vô Nỗi là một tên sát nhân đã giết 999 người nhưng khi gặp Đức Phật với lòng từ bi vô hạn của Ngài, Vô Nỗi đã chấp nhận Đức Phật là đạo sư, là bạn lành. Từ đó, Vô Nỗi trở thành một vị tỳ kheo trong đạo tràng của Đức Thế Tôn, tu hành đắc đạo và chứng quả. Nàng Ampapālī là một kỹ nữ xinh đẹp, có nhiều vương tôn công tử theo đuổi. Nhưng khi nghe danh tiếng của Đức Phật, nàng Ampapālī cũng đã chấp nhận Đức Phật là một bậc đạo sư, là bạn lành. Cuối cùng, nàng Ampapālī, một kỹ nữ nổi tiếng đã xuất gia trở thành tỳ kheo ni và đắc được đạo quả thánh. Tại sao chàng Angulimāla và nàng Ampapālī lại cho Đức Phật là bạn lành? Trong tiếng Pāli, bạn là Mitta, căn của mitta là Metta – nghĩa là tình thương, lòng từ bi. Cho nên, người nào có tình thương, có lòng từ, dù tuổi tác họ lớn nhỏ như thế nào thì vẫn là bạn của chúng ta. Ngoài đời quan niệm bạn phải bằng tuổi hoặc lớn hơn hoặc nhỏ hơn ít tuổi thôi. Nếu mình 30 tuổi thì không có thể nói là bạn với người 80, 90 tuổi được. Nhưng trong kinh điển, Phật dạy bạn là người đối với ta có lòng từ, có tình thương và có sự nâng đỡ. Thật hạnh phúc cho những ai có được những người bạn như vậy. Ngược lại, có những điều chúng tôi gọi là bất hạnh, đó là:

Điều thứ nhất, Người cư sĩ tại gia lười biếng là điều bất hạnh. Tục ngữ Việt Nam có câu: *"Cố công mài sắt có ngày nên kim"*. Ca dao Nam bộ có bài ca ngợi đức tính cần cù, lòng kiên nhẫn của người nông dân: *"Cày đồng đang buổi ban trưa/ Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày/ Ai ơi, bưng bát cơm đầy/ Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần"*. Quý vị hình dung người nông dân muốn làm ra hạt gạo họ phải tay cầm cày, chân lội bùn, đổ mồ hôi như



mưa dưới cái nắng ban trưa ngoài đồng. Những vất vả, cực khổ đó cho kết quả là "bát cơm đầy, dẻo thơm" giúp chúng ta no bụng hằng ngày. Vậy muốn có bát cơm dẻo thơm phải đổ mồ hôi như mưa mới có được, nên công sức đó là vô cùng quý báu. Nếu người nông dân lười biếng, không chịu thương chịu khó, một nắng, hai sương, sáng sớm lội bùn cày cấy thì làm sao có được hạt gạo dẻo thơm cho đời. Người tu chúng ta cũng vậy. Trong đời sống xuất gia, đạo đức phải tu tập hằng ngày mới có được chỗ không tự nhiên mà thành. Muốn có "Một hạt gạo dẻo thơm" phải đổ bằng muôn phần đắng cay của mồ hôi đổ xuống thì việc tu tập để trở thành người có đời sống phạm hạnh cao quý không phải dễ, không phải một sớm một chiều được. Do vậy, học giả Nguyễn Hiến Lê cho rằng thành công chỉ có 5% thông minh, còn lại 95% là do siêng năng, chăm chỉ, nhẫn nại, tinh tấn.

Trong nhà Phật, pháp tinh tấn rất quan trọng. Người cư sĩ ngay từ bước đầu phải áp dụng pháp tinh tấn để tu tập. Nếu tu tập mà không tinh tấn chỉ uống phí thời gian mà kết quả không đạt được gì. Đức Phật chúng ta từ khi phát nguyện dưới cội bồ đề rồi đạt quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác là thời gian Ngài trải qua 20 A tăng kỳ, một trăm ngàn đại

kiếp. Trong kinh ghi nhận trong suốt 20 A tăng kỳ, một trăm ngàn đại kiếp đó Đức Phật không bao giờ dùng nghỉ mà tinh tấn liên tục. Dù gặp hoàn cảnh trái duyên Đức Phật vẫn luôn tích cực tinh tấn, nhẫn nại.

Sự tinh tấn của Đức Phật tổ Thích Ca có 3 giai đoạn: Viriya paramī – là tinh tấn tới bờ kia; viriya upapāramī là tinh tấn tới bờ trên; viriya paramatthapāramī là tinh tấn tới bờ cao thượng. Đó là ba giai đoạn mà một vị Phật tổ cần phải vượt qua. Tinh tấn tới bờ kia có nghĩa là vị Chánh Đẳng Chánh Giác thực hành sự tinh tấn dù sự tinh tấn đó có ảnh hưởng đến vợ con, tiền bạc của cải vẫn không lui bước. Tinh tấn tới bờ trên có nghĩa là dù cho sự tinh tấn đó có làm mất đi một tay, một chân hay ảnh hưởng đến toàn tứ chi, cơ thể của mình, những vị bồ tát ấy vẫn giữ gìn hạnh tinh tấn. Tinh tấn tới bờ cao thượng nghĩa là để đạt được hạnh nguyện của mình thì dù cho cái thân này phải bị hủy diệt các vị ấy vẫn tiếp tục hành trì trên con đường tu tập.

Quý vị biết ở nước ta hằng năm có những vùng thường xuyên bị lũ lụt. Trong mùa lũ đi đến những nơi đó rất nguy hiểm, nước chảy xiết cuốn trôi nhà cửa, bờ bãi. Chúng ta thường nghe báo đài thông tin về con số người thiệt mạng vì thiên tai. Mới đây, tại Hà Nội có 5 người thiệt mạng vì mưa bão. Có một nhà sư áo vàng phát nguyện đi cứu trợ đồng bào bị lũ lụt ở miền Trung. Chuyển đi này có nhiều Phật tử tham gia mang theo rất nhiều thực phẩm và tịnh tài dành tặng cho bà con nghèo ở Hội An - Quảng Nam. Do gió to, nước chảy xiết, lương thực và người quá tải nên chiếc ghe chở đoàn đến vùng quê bị chìm. May mắn là mọi người lội được vào bờ nhưng tịnh tài và thực phẩm đều bỏ thí cho “hà bá”. Trong nhiều năm qua, cũng có người đã thiệt mạng vì đi cứu trợ ở những nơi xa xôi bị thiên tai lũ lụt. Câu chuyện kể trên cho thấy rằng thực hành hạnh nguyện bồ tát rất khó chứ không phải dễ, nhưng dù có ảnh hưởng đến sanh mạng bồ tát cũng không nao núng. Đó là hạnh nguyện, là mật hạnh của bồ tát mà mấy ai thấy biết.

Đức Phật dạy tinh tấn là không ngừng nghỉ. Lười biếng là thói quen. Muốn biết mình có lười biếng hay không thì quý vị chọn một môn học nào ưa thích và tự học. Khi đó quý vị sẽ thấy rõ cái tâm lười biếng và thích ngủ của chúng ta cỡ nào.

Trong hành thiền cũng vậy. Có khi quý vị ngồi thiền thấy có nhiều mệt mỏi chỉ muốn đi ngủ. Nhưng đừng để việc này trở thành thói quen lười biếng. Đừng rơi vào cạm bẫy của thói quen. Quý vị hãy làm cho tinh thần phấn chấn để đối trị sự uể oải và lười biếng. Quý vị cần áp dụng sự quyết tâm cộng sức chịu đựng của thân. Sau giờ thiền, tâm tinh tấn sẽ tăng tiến. Tinh tấn là cội nguồn của tất cả sự chứng

đạo, là nền tảng của mọi thành tựu. Mong sao quý vị luôn ghi nhớ điều này.

Tương lai Đức Phật Di Lặc sẽ ra đời, Ngài là một vị Phật tu hạnh tinh tấn. Trong tiền kiếp của Phật Di Lặc, một hôm nghe nói có một vị pháp sư lỗi lạc thuyết pháp. Ngài tính nếu đi bộ từ nơi ở đến pháp hội phải mất 5 ngày. Do vậy, để đến pháp hội đúng lúc, Đức Di Lặc đã đi bộ không ngừng nghỉ, khi quá mệt thì Ngài bò. Nên khi đến nơi, hai đầu gối chân và cùi chỏ tay của Ngài trầy trụa, chảy máu. Tuy nhiên, Ngài đã được nghe Pháp kịp lúc.

Sự tinh tấn liên tục đến cùng không phải ai cũng làm được nhưng quý vị hãy tự mình quyết tâm sẽ có kết quả. Trong kinh ghi nhận, đức Phật Di Lặc hiện diện ở bất cứ nơi nào, hướng nào thì nơi đó, hướng đó sáng ngời rực rỡ hào quang. Ngài ngự ở hướng đông thì hào quang chiếu sáng khắp hướng đông. Nếu ai ở trong hướng đông sẽ không còn phân biệt được không gian, thời gian ngày và đêm, chỉ nghe âm thanh tiếng gà gáy để thức dậy đi làm mà thôi. Đức Di Lặc đi nghe pháp vất vả như vậy mà vẫn kiên nhẫn đi để rồi sau này thành Phật. Thời nay quý vị đi nghe Pháp có phương tiện thuận lợi hơn rất nhiều. Quý vị có thể đi xe máy, taxi hoặc đi bộ thì đường sá cũng dễ dàng. Nhưng trong số quý vị vẫn có người lười biếng. Khi mới biết chùa thì siêng đi lễ. Nhưng đi chùa, giữ giới, lạy Phật, lâu ngày không thấy mình có tiến bộ, có lúc quý vị nghĩ chùa không linh. Nhưng thực sự quý vị có tiến bộ nhiều lắm chứ. Ngày xưa khi chưa đi chùa, quý vị bị ai nói nặng một câu, có thể đáp trả lại hai ba câu nặng nề hơn, dữ dằn hơn. Nhưng do đi chùa nhiều, biết tu tập nhiều, hiểu rằng cần giữ cho tâm mình an trụ trong yên tịnh là quý hơn tất cả nên bây giờ ai nói nặng, nói nhẹ quý vị sẵn sàng bỏ qua. Hãy giữ sự tinh tấn này, thường xuyên đi chùa, lạy Phật, nghe pháp để làm gương cho con cháu. Hình ảnh quý vị sống có đạo đức, giữ giới, tạo thói quen chủ nhật tuần nào cũng đi nghe thuyết pháp, điều đó ít nhiều giúp phát sanh tâm thiện cho người khác. Hãy nguyện trong lòng từ nay về sau chủ nhật nào cũng đi nghe pháp. Nhưng nên biết nếu quý vị phát nguyện như vậy rồi là sẽ bị ma vương thử thách đó. Ví dụ, nhằm trúng chủ nhật có khách ở dưới quê lên chơi, hoặc bạn bè từ Hà Nội hay từ miền Trung xa xôi ghé thăm nên khó đi chùa. Những lúc như vậy, quý vị hãy ứng phó bằng cách rủ bạn bè, người thân cùng đi chùa với mình luôn, cũng là dịp chuyển hóa đời sống cho họ.

Cho nên, Đức Phật dạy lười biếng là một điều bất hạnh. Đối trị với lười biếng là tinh tấn. Người đang đi trên con đường cầu giải thoát cần phải có lòng phát nguyện. Sức mạnh của lòng phát nguyện sẽ giúp mỗi chúng ta khắc phục sự giải đãi, ngu si, tâm buông lung và lười biếng (còn tiếp). ●

Kệ ngôn của Trưởng lão PILINDAVACCHA

TT. Thiện Phúc (biên dịch)

Được biết trưởng lão Pilindavaccha đã nói lên bài kệ như vậy:

*"Ta đến giáo pháp này
Là việc đến tốt đẹp
Chẳng phải không lợi ích
Suy nghĩ để nghe pháp
Và xuất gia với Phật
Chẳng phải không lợi ích
Bởi khi Ngài phân tích
Giảng giải pháp cho ta
Ta chứng pháp tối thượng"*

Vào thời giáo pháp của Đức Thế Tôn Padumutara, vị trưởng lão này sanh trong một gia đình Bàlamôn giàu có tại thành Hamsāvātī. Một hôm, Ngài đến chùa nghe pháp, thấy Đức Thế Tôn tuyên dương một vị tỳ khưu thù thắng hơn chư tỳ khưu khác: "là nơi ái kính của chư thiên". Vị Bà la môn này khởi ước muốn ngôi vị cao quý ấy, nên đã thực hành các phạn sự cho đến khi mệnh chung và luân chuyển sanh tử giữa hai cõi người, trời một thời gian dài.

Đến thời giáo pháp của Đức Thế Tôn Sumedha, khi Đức Thế Tôn niết bàn, vị Bàlamôn này cúng dường bảo tháp của Đức Thế Tôn và cúng dường đại thí đến chư tăng. Khi mạng chung lại sanh về thiên giới. Vào thời không có giáo pháp của Đức Phật, Ngài sanh làm Chuyển Luân Vương cai trị quốc độ bằng thập vương pháp, hướng dẫn đại

chúng an trú trong ngũ giới.

Trước khi Đức Thế Tôn của chúng ta xuất hiện trong thế gian, trưởng lão tái sanh vào một gia đình Bàlamôn tại thành Sāvattthī có tên là Pilinda, Vaccha là họ, nên Ngài được gọi là Pilindavaccha. Chán ngán cuộc sống thế tục, Bà la môn Pilindavaccha xuất gia làm du sĩ và thành tựu minh Cūlagandhāra (tên một loại chú thuật của Bàlamôn giáo), vị du sĩ này du hành trên hư không bằng minh ấy, đồng thời biết được tâm người khác nên du sĩ Pilindavaccha trở thành người thù thắng với lợi lộc và danh xưng tại thành Rājagaha.

Khi Đức Thế Tôn của chúng ta giác ngộ khai thị pháp luân, Ngài tuần tự du hành đến thành Rājagaha, do Phật lực khiến cho minh của du sĩ Pilindavaccha bị suy giảm, không thể thành tựu theo như ý. Vị du sĩ ấy xét duyên cớ, chợt nhớ lời của các vị Bàlamôn tiền bối rằng: "Mahāgandhāra (Đại thần chú) hiện hữu ở đâu thì Cūlagandhāra (tiểu thần chú) phải suy giảm tại chỗ ấy. Kể từ khi samôn Gotama ngự đến đây, minh của ta bị suy kém, như vậy chắc hẳn samôn Gotama biết đại thần chú, ta nên đến chỗ samôn Gotama để học minh ấy".

Du sĩ Pilindavaccha đi đến yết kiến Đức Thế Tôn và thưa rằng: *"Kính bạch đại sa môn! Tôi muốn học một loại minh nơi Ngài, xin Ngài hãy cho cơ hội đến tôi".*

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Vậy thì! Người hãy xuất gia đi.

Vị du sĩ tưởng rằng việc xuất gia là bước đầu tiên của việc học thần chú nên chấp nhận xuất gia. Đức Thế Tôn sau khi giảng pháp đến vị ấy, Ngài cho một đề mục thích hợp với cơ tánh của trưởng lão Pilindavaccha. Trưởng lão cố gắng tu tiến phát triển đề mục, không bao lâu chứng quả Alahán và Ngài là người có đầy đủ duyên lành giải thoát.

Các vị thiên nhân nào nương vào lời giáo huấn của Trưởng lão trong tiền kiếp được sanh lên thiên giới, các vị chư thiên nào biết được ân đức của trưởng lão nên hết lòng tôn kính, tin thành trưởng lão; đã ngự xuống hầu hạ phục vụ trưởng lão vào mỗi buổi sáng và mỗi buổi chiều. Do nhân đó, trưởng lão trở thành người thù thắng hơn chư tỳ khưu" là bậc được chư thiên ái kính". Như bài kệ trưởng lão nói trong Apadāna rằng:

*Sau khi bậc Thế y
Hồng danh Sumedha
Đã viên tịch niết bàn
Ta trong sạch hoan hỷ
Lễ bái cúng dường tháp
Chư tỳ khưu lậu tận
Với số lượng bao nhiêu
Ta cung thỉnh tất cả
Các bậc lậu tận ấy
Đến trai tăng cúng dường
Lúc ấy có một vị
Thị giả Đức Thế Tôn
Cũng tên Sumedha
Đã nói pháp tùy hỷ
Khiến tâm ta thoả thích
Sau khi ta mệnh chung
Được sanh lên thiên giới
Có hàng ngàn thiên nữ
Vây quanh phục vụ ta
Đây chính là quả báo
Của thiện nghiệp ta tạo
Trong kiếp thứ 25
Ta làm Chuyển Luân Vương
Danh xưng Varuṇa
Gạo ta dùng thanh khiết
Không phải do gieo hạt
Không phải do cày cấy
Ta dùng gạo Sālī
Chỗ tự sanh tự chín
Vào thời ấy ta sống
Dù chúng sanh là bạn*



*Hay không phải là bạn
Cũng không làm hại ta
Ta là chỗ thương yêu
Của các loài hữu tình
Đây là quả của nghiệp
Ta trong sạch cúng dường
Do việc cúng dường ấy
Ta không biết khổ cảnh
Và cũng do quả ấy
Nên trong hiền kiếp này
Ta là vị tộc trưởng
Có uy lực to lớn
Ta làm Chuyển Luân Vương
Ta hướng dẫn mọi người
An trú trong năm giới
Khiến cho những người ấy
Được sanh lên thiên giới
Nên hiện nay ta được
Các chư thiên ái kính
Đến kiếp cuối cùng này
Ta tác chứng các pháp
Cao thượng thuộc bậc Thánh...
Lời Phật dạy làm xong".*

Do nhân đó, nên Đức Thế Tôn tuyên dương trưởng lão là người được chư thiên ái kính. Đức Thế Tôn phán rằng: "Này chư tỳ khưu, Pilindavaccha thù thắng hơn các Thánh văn của ta, là người được chư thiên ái kính".

Trưởng lão, quán xét các ân đức của mình trước kia cứ ngỡ việc đến xuất gia nơi Thế Tôn là tiền tướng của thần chú nhưng lại nhân chứng đắc các pháp đặc biệt thù diệu, hoan hỷ với thành quả của mình, trưởng lão nói lên bài kệ rằng:

*"Ta đến giáo pháp này
Là việc đến tốt đẹp
Chẳng phải không lợi ích
Suy nghĩ để nghe pháp
Và xuất gia với Phật
Chẳng phải không lợi ích
Bởi khi Ngài phân tích
Giảng giải pháp cho ta
Ta chứng pháp tối thượng".*●

Ích lợi của lòng trắng trứng Gà



Tường Lam sưu tầm

Chữa Cấp Thời Khi Bị Phồng Da...

Cách chữa phỏng đơn giản và công hiệu bằng lòng trắng trứng. Một việc làm được trong tầm tay.

Khi huấn luyện nhân viên cứu hỏa, người ta dạy cho họ phương pháp này khi xảy ra trường hợp bị phỏng, dù mức độ có nặng đến đâu. Để sơ cứu, người ta để chỗ bị phỏng dưới vòi nước lạnh cho đến khi sức nóng giảm và những lớp da không còn bị cháy, rồi bôi lòng trắng trứng lên.

Có một người bị phỏng nước sôi gần hết bàn tay. Mặc dầu rất đau rát, họ để tay dưới vòi nước lạnh, sau đó đập hai quả trứng lấy lòng trắng ra đánh lên một chút rồi ngâm tay vào đó. Tay họ bị phỏng nặng đến nỗi khi để lòng trắng trứng lên thì da khô lại và lòng trắng làm thành một lớp màng. Khi biết rằng lòng trắng trứng là chất cô-la-gen (collagen) tự nhiên, họ tiếp tục bôi hết lớp này đến lớp khác trên tay, ít nhất là trong khoảng một tiếng đồng hồ. Đến chiều thì họ không còn cảm thấy đau rát nữa và ngày hôm sau thì chỗ phỏng chỉ còn bị đỏ chút ít. Họ vẫn nghĩ chỗ phỏng này thế nào cũng để lại sẹo khủng khiếp lắm, nhưng 10 ngày sau, họ vô cùng ngạc nhiên khi thấy tay mình không còn vết phỏng nào, màu da cũng đã trở lại bình thường!

Chỗ phỏng đã hoàn toàn được tái tạo nhờ vào chất cô-la-gen có trong lòng trắng trứng, thật ra đó chính là nhau (placenta) chứa rất nhiều vitamin. ●

Nghị định số 92/2012/NĐ-CP của Chính phủ: “Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo”

Mục 5

HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CỦA CHỨC SẮC, NHÀ TU HÀNH TẠI CƠ SỞ TÔN GIÁO ĐƯỢC XẾP HẠNG DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH

Điều 33. Hoạt động của chức sắc, nhà tu hành tại cơ sở tôn giáo được xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh

1. Tổ chức tôn giáo có cơ sở tôn giáo đã xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh được cử chức sắc, nhà tu hành tham gia Ban quản lý di tích khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập.

2. Chức sắc, nhà tu hành thuộc cơ sở tôn giáo đã xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh được hoạt động tôn giáo bình thường như tại cơ sở tôn giáo khác.

3. Nguồn thu từ công đức, tài trợ cho cơ sở và nguồn thu khác thu được từ việc tổ chức lễ hội của cơ sở tôn giáo đã xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh phải được công khai trong Ban quản lý di tích. Nguồn thu này được sử dụng để phục vụ cho việc quản lý, tu bổ di tích, hoạt động tôn giáo và đảm bảo đời sống bình thường của chức sắc, nhà tu hành tại cơ sở đó.

Mục 6

VIỆC CẢI TẠO, NÂNG CẤP, XÂY DỰNG MỚI CÔNG TRÌNH TÍN NGƯỠNG, CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ THUỘC CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG, CƠ SỞ TÔN GIÁO

Điều 34. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo, công trình phụ trợ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo phải xin cấp giấy phép xây dựng

1. Công trình tín ngưỡng là những công trình như: Đình, đền, am, miếu, từ đường, nhà thờ họ và những công trình tương tự khác.

2. Công trình tôn giáo là những công trình như: Trụ sở của tổ chức tôn giáo, chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh đường, thánh thất, niệm phật đường, trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo, tượng đài, bia, tháp và những công trình tương tự của các tổ chức tôn giáo.

3. Công trình phụ trợ là những công trình không sử dụng cho việc thờ tự của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, như: Nhà ở, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp,

tường rào khuôn viên cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và các công trình tương tự khác.

4. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này và những công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan.

Điều 35. Việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải xin cấp giấy phép xây dựng

Khi sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng mà không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực, an toàn của công trình và khu vực xung quanh thì không phải xin cấp giấy phép xây dựng.

Trước khi sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình, người đại diện cơ sở tín ngưỡng hoặc tổ chức tôn giáo cơ sở có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại, trong đó nêu rõ lý do, thời gian, các hạng mục công trình, phạm vi và mức độ sửa chữa. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 7

TỔ CHỨC QUYÊN GÓP CỦA CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG, TỔ CHỨC TÔN GIÁO

Điều 36. Tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo

1. Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này về việc tổ chức quyên góp, trong đó nêu rõ mục đích, phạm vi, cách thức, thời gian, cơ chế quản lý, sử dụng tài sản được quyên góp.

2. Cơ quan nhận thông báo về việc quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo:

a) Trường hợp tổ chức quyên góp trong phạm vi một xã, thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức quyên góp;

b) Trường hợp tổ chức quyên góp vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện, thông báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức quyên góp;

c) Trường hợp tổ chức quyên góp vượt ra ngoài phạm vi một huyện, thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức quyên góp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này; 05 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này; 07 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và giám sát việc thực hiện theo nội dung thông báo; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

4. Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo thực hiện việc quyên góp phải bảo đảm tính công khai, minh bạch đối với các khoản quyên góp, kể cả việc phân bổ; không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo để quyên góp phục vụ lợi ích cá nhân hoặc những mục đích trái pháp luật.

5. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản quyên góp có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 8

QUAN HỆ QUỐC TẾ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TÍN ĐỒ, NHÀ TU HÀNH, CHỨC SẮC

Điều 37. Việc mời tổ chức, cá nhân là người nước ngoài vào Việt Nam

1. Tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc tôn giáo khi mời tổ chức, cá nhân là người nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành các hoạt động quốc tế liên quan đến tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương.

Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ tên tổ chức, cá nhân tôn giáo mời, mục đích, nội dung các hoạt động hợp tác, danh sách khách mời, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm tổ chức;

b) Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 38. Việc tham gia hoạt động tôn giáo, khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài

1. Tổ chức, cá nhân tôn giáo khi tham gia hoạt động tôn giáo, khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài có trách nhiệm gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương.

Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ mục đích, chương trình, thời gian, địa điểm hoạt động tôn giáo, khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài mà tổ chức, cá nhân tôn giáo ở Việt Nam được mời tham gia;

b) Giấy mời tham gia hoạt động tôn giáo hoặc văn bản chấp thuận đào tạo của tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài;

c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo quản lý trực tiếp.

2. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

3. Chức sắc, nhà tu hành, tín đồ sau khi hoàn thành khóa đào tạo về tôn giáo ở nước ngoài, nếu được tổ chức tôn giáo ở nước ngoài phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, khi về Việt Nam hoạt động tôn giáo, tổ chức tôn giáo quản lý trực tiếp có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Điều 39. Việc giảng đạo của chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài tại Việt Nam

1. Tổ chức tôn giáo mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo tại cơ sở tôn giáo ở Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương, trong đó nêu rõ họ tên chức

sắc, nhà tu hành, quốc tịch, tên tổ chức tôn giáo nước ngoài, chương trình, nội dung, thời gian, địa điểm thực hiện, người tổ chức, thành phần tham dự.

2. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo ở Trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

Điều 40. Sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài tại Việt Nam

1. Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được tạo điều kiện sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở tôn giáo như tín đồ tôn giáo Việt Nam.

2. Người nước ngoài có nhu cầu tập trung để sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở tôn giáo hợp pháp ở Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị sinh hoạt tôn giáo, trong đó nêu rõ họ tên, quốc tịch, tôn giáo của người đại diện; lý do, thời gian, số lượng người tham gia, cơ sở tôn giáo dự kiến đăng ký sinh hoạt;

b) Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện;

c) Văn bản đồng ý của tổ chức tôn giáo cơ sở hợp pháp nơi nhóm người nước ngoài dự kiến sinh hoạt tôn giáo.

3. Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

4. Người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 41. Việc xuất cảnh, nhập cảnh liên quan đến tôn giáo

Khi thực hiện quy định tại các Điều 37, 38, 39 và Điều 40 Nghị định này, tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc phải tuân thủ quy định của pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh (còn tiếp).●



Pháp Luật Về Cư Trú

CÂU HỎI: Trong gia đình tôi có năm người, chị gái tôi đã lập gia đình, nay chị tôi muốn tách khỏi hộ khẩu gia đình để ra sống riêng. Xin Luật sư cho biết điều kiện và thủ tục tách khẩu theo quy định pháp luật sao cho đúng. Trân trọng cảm ơn Luật sư!

(Tăng sinh K7-TCPH)

Trả lời: Nhu cầu cá thể con người luôn luôn mong muốn khám phá, khẳng định tính độc lập tách riêng khỏi gia đình, có cuộc sống độc lập là chính đáng. Pháp luật đã dự liệu đáp ứng nhu cầu này, quy định Luật cư trú tại Điều 27, những trường hợp có cùng một chỗ ở hợp pháp được tách sổ hộ khẩu, người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có nhu cầu tách hộ khẩu riêng. Nên chị gái đang trong gia đình bạn được phép tách hộ khẩu theo quy định pháp luật. Nộp các thủ tục trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải trả kết quả giải quyết việc tách sổ hộ khẩu; trường hợp không giải quyết việc tách sổ hộ khẩu thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trình tự thủ tục thực hiện là cá nhân thực hiện việc tách khẩu chuẩn bị đầy đủ hồ sơ bao gồm: sổ hộ khẩu; phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; ý kiến đồng ý bằng văn bản của chủ hộ nếu thuộc trường hợp không có quan hệ gia đình là ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em ruột, cháu ruột với chủ hộ. Nộp hồ sơ tại trụ sở công an xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp; Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại cho kịp thời. Việc nhận sổ hộ khẩu tại trụ sở công an xã, thị trấn. Người nhận đưa giấy biên nhận, cán bộ trả kết quả kiểm tra và yêu cầu ký nhận, trả sổ hộ khẩu cho người đến nhận kết quả như vậy thủ tục tách khẩu theo quy định pháp luật đã được đáp ứng.

Chúc bạn và gia đình sức khỏe, thành công.●

LS. Lâm Thị Mai

Tel: 08.35532278 – ĐD. 0908 161 395

Phật giáo Nam Tông An Cư mùa mưa năm 2013

CTV

Phật giáo Nam tông ở Việt Nam cũng như Phật giáo Nam tông trên thế giới thời gian chính thức An cư Kiết hạ từ ngày 16/6 đến ngày 15/9 năm Quý Tỵ - 2013. Theo Luật tạng Pāli, đức Phật cho phép 1 tháng từ 16 tháng 5 ài đến 15 tháng 6 ài, mỗi trú xứ Kiết vũ chọn một ngày để Phật tử cử hành lễ cúng dường y tắm mưa cùng Tứ vật dụng (dâng y tắm mưa) đến chư tăng để có đủ điều kiện An cư tốt đẹp. Thông thường ở Việt Nam, mỗi chùa có một thí chủ phát tâm cúng dường y Kathina cho chư tăng Kiết hạ suốt ba tháng mùa mưa, đồng thời, đó cũng là thí chủ cúng dường Tứ vật dụng cho chư tăng trước ngày An cư chính thức.

Thế nên, chùa Nam Tông nào ở Việt Nam cũng đều có tổ chức lễ dâng y tắm mưa cúng dường Tứ vật dụng đến Chư tăng. dịp này, Tạp chí PGNT xin giới thiệu một số chùa Nam tông tổ chức lễ dâng y tắm mưa cúng dường Tứ vật dụng cùng vài hình ảnh nhằm giới thiệu đến quý độc giả như: Thiền viện Thiện Minh tỉnh Vĩnh Long tổ chức ngày 12 tháng 6 ài, thí chủ gia đình Đỗ Trước và Phương Lan. Chùa Thanh Long tỉnh Bình Dương tổ chức ngày 13 tháng 6 ài, thí chủ gia đình Cô Hằng và gia đình Lê Hiền Anh Tân, Lê Thị Yến Chi. Tổ đình Bửu Quang, Q. Thủ Đức tổ chức ngày 14 tháng 6 ài, thí chủ gia đình bà Trần Thị Năm cùng gia đình Đinh Thị Hiếu, Đinh Thị Kim Mai, Chùa Xá Lợi Q. 9 tổ chức ngày 14 tháng 6 ài, thí chủ tập thể. Chùa Kỳ Viên, Q. 3 tổ chức ngày 15 tháng 6 ài, thí chủ gia đình Đại đức Minh Hiền. Chùa Siêu Lý Q. 6 tổ chức ngày 13 tháng 6 ài, thí chủ gia đình Nguyễn Kim Dung. Chùa Giác Quang tổ chức ngày 15 tháng 6 ài, thí chủ tập thể. Chùa Bát Chánh Đạo tổ chức ngày 16 tháng 6 ài, thí chủ gia đình Đặng Kim Phụng và Phạm Thị Túy Vân. Chùa Trúc Lâm Q. 6 tổ chức ngày 14 tháng 6 ài, thí chủ Nhóm Phật tử Bửu Long. Chùa Tứ Phương Tăng (Vĩnh Long của TT Giác Chánh) tổ chức ngày mùng 1 tháng 6 ài, thí chủ tập thể. Chùa Phổ Minh tổ chức ngày 14 tháng 6 ài, thí chủ gia đình Trần Lê Khanh, Trần Thị Mai Phương. Chùa Huyền Không (Huế) tổ chức ngày 10 tháng 6 ài, thí chủ gia đình Minh Phương Đặng Thọ Dũng và hội chúng Phật tử Hà Tĩnh. Chùa Pháp Quang tổ chức ngày 16 tháng 6 ài, thí chủ Lương Thị Tuyết Sương. Chùa Phật Bảo tổ chức ngày 15 tháng 6 ài, thí chủ Tập thể v.v...●

THEO DÒNG



Các thí chủ lễ dâng y tắm mưa tại chùa Bửu Quang thấp hương cúng dường Tam bảo



Dâng y tắm mưa tại chùa Pháp Luân TP. Huế



Thí chủ dâng y chùa Bát Chánh Đạo



Thí chủ dâng y chùa Xá Lợi Phật Đài



Trại Hè Asoka của Phật giáo Nam tông

Bài và ảnh: **ĐD Tuệ Dũng**

Vào ngày 15/6/2013 Trại hè Asoka được tổ chức tại khu du lịch Suối Tiên dưới sự hướng dẫn của Đại đức Tuệ Dũng và sự hỗ trợ giúp đỡ tận tình của cô Hiếu và gia đình của sư Minh Nhân. Tất cả trại hè gồm 75 thành viên (gồm 65 em học sinh tại Quận 6, Vĩnh Long và 10 phụ huynh). Nội dung: Sinh hoạt dã ngoại, tham quan vui chơi khu du lịch Suối Tiên, đồ vui học đạo qua máy chiếu về lịch sử đức Phật, thọ tam qui ngũ giới, học Pháp Cú kinh. Bên cạnh vui chơi học đạo, trại hè còn tập cho các em ngồi thiền, đi kinh hành. Được biết chương trình học hiện nay của các em khá nhiều, nên các em ít có thời gian tham gia các sinh hoạt tại chùa, nên tranh thủ những ngày hè, các Chư tăng hệ phái Phật giáo Nam tông tạo sân chơi cho các em cùng phụ huynh, có điều kiện vừa tham quan du lịch dã ngoại vừa tìm hiểu thêm về đạo pháp.

KHÓA TU TRẠI HÈ ASOKA 10 NGÀY TẠI CHÙA THÁI HÒA - ĐỊNH QUẢN - ĐỒNG NAI

Khóa tu mùa hè Asoka 10 ngày được tổ chức tại chùa Thái Hòa với tổng số thành viên tham gia là 50 em cho đợt I và 23 em cho đợt II, dưới sự hướng dẫn của Đại đức Pháp Tân (trụ trì chùa và Đại đức Tuệ Dũng). Theo dự kiến ban đầu trại hè có 20 học sinh, nhưng sau đó số lượng các em tham gia tăng dần lên từ 30, 40 và cuối cùng là 50 em. Vì đây là khóa tu học hè đầu tiên được tổ chức nên cũng còn nhiều điều cần rút kinh nghiệm.



Nội dung sinh hoạt: Bước đầu giúp các em tìm hiểu về cuộc đời đức Phật (thông qua tranh vẽ, phim hoạt hình có lồng tiếng Việt), học thuộc những câu Kinh pháp cú, nhận biết thế nào là thập thiện thập ác, thập Ba-la-mật, thập phước nghiệp sự v.v... Bên cạnh học giáo lý, để giúp các em có được tinh thần minh mẫn để học tập tốt, sau các buổi công phu tụng kinh sáng và chiều là giờ tập thiền (chỉ 5 phút mỗi lần) để cho các em tập làm quen với bộ môn này.

Vui chơi giải trí là phần không thể thiếu cho lứa



tuổi thanh thiếu niên. Ban tổ chức chuẩn bị nhiều sách để các em đọc lúc rảnh rỗi như truyện tiền thân đức Phật, Quà tặng cuộc sống, kinh Pháp cú bản Việt ngữ của H.T Thích Minh Châu v.v... Ngoài ra còn tổ chức các trò chơi dân gian như bịt mắt đập niêu, thi cạp ôi không dùng tay, chơi cầu lông, rót nước cúng Phật, thổi ngọn nến tâm linh v.v... để các đội thi với nhau, là phần sôi động nhất trong trại hè.

Sau 2 ngày tu học, Ban tổ chức cho các em làm bài kiểm tra trắc nghiệm bằng giấy để xem em nào siêng năng chăm chỉ học (có thưởng khích lệ).

Sau năm ngày tham gia hội trại, các em chia tay nhau, có bạn đến từ Vĩnh Long (24 bạn do sư Tuệ Hùng hướng dẫn) có bạn đến từ quận 6 v.v... các bạn dù ở khắp nơi nhưng khi đã tham gia sinh hoạt trại hè thì như những người bạn thân của nhau, nên khi chia tay các em thật là lưu luyến, xúc động và hẹn với nhau sang năm sẽ gặp lại vào trại hè năm 2014.

Đợt 1 đã kết thúc, và BTC sẽ tổ chức đợt II tiếp tục 5 ngày với các thành viên của địa phương và Phú Túc, Tiền Giang. Khóa tu trại hè bế mạc vào sáng ngày 15/7.

10 ngày trôi qua với nhiều sinh hoạt học tập, vui chơi giải trí làm cho các bạn trẻ phần khởi nhiều hơn, một mùa hè nhiều kỷ niệm, nhất là những lời chia tay nghẹn ngào và hứa hẹn cho mùa hè năm sau.

Ban tổ chức tuy có hơi vất vả và cho khâu tổ chức hội trại từ ăn uống, đồng phục, tổ chức các trò chơi v.v... nhưng niềm vui lớn nhất đó chính là mang lại cho các bạn thanh thiếu niên học sinh một không khí mới cho ngày hè, một luồng gió hướng thiện cho thế hệ mới. Nhất là không một thành viên nào bỏ cuộc giữa khóa mà còn hứa hẹn mùa hè sau sẽ tiếp tục tham gia, cũng như rủ thêm nhiều bạn mới. Với những thành quả nhỏ nhỏ ấy được xem như là những món quà tinh thần đầy khích lệ cho Ban tổ chức, đây như là một hướng sinh hoạt Phật Pháp mới cho thế hệ trẻ kế thừa. ●

(tiếp theo trang 41)

Nên lưu ý (1) vitamin B-12 phải là loại Methylcobalamin B-12. (2) Folic acid B-9 phải là loại Methyl Folate (thể hệ thứ 4 của folic acid) và (3) Vitamin B-6 cần có thêm Mg++.

Trên thế giới hiện có một dược phẩm giúp hạ homocysteine mang tên Homocysteine Formula. Mỗi viên chứa 50 mg vitamin B6, 400 mcg folic acid, và 125 mcg vitamin B-12 (số lượng thay đổi tùy theo nhà sản xuất).

Nói tóm lại, những người ăn chay trường loại thuần chay (vegan), nhất là các tu sĩ Phật giáo trong các cộng đồng Phật giáo Bắc truyền (Bắc tông hay Đại thừa Phật giáo) nên lưu ý đến vấn đề ăn chay cho đúng phương pháp và cần bổ sung thêm thuốc bổ đa năng (multivitamins) và vitamin loại methylcobalamin B-12.

Bài viết này chỉ có tính cách thông tin, mọi liên quan đến việc chẩn và chữa bệnh là thuộc thẩm quyền của bác sĩ y khoa. ●

bào thần kinh. Methylcobalamine là dạng duy nhất của vitamin B-12 có tham gia trong việc điều chỉnh nhịp sinh học (chu kỳ ngủ-thức). Nó đã được chứng minh trong việc cải thiện chất lượng giấc ngủ và làm mới từ giấc ngủ, cũng như tăng cảm giác hạnh phúc, sự tập trung và sự tỉnh táo.



**HT. Thích Thiện Nhơn được suy cử đảm nhiệm
Phó Chủ tịch Thường trực kiêm
Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN**

theo ghpgvn.vn



Ban Thường trực HĐTS GHPGVN Tại VP 2



Chiều ngày 1/07/2013, Hội nghị Ban Thường trực HĐTS GHPGVN đã thảo luận, lấy ý kiến thành viên Ban Thường trực HĐTS các văn kiện: Quy chế Ban Thường trực HĐTS GHPGVN, Quy chế Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh, Quy chế Ban Trị sự GHPGVN cấp huyện nhằm hoàn thiện các quy chế.

Hội nghị chiều nay, sau khi Ban Thường trực cử đoàn chư tôn đức do HT. Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS làm Trưởng đoàn đến chùa Vạn Đức thỉnh ý HT. Thích Trí Tịnh, Chủ tịch HĐTS GHPGVN về chức danh Phó Chủ tịch Thường trực còn khuyết; HT. Thích Trí Tịnh đã chỉ định HT. Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS đảm nhiệm Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký HĐTS. Sau khi biểu quyết lấy ý kiến, toàn thể Ban Thường trực HĐTS đã thống nhất suy cử HT. Thích Thiện Nhơn đảm nhiệm cương vị Quyền Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN cho đến phiên Hội nghị thường niên GHPGVN vào cuối năm 2013 sẽ suy cử chính thức. ●

**TP. HCM: HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GHPGVN**

Võ Tấn Phát

Vào lúc 8 giờ 15 phút, ngày 01/07/2013 tại Thiền Viện Quảng Đức, Q. 3 TP. HCM, đã trọng thể diễn ra lễ khai mạc Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN.

Hội nghị Ban Thường trực HĐTS GHPGVN diễn ra trong hai ngày là ngày 1 và ngày 2/7/2013, dưới sự điều hành của HT. Thích Chơn Thiện Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS kiêm Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni TW, HT. Thích Thanh Nhiễu Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS kiêm Phó ban Tăng sự TW. Ngoài ra, còn có sự tham dự của Chư tôn đức Giáo phẩm Tăng, Ni, cư sĩ thành viên BTT HĐTS GHPGVN.

Về phía chính quyền đến tham gia hội nghị có ông: Phạm Dũng, Thứ trưởng Bộ Nội Vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, và ông Bùi Hữu Dược, Vụ trưởng Vụ Phật giáo.

Sang ngày làm việc thứ 2 ngày 02/7/2013 các chư Tăng, Ni có phần đóng góp về việc sửa đổi Hiến chương của GHPGVN. Vào lúc 10 giờ 40 phút Hội nghị Ban Thường trực HĐTS GHPGVN đã bế mạc trong tinh thần hoan hỷ đoàn kết. ●



Thủ tướng Ấn Độ lên án vụ đánh bom chùa Bodh Gaya

theo TTXVN



Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh đã lên án mạnh mẽ vụ đánh bom khủng bố trong sáng 7/7 nhằm vào chùa Mahabodhi ở Bodh Gaya thuộc bang Bihar, cho rằng các vụ tấn công như vậy nhằm vào những địa điểm tôn giáo sẽ "Không bao giờ có thể được dung thứ".

Phóng viên TTXVN tại Ấn Độ cũng cho biết cùng ngày, Tổng Thư ký phụ trách về thông tin của đảng Quốc đại cầm quyền, ông Ajay Maken cũng mạnh mẽ lên án vụ việc trên. Ông kêu gọi chính quyền bang Bihar và các cơ quan chức năng sớm truy bắt và đưa những kẻ phạm tội ra trước công lý.

Trước đó, vào rạng sáng 7/7, tại chùa Mahabodhi ở Bodh Gaya đã xảy ra chín vụ nổ liên tiếp làm ít nhất năm người bị thương, song rất may toàn bộ khu chùa không bị hư hại.

Bộ Nội vụ Ấn Độ khẳng định đây là một vụ tấn công khủng bố.

Các nguồn tin tình báo Ấn Độ cũng đã khuyến cáo về khả năng xảy ra các cuộc tấn công nhằm vào những người theo đạo Phật sau khi xảy ra các cuộc xung đột tôn giáo ở Myanmar.

Cảnh sát địa phương đang triển khai các biện pháp điều tra và tăng cường an ninh cho khu chùa Mahabodhi.

Chùa Mahabodhi là nơi có gốc bồ đề mà Đức Phật đã ngồi thiền và đắc đạo. Đây là địa danh thường xuyên đón hàng triệu khách hành hương từ Sri Lanka, Trung Quốc, Nhật Bản và các nước thuộc khu vực Đông Nam Á như Việt Nam.●

Yêu cầu tăng cường an ninh ở Bồ Đề Đạo Tràng

Văn Công Hưng

(tổng hợp từ The Hindu và các báo khác)
theo giacngoonline



Các nhà sư dẫn đầu đoàn biểu tình bên ngoài Trung tâm Hội nghị Liên Hiệp Quốc tại Bangkok

Hơn 400 tu sĩ Phật giáo trên khắp Nam Á và Đông Nam Á đã tuần hành bên ngoài Trung tâm Hội nghị LHQ và sau đó là Đại sứ quán Ấn Độ tại Bangkok để phản đối vụ đánh bom Bồ Đề Đạo Tràng, trung tâm là Đại tháp Giác Ngộ làm bị thương ít nhất hai nhà sư vào Chủ nhật (7-7).

"Bồ Đề Đạo Tràng giống như trái tim của Phật tử khắp nơi trên thế giới, do đó, vụ đánh bom là một cú sốc", cư sĩ Pornchai Pinyapong, người đứng đầu Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới, đã tổ chức cuộc biểu tình hôm thứ Tư (10-7) cho biết.

"Chúng tôi muốn chính phủ Ấn Độ bảo vệ Bồ Đề Đạo Tràng nghiêm túc hơn và khôi phục lại các phần bị hư hỏng", ông nói.

Cảnh sát Ấn Độ hôm thứ Hai (8-7) đã bắt giữ một nghi can liên quan đến vụ đánh bom nhưng vẫn chưa khởi tố.

"Có 16 camera tại khu vực thánh tích này nhưng chỉ có một cái là hoạt động được", ông Pornchai nói, như một ví dụ về những gì mà ông nói là "biện pháp an ninh đầy đủ" tại nơi thiêng liêng này.

Vụ tấn công hôm Chủ nhật vừa rồi là vụ tấn công đầu tiên vào một trung tâm Phật giáo ở Ấn Độ.

Đại tháp Bồ Đề Đạo Tràng là Di sản Thế giới của UNESCO, một trong bốn thánh tích quan trọng liên quan đến Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, được đông đảo Tăng Ni, Phật tử khách hành hương và khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới đến chiêm bái mỗi năm.●

Ấn tượng về lễ xuất gia gieo duyên ở Thiền viện Phước Sơn

Theo: **Giác Ngộ Online**



Thiền viện Phước Sơn, tọa lạc trên đồi Lá Giang thuộc ấp Tân Cang, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã tổ chức xuất gia gieo duyên cho gần 150 Phật tử – phần lớn là các học sinh, sinh viên và người lớn có độ tuổi từ 3 tới 60 tuổi đến từ Đà Nẵng, TP. HCM, Đồng Nai (đã đăng ký trước đó).

Lễ khai mạc diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm, tràn đầy niềm hoan hỷ của các tân tu sĩ ngắn hạn cùng tất cả những người tham dự buổi lễ. Chứng minh trong buổi lễ khai mạc có: TT. Thích Bửu Chánh, UVTT HĐTS Phó Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai, Phó ban Hoằng pháp T.Ư, Trưởng BTC, cùng các chư tôn trụ trì và đại diện các chùa của hệ phái Phật giáo Nam tông Việt Nam.

Theo đó, chương trình được tổ chức với khóa tu một tháng tại thiền viện, nhằm tạo điều kiện cho các em học sinh, sinh viên có thời gian, môi trường học hỏi giáo pháp, góp phần xây dựng đời sống đạo đức, đời sống tâm linh cho mình và xã hội.

Truyền thống xuất gia gieo duyên rất được phổ biến tại các nước Quốc giáo như Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Sri Lanka, nhưng ở Việt Nam thì truyền thống này còn khá mới mẻ, hy vọng đây là bước khởi đầu để cho truyền thống xuất gia gieo duyên học đạo trong giới trẻ ngày càng phát triển.

Thời gian xuất gia là một tháng, từ 23-6 đến 23-7 (16-5 cho đến 16-6-Quý Tỵ). Lễ xuất gia gieo duyên kỳ 5 của thiền viện Phước Sơn với thời khóa

biểu khóa tu xuất gia gieo duyên theo quy định của thiền môn.

Những Phật tử xuất gia gieo duyên ấy sẽ học tập giáo lý của Đức Phật, thực tập theo lời Phật dạy và sống trong nếp sống thiền môn, nếu sau khóa tu có duyên lành thì sẽ phát nguyện xuất gia trọn đời. Nếu người nào không phát nguyện trọn đời xuất gia thì sau khi mãn kỳ hạn xuất gia gieo duyên, họ trở lại cuộc sống đời thường. ●



Các tân tu sĩ (gieo duyên) nhận y bát và phát nguyện tu tập trong 1 tháng.



Nữ Phật tử xuất gia làm tu nữ theo truyền thống Phật giáo Nam tông.

(tiếp theo trang 43)

khi tâm ta hiền lành, từ ái thì mọi thứ thiên đường sẽ hiện ra.

Khi mình cầu gặt, nhớ nhó với chồng, người chồng từ tốn nói: "Em, bình tĩnh nghe anh nói!". Nghe chồng nói như thế thì bình tĩnh, nhìn vào mắt chồng và tin chồng đi, ngồi xuống nghe chồng nói. Nếu làm được như thế thì mọi việc sẽ được êm xuôi. Chúng ta tu tập thì nên tập làm những chuyện này trước. Còn việc bố thí hàng trăm ngàn, trăm triệu, trăm tỷ... thì cũng nên làm, vì càng bố thí, cho đi bao nhiêu thì chúng ta càng nhận lại bấy nhiêu. Nhưng tình người, tâm Bồ-tát, tâm từ bi mới chính là điều quan trọng mà Đức Phật muốn nhắc nhở chúng ta trau dồi.

Khi bắt đầu việc tu tập là chúng ta bắt đầu biết vun tưới cho cuộc sống này. Đi đâu cũng muốn trồng một cây xanh, tưới một chút nước để cho cây hoa đẹp hơn, tại sao mình không về nhà mình vun đắp, chăm sóc cho chồng, cho con mình? Đó là sự lựa chọn của mình mà! Ngày xưa việc lấy chồng còn bị ép uống, còn bây giờ thì người phụ nữ chọn đàn ông chứ không phải đàn ông chọn phụ nữ. Gặp ai đó mà mình không thích thì khi họ đến nói chuyện, mình bỏ đi.

Kinh Phật có câu rằng: "Khi không còn phân biệt, không so sánh, đạo xuất hiện". Chúng ta không phân biệt thấp cao, nhưng chúng ta thấy cái này thấp, cái kia cao, ta hiểu cái ghế thấp để ngồi, bàn cao để đồ ăn... Nếu tu theo đạo Phật thì chúng ta sẽ đi tìm xem mình là ai, là bàn hay là ghế và việc mình cần làm là gì? Nếu như bản thân cái ghế mà không biết nó là ai thì nó sẽ ganh tị: "Anh bàn! Tôi ganh tị với anh lắm, vì ai cũng trân trọng anh, còn tôi thì ai cũng ngồi lên đầu lên cổ". Nhưng khi chúng ta biết mình là ai, chúng ta sẽ không nói như thế mà chúng ta sẽ nói rằng: "Tôi là ghế này! Mời mọi người ngồi!". Và lúc đó chúng ta sẽ thấy thành thối, thấy ghế này sao ăn khách quá, được mọi người thích quá. Như vậy là chúng ta sẽ không còn phân biệt trong mù quáng, tối tăm của sự thành bại, nhục vinh, giận hờn, yêu thương, ganh ghét, trả thù...

*"Đạo vốn không nhan sắc
Mà ngày càng gấm hoa
Trong ba ngàn cõi ấy
Đâu chẳng phải là nhà" (còn tiếp). ●*



GHPGVN tổ chức lễ cầu siêu các Anh hùng liệt sĩ tại Ngã ba Đồng Lộc

Theo: nguoiphattu.com

Chiều ngày 23/7/2013, trong chương trình kỷ niệm 45 năm Chiến thắng Đồng Lộc (24/7/1968 - 24/7/2013). Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Lễ cầu siêu tri ân anh linh các anh hùng liệt sĩ tại Ngã ba Đồng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Về tham dự lễ cầu siêu có HT. Thích Thanh Nhiễu, Phó chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN; HT. Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN - Trưởng Ban Hoằng pháp TƯ; TT. Thích Đức Thiện Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh văn phòng I GHPGVN. TT. Thích Chiếu Tuệ - UVHĐTS, Phó thư ký BHPTƯ, cùng toàn thể chư Tăng BTS. GHPGVN tỉnh Hà Tĩnh.

Buổi lễ có đại diện một số thân nhân các anh hùng liệt sĩ, các Đoàn viên thanh niên, các thiện nam tín nữ Phật tử, và nhà tài trợ chương trình lễ kỷ niệm.

Đàn tràng lễ cầu siêu được thiết trí tại nhà bia tưởng niệm lưu danh - Ngã ba Đồng Lộc, tại đây, thay mặt chư tôn đức GHPGVN, HT. Thích Bảo Nghiêm, HT. Thích Thanh Nhiễu cùng chư tôn đức đã niệm hương bạch Phật, làm lễ sám hối, lễ quy y, và tụng kinh cầu siêu cho anh linh các anh hùng liệt sĩ.

Lễ cầu siêu là dịp những người con Phật thể hiện tinh thần tri ân, báo ân đối với sự hy sinh lớn lao vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của các anh hùng liệt sĩ, cũng như đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam. Lễ cầu siêu không chỉ mang ý nghĩa cầu nguyện cho anh linh các anh hùng liệt sĩ được siêu thoát, mà còn nhắc nhở mọi người và toàn xã hội hãy trân trọng cuộc sống hòa bình và những hạnh phúc đang có hôm nay, hãy biết hướng tâm về điều thiện, hướng tâm về nẻo sáng để có được những chuỗi ngày được sống trong hạnh phúc, bình yên và siêu thoát những nỗi khổ.

Cũng tại đây, buổi sáng cùng ngày chư tôn đức GHPGVN, chư tôn đức GHPGVN tỉnh Hà Tĩnh và lãnh đạo chính quyền các cấp tỉnh Hà Tĩnh đã làm lễ dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ nhân lễ kỷ niệm 45 năm Chiến thắng Đồng Lộc. ●

Danh Sách Ủng Hộ Tạp Chí PGNT Số 32

01	Trần Vũ Gia Hân	05 quyển
02	Trần Vũ Gia Phúc	05 quyển
03	Nguyễn Phương Quỳnh	05 quyển
04	Nguyễn Việt Khôi	05 quyển
05	GĐ Trần Lê Khanh (PD Ngọc Quý)	10 quyển
06	Thích Ca Phật Đài	100 quyển
07	Lê Thị Hồng Phương	10 quyển
08	Lê Thị Minh Tân (PD) Nguyên Hương	10 quyển
09	Vũ Anh Tuấn	25 quyển
10	Ngô Triệu Linh (PD. Diệu Hiền)	10 quyển
11	Đức Thiện	05 quyển
12	Chu Kim Thạch	05 quyển
13	Đức Trí - Đức Dũng	05 quyển
14	Ái Liên, Ái Tâm, Ái Ngọc	10 quyển
15	Huỳnh Văn Qui	10 quyển
16	Nguyễn Thu Hồng	10 quyển
17	Nguyễn Minh Thống (Pd) Minh Đức	10 quyển
18	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
19	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
20	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
21	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
22	GĐ TN Quang Lộc - Hà Thế Hưng	100 quyển
23	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	35 quyển
24	PT Thiền viện Bồ Đề - Vũng Tàu	50 quyển
25	PT chùa Bửu Quang	50 quyển

26	Cô Mai	10 quyển
27	Cô Mười Trang	10 quyển
28	PT TV Thiện Minh - Vĩnh Long	05 quyển
29	Chùa Đức Hòa - Hà Nội	05 quyển
30	Trương Vy Visakha - USA	20 quyển
31	Chùa Thanh Long - Bình Dương	05 quyển
32	Chú Hội cô Lài	30 quyển
33	GĐ Trí Thọ	25 quyển
34	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
35	GĐ Đỗ Đăng	10 quyển
36	Huỳnh Thị Thanh Hiền	25 quyển
37	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
38	Chùa Đại Lộc - Ấn Độ	05 quyển
39	GĐ Trần Thị Nga (PD Quang Nga)	100 quyển
40	Chùa Bát Chánh Đạo	10 quyển
41	GĐ Đăng Phước	05 quyển
42	Nguyễn Văn Ánh	15 quyển
43	GĐ Phạm Thị Túy Vân	10 quyển
44	Phan Hùng Dũng	50 quyển
45	GĐ Nguyễn Hồng Lâm	10 quyển
46	Tô Võ Thành	05 quyển
47	GĐ Quách Thị Ngọc Hà	10 quyển
48	GĐ Liễu Vân	05 quyển
49	Phật tử sư Nguyên Tuệ	05 quyển
50	Sư Thiện Phước (chùa Giác Quang)	05 quyển

kD CỬA HÀNG NỆM MOUSSE
SINCE 1954 **ANH THU**
TRẦN THỊ NGÀ

Chuyên Bán Si Lề :
Drap - Gối - Mùng - Mền - Nệm Nước - Chiếu Tre
Tủ Nhựa - Lưới - Dây Dù - Bạt - Giường - Ghế - Thảm - Simily

Đặc Biệt : Cao Su Kym Đan Vạn Thành

ĐC : Số 229 Chợ A - Lê Văn Ninh - P. Linh Tây - Q. Thủ Đức
ĐT : 08.3896 8218 - DD : 0906.863.063 - 01219.866 591

HT DỊCH VỤ DU LỊCH
HUỲNH THẢO
DD : 0908.331 243

NHẬN HỢP ĐỒNG THAM QUAN DU LỊCH
CƯỚI - HỎI - SÂN BAY
Phục Vụ Tận Tâm - Chu Đạo - An Toàn

ĐC : 76/36/16, Đường 19 - KP.3 - P. Linh Chiểu - Thủ Đức

giá: 20.000 đồng